

BÁCH KHOA

13

15 THÁNG BẢY 1957

Trong số này :

HUỲNH-VĂN-LANG Hợp-lác-xô tiêu-thụ.

PHẠM-NGỌC-THẢO Lực-lượng quân-sự cơ-động và
lực-lượng quân-sự địa-phương.

Hào-Nguyên
NGUYỄN-HÓA Thử tóm-tắt học-thuyết Kant.

Từ-Quyên Đạt-cương nghệ-thuật kiến-trúc
ĐẶNG-VĂN-NHÂM nhà cửa.

LAM-VIỆT Một vài ý-tưởng về cuốn « Tân-văn
chọn-lọc » của Ba-Kim.

THUẦN-PHONG Đạo-nghĩa vợ chồng trong câu hò
miền Nam.

MẶC-THU Họa trúc ca (thơ)

LÊ-VĂN Nhân vế bản địa-đồ lí - hon (Tùy bút).

MINH-ĐỨC Dứt khéoát (truyện ngắn)

TỪ-VU
(bản dịch của Vi-Huyền-Đắc) Nhất gia (truyện dài)

TẠP-CHÍ BÁCH-KHOA

Trong những số tới:

- HOÀNG-MINH-TUYNH : *Chế-độ dân-chủ cổ-điển : nước Anh.*
- PHẠM-NGỌC-THẢO : *Quân-đội và nhân-dân.*
- NGUYỄN-VĂN-MẦU : *Quyền biện-luận trước tòa-án.*
- NGUYỄN-ĐỒNG : *Hiền-triết Hy-lạp : Héraclite.*
- Cô THOẠI-NGUYỄN : *Giáo-dục nhi-đồng.*
- VŨ-KỶ : *Mộng và Thực của khoa-học.*
- VÕ-PHIẾN : *Hai thể thơ Việt-Nam.*
- YÃ-HẠC và
TRINH-NGUYỄN } *Đưa nhỏ với cuộc đời.*



THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

Giá tiền trên đã tính cả cước-phi.

TÒA SOẠN : 412-414, đại-lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Hộp thư 339 — SAIGON

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE

CUỘC DU-NGOẠN 7 NGÀY

Saigon-Manille-Hongkong

bằng phi-cơ VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

Từ 25 đến 31-7-57



\$ 14.600 } mỗi người

KÈ CẢ TIỀN VÉ MÁY BAY KHU-HỘI, ĂN Ở,
DU-NGOẠN CÓ HƯỚNG-DẪN-VIÊN

Ngày đầu : Bay SAIGON – MANILLE
Ngày thứ 2 : Du-ngoạn MANILLE và TAGAYTAY
Ngày thứ 3 đến thứ 6 : Ở HONGKONG
Ngày thứ 7 : Bay HONGKONG về SAIGON



Mọi thê-thức giấy tờ và chăm lo ăn ở do

Vietnam Travel Agency

*Muốn tham-gia hành-trình và biết đủ chi tiết
về chương-trình du-ngoạn, xin hỏi :*

Việt - Nam Hàng - Không

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ

Đ. T. 22.446 — 47, 21.624 — 25 — 26

và

Vietnam Travel Agency

7, Bến Chương-Dương

Đ. T. 21.338 — 39.

Đính - chánh

Vì sự sơ-suất của ấn công, nên trong bài « Trở lại kế-hoạch năm năm, thử đề-nghị một thí-nghiệm » của Ô. Huỳnh-văn-Lang, trên Bách-Khoa số 12 ngày 1/7/57, có nhiều chỗ sai-lầm. Trân-trọng cáo-lỗi cùng độc-giả và xin đính-chánh lại như sau :

SỐ trang	SỐ giờng	ĐÁ IN LÀ	XIN ĐỌC LÀ
1	12	kỹ-thuật giấy...	kỹ-nghệ giấy...
3	3	nhieu giải-pháp trung-dụng...	nhieu giải-pháp trung-dụng...
6	26	ngày nào nhà máy chạy được thì sẽ giao cho họ tất cả số vốn để làm tiền luân-chuyển của họ và cả nhà máy...	ngày nào nhà máy chạy được thì sẽ giao cho họ tất cả với số vốn của họ để làm tiền luân-chuyển, cả nhà máy...
7	4	Bài này không đề-xương phải chú-trọng riêng đến ngành sản-xuất nào. Ngành nào cũng cứ cất lên cho tư-nhân mướn...	Bài này không đề-xương cái gì, cái gì ở trong khuôn-khò kế-hoạch là cứ cất lên cho tư-nhân mướn...
8	21	Bách-Khoa số 4, số 5	Bách-Khoa số 5, số 6

HỢP - TÁC - XÃ TIÊU - THỤ

HUỖNH-VĂN-LANG

DÂN-TỘC Việt-Nam ta xưa nay một phần rất lớn chuyên về nghề nông, một số ít mới biết thương-mại kỹ-nghệ ít lâu nay. Trọng-lượng sản-xuất đã kém mà năng-xuất của dân ta càng kém hơn. Hơn nữa, chế-độ thuộc-địa đã kèm-hãm dân-lộc ta trong lãnh-vực kinh-tế về mọi mặt, để rồi ngày độc-lập chánh-trị đến, ta nhìn lại thấy dân mình trước sau chỉ là người tiêu-thụ đang đứng trước cái lý-tưởng « kinh-tế độc-lập ». Đeo đuổi lý-tưởng kinh-tế độc-lập đã hẳn là có nhiều yếu-tố tích-cực ta phải có, như tăng-gia sản-xuất, tập-trung vốn liếng khai-thác tài-nguyên v.v... Về mặt tiêu-cực, ta cũng không quên là : hạn-chế phung-phí, tránh sự bóc-lột v.v... Hợp-tác-xã tiêu-thụ đứng về phương-diện tiêu-cực sau này. Gọi là tiêu-cực cũng không hoàn-toàn đúng-hẳn. Có lẽ một tỷ-du dễ hiểu hơn : kinh-tế Việt-Nam ta là một kinh-tế tiêu-thụ có thể so-sánh như một đũa trẻ, mà kinh-tế tiêu-thụ của ta bị bóc-lột tức là bị bệnh. Muốn cho đũa trẻ lớn lên, trưởng-thành, thì trước tiên phải lo lấy-trừ những chất độc, những căn bệnh, và bao giờ còn căn bệnh thì thuốc tây trừ vẫn còn cần.

Dân-lộc ta là một dân-tộc tiêu-thụ hơn là sản-xuất và là một dân-tộc tiêu-thụ bị bóc-lột. Không cần chứng-minh dài, so-sánh giá hàng nhập-cảng với giá tiêu-thụ thì thấy sự khác xa nhau to lớn quá. (Lúc này tuy tình-trạng có khác đôi chút, nhưng đó là tình-trạng bất-thường, một ngày kia sẽ biến mất). Giữa giá nhập-cảng và giá tiêu-thụ, trừ ra thuế-vụ ta phải trả cho Chánh-phủ, thì bao nhiêu người cũng chèn tay thêm giá lên : ngân-hàng, nhà nhập-cảng, nhà bán nửa sỉ, nhà

bán lẻ, mại - bản v. v. . . Xứ nào cũng thế? Phải, ở trong một chế - độ kinh-tế tự-do, cái hệ-thống trung - gian « làm - gởi » ấy vẫn còn mãi, nhưng ở xứ người chắc chắn cái hạng người trung-gian « làm-gởi » ấy, họ không có làm giàu nhanh chóng như ở xứ ta, so-sánh mức lời của họ thì sẽ rõ. Gọi là « làm - gởi » có khi mich lòng những người giới ấy, vì có tinh - cách thụ-động quá. Thực ra họ chẳng « làm-gởi » chút nào, họ là những người hết sức hiểu-động, nghĩa là những con cò, chúa sơn - lâm ăn thật nhiều và rất mau lòn, hay hơn nữa, họ là ông chủ, ông vua ở thị-trường. Có dịp đi qua một hai xứ gọi là tự-bản, ta nhận thấy người tiêu-thụ (hàng - hoá hay dịch - vụ) của họ, được người trung-gian và chính người sản-xuất, săn đón và trọng-đãi hơn ở Việt-Nam ta nhiều. Điều đó chỉ do là tại sản-xuất nhiều hay ít, tiêu-thụ nhiều hay ít, nhưng đó là điều để chứng-minh tình-trạng « hiểu-động » của trung-gian ở xứ ta. Tiếng hiểu-động ấy có nghĩa là « bóc-lột » không hơn không kém. Nói như thế không có nghĩa là quơ đũa cả nắm. Hơn nữa nên phân biệt những trung - gian ăn lời « phải chăng » và những trung-gian « thực-dân » (thực = ăn). Bài này nếu có chỉ-trích thì chỉ chỉ-trích hạng người sau này hơn.



Dân-lộc của ta là dân-lộc tiêu - thụ hơn là sản - xuất và nhất là tiêu-thụ bị bóc - lột, nên vẫn là một dân - tộc còn nghèo - nàn. Những độc-giả có may mắn được xuất-dương du - lịch chắc cũng phải đồng-ý với tôi điều này. Nói như thế là nói tổng - quát, so - sánh với các nước khác trên thế-giới. Còn riêng về trong nước thì số người nghèo cũng còn nhiều lắm : phần rất lớn là nghèo, còn giàu có đầy - đủ chỉ một số ít, nhưng cái giàu của người Việt mình có nghĩa gì đâu?

Tình trạng nghèo-nàn của ta còn hy-vọng giải-quyết được và cái bệnh bóc-lột còn hy-vọng cứu chữa được. Nhưng thuốc ở đâu, biện-pháp ở đâu? Trong vấn - đề này cũng như bao nhiêu vấn - đề khác ta quen tin cậy vào Thiên - hựu, nhất là cái hình - thức Thiên - hựu gọi là Chánh - phủ. Ta càng khó - khăn, ta càng lo - âu, ta càng hy-vọng nơi Chánh-phủ, càng kêu gọi sự giúp-đỡ của Chánh-phủ, càng trông-mong sự can-thiệp của Chánh-phủ. Cái thói quen đó nhiều khi thấy rất buồn cười và mang nhiều hình-thức giả-dối khác nhau (xem bài Hợp-Tác-xã Bách-khoa — số 3).

Ước gì Chánh-phủ đừng quên nghĩ đến sự nghèo-nàn của người dân, ước gì Chánh-phủ dùng mọi phương-tiện để đỡ bớt những sự khốn-

nạn của dân nếu không hủy-trừ nổi. Đó cũng là lẽ dĩ-nhiên và ta phải công-nhận là Chánh-phủ hiện giờ hơn chánh-phủ nào hết không bao giờ xao-lãng việc cải-thiện đời sống của người dân. Nhưng nếu nghĩ rằng Chánh-phủ một mình và chỉ một mình có thể giải-phóng dân-tộc khỏi cái tình-trạng nghèo-nản này được là một cái lầm to. Trách-nhiệm của Chánh-phủ to-tát thế nào đi nữa cũng không thể làm cho ta, người dân, không chút nào trách-nhiệm trong việc giải-phóng kinh-tế này. Không có sự cộng-tác của quốc-dân, Chánh-phủ không thể thành-công cái gì vĩnh-viễn được. Trách-nhiệm của quốc-dân giao-phó cho Chánh-phủ đã quá nặng-nề rồi, nếu ta không quan-lâm đến. Vậy cấp-tốc ta phải biết chia sẻ với Chánh-phủ. Cấp-tốc cùng một trật và song song với chánh-sách hành-động của Chánh-phủ, ta phải có một hành-động tập-hợp chống sự nghèo khổ đang làm hại tinh-thần của ta, cũng bằng nếu không hơn, làm hại thể-xác của ta. Một hành-động như thế có thể thực-hiện được tức thời không? Có một phương-tiện gì chắc-chắn linh-nghiệm để làm cho đời sống bớt khổ, bớt ác-liệt không? Hơn là một liều thuốc, một phương-thế, có một chủ-nghĩa gì lành-mạnh, vững chắc cho phép ta hy-vọng một chút sự an-cư lạc-nghiệp, mà nếu không có gì thì cũng không có hòa-bình xã-hội? Có, chủ-nghĩa như thế đã xuất-hiện rồi. Và điều đáng lấy làm lạ, đáng chú-ý là chủ-nghĩa ấy đã « giáng-sinh » trong một thời còn vô cùng tàn-bạo, vô-nhân-đạo hơn thời-đại của ta bây giờ. Bạn không lấy làm lạ tại sao cách nay đã trên 100 năm mà ta cũng vẫn còn gây lại bao nhiêu vấn-đề phải giải-quyết? Và càng lạ-lùng hơn nữa là cho được giải-quyết các vấn-đề ấy ta vẫn không tìm được phương-thức nào đơn-giản hơn, thực-tiễn hơn, linh-nghiệm hơn cái phương-thức mà người ta đã dùng từ đầu thế-kỷ thứ 19. Trong các cuộc cách-mạng, thế-kỷ thứ 19 đã mở-màn cho một cuộc cách-mạng mà hiệu-quả không bao giờ dứt: cuộc cách-mạng kỹ-nghệ. Chế-độ cơ-khi kỹ-nghệ nặng đã đến và để lại những trang lịch-sử thê-thảm nhất của giới thợ-thuyền. Ta có thể vẫn tất bằng hai tiếng: thất-nghiệp và bần-cùng. Trước tình-cảnh ghê-gớm như thế,, bao nhiêu tâm-hồn đại-độ, đạo-giáo đã cảm kích. Người ta đã xây-đắp bao nhiêu lý-thuyết bao nhiêu dự-án, bao nhiêu cải-cách. Tất cả những phong-trào bác-úí công-bình ấy, không mấy cái còn sống-sốt. Phần đông đều bị thời-gian quét sạch, chỉ vì hoặc nó quá không-tưởng, không thực-hiện được, hoặc nó chỉ giải-quyết được có một phần vấn-đề, không thỏa-mãn được sự đòi hỏi của con người. Thực ra, chỉ có một chủ-nghĩa ra đời lúc bấy giờ và tránh được sự tàn-phá của thời-gian. Hơn nữa, chỉ có mỗi một chủ-nghĩa đã lớn lên, bành-trướng và lan-tràn khắp thế-giới. Chính là chủ-nghĩa « Hợp-tác ».



Chủ-nghĩa Hợp-tác là cái gì? Bởi đâu mà sinh? Căn-bản thế nào? Ngày 21/12/1844 các thợ dệt nghèo Anh-cát-lợi đem ra thực-hiện cái quan-niệm mà bao người trước họ cố gắng thực-hiện: tức là quan-niệm hợp-tác. Họ tất cả là 28 người. Sau một năm hết sức cố-gắng, họ tập-trung được một số vốn là 28 Anh-kim và họ mở một hiệu buôn nhỏ. Những người ấy ta thường gọi là Equitables Pionniers de Rochdale (những người tiên-phong Rochdale) đã có một động-tác dám gọi là thực-tiến nhất, là lý-tưởng nhất của lịch-sử. Chương-trình của họ đưa ra cũng là chương-trình của những hợp-tác-xã thực-thụ ngày nay. Ta có thể tóm-tắt như sau:

« Hội có mục-đích kiếm được chút lời và cải-thiện tình-trạng gia-đình và xã-hội của các hội-viên bằng cách tập-trung một số vốn chia ra nhiều cổ-phần từng 1 Anh-kim và vừa đủ để thực-hiện kế-hoạch sau: mở một hiệu buôn-bán đồ ăn, quần áo v.v...; mua hay cất nhà cho những hội-viên nào muốn giúp đỡ lẫn nhau để cải-thiện đời-sống gia-đình và xã-hội; kinh-doanh sản-xuất hàng-hóa gì mà hội xét ra cần kíp phải sản-xuất để kiếm công ăn việc làm cho hội-viên nào lỡ ra thất-nghiệp hay bị giảm lương xuống luôn; mua hay mượn đất để các hội-viên không việc làm hay lương bổng quá thấp kém được khai-thác, trồng - trọt... »

Giải-thích bản tuyên-ngôn ở trên, nhà kinh-tế học Pháp Charles Gide có viết: nếu ta nghĩ đến những điều-lệ do các thợ dệt áo vải quần bò lập ra, mà hoàn-bị cho đến đôi 1/2 thế-kỷ kinh-nghiệm không thêm bớt chút gì được và nghìn nghìn hội được thành-lập ra vẫn đồ chép theo đó gần như từng chữ, thì ta phải định-ninh rằng đó là một hiện-tượng lỗi-lạc nhất trong lịch-sử kinh-tế. Nhưng nó lại đi qua mà ở Anh cũng như ở Pháp, các nhà kinh-tế học bấy giờ như không hay biết. Hệ-thống hợp-tác không phải xuất-hiện từ đầu óc của một nhà bác-học hay nhà cải-cách, song là từ tâm-can của quần-chúng.

Dư-luận thường bị ru ngủ, thường bị gạt-gỡ nên nhiều khi sanh ra đa nghi đối với những lý-thuyết, như là trong lúc khủng-hoảng khi mà các không-tưởng mọc như cỏ dại. Trước khi hành-động phải biết, trước khi tin-tưởng phải hiểu. Nhưng trong trường-hợp này ta không có quyền ngờ-vực, nghi-kỵ. Chính vì muốn cho bạn đọc phân-biệt chủ-nghĩa hợp-tác với bao nhiêu chủ-nghĩa khác mà tác-giả muốn nhận-định tình-trạng của chủ-nghĩa hợp-tác trong lịch-sử. Tác-giả muốn nhờ nó để chứng-minh một cách quả-quyết rằng:

1 — Chủ-nghĩa Hợp-tác không phải là một chủ-nghĩa mới có hôm qua hay hôm kia, chưa có rên ruyện ; song trái lại là một chủ-nghĩa có từ trước 1844, nghĩa là trước đây hơn một thế-kỷ và từ đó không bao giờ ngớt bành-tướng, trưởng-thành ;

2 — Hợp-tác-xã không phải là một cái mộng mà người ta rần rờng thực-hiện, nhưng trái lại ở khắp thế-giới hiện giờ, có hằng triệu hợp-tác-xã ở Mỹ-châu, Âu-châu, như ở Á-châu, Phi-châu, Úc-châu và có gần 100 triệu hội viên. Nghĩa là nếu mỗi gia-đình là 3 người, thì sẽ có gần 300 triệu người thừa-hưởng lợi-ích hợp-tác ;

3 — Chủ-nghĩa Hợp-tác không phải là một lý-thuyết do cân-não mò ám não tưởng-tượng ra từ trong một văn-phòng khảo-cứu xa thực-tế, song trái lại chính đời sống đề-xướng ra, chính những người thợ nghèo hèn đã cấu-tạo ra bằng những kinh-nghiệm của mình, những khốn-đốn của mình ;

4 — Những điều-kiện kinh-tế không cần phải giống với nhau hoàn-toàn đã gây ra cho có phong-trào hợp-tác lại xuất-hiện trong thời-đại hiện giờ, vì bây giờ cũng như đầu thế-kỷ thứ 19, thất-nghiệp và bần-cùng vẫn còn hoành-hành trong chúng ta.

Như thế đủ để chứng-minh với những người đa nghi rằng : Hợp-tác-xã tiêu-thụ là một cơ-sở hết sức phù-hợp với nhu-cầu của thời-đại chúng ta.

Bất-chấp đến những sự dè-dặt của một ít « nhà thông-thái » hay « chuyên-viên », tôi tin chắc rằng Hợp-tác là thể-thức hành-động hết sức cần kíp trong chế-độ kinh-tế tự-do của chúng ta. Những nguyên-tắc căn-bản của Hợp-tác ? Cần kíp phải định-nghĩa cho rõ-ràng vì hiện giờ có nhiều quan-niệm hợp-tác-xã hết sức buồn cười. Khi thì họ xem hợp-tác-xã như hội buôn, như câu-lạc-bộ ... là những tổ-chức hoàn-toàn kinh-tế. Cũng không thiếu những đần óc hết sức mờ-mịt đề-xướng những hợp-tác-xã là sở-hữu vừa của người tiêu-thụ vừa của « con buôn ». Đó là lầm lẫn mơ-hồ, gian-đối, ta phải dả-phá, nhất là trong lúc pháp-luật của ta dề-dãi để cho những hội buôn hoàn-toàn thương-mại đứng ra lợi-dụng danh-nghĩa hợp-tác-xã.



Vậy hợp-tác-xã tiêu-thụ là gì ? Chỉ là hội tự-do của những người tiêu-thụ mà mục-dịch là cung-cấp cho các hội-viên tất cả cái gì đời sống họ cần với một giá hết sức rẻ. Bây giờ thử định-nghĩa từ danh-từ một.

Hợp-tác-xã tiêu-thụ tiên vàn là một hội tự-do. Không cần phải giải-thích hội là gì, ai ai cũng hiểu: thợ thuyền, nông-phu, trí-thức, điền-chủ, kỹ-nghệ-gia, thương-gia v.v... có thể hợp-thành từng hội, từng đoàn được. Các tổ-hợp ấy có một mục-đích riêng và mỗi tổ-hợp chỉ nhận những hội-viên cùng một loại, một nghề-nghiệp, một giai-cấp. Trong mỗi trường-hợp thì xem như là một gia-đình nhỏ hết sức ghen tị, gìn-giữ, phù-hộ quyền-lợi riêng của mình và mấy khi lo-lắng gì khác hơn là nhu-cầu của mình.

Còn về Hợp-tác-xã thì khác. Cái hội này rộng-rãi hơn, nhân-đạo hơn, nó thu nhận mọi người. Ai ai cũng có thể gia-nhập. Chỉ cần là người tiêu-thụ, từ anh thợ thất-nghiệp đến chủ-nhân-ông quyền-thế, vì ai ai cũng phải ăn để sống.

Một hội mở cửa rộng-rãi như thế được định-nghĩa là hội tự-do, ngược lại với những hội « kín » chỉ thu-nhận trong giới hạn-định. Ai ai muốn làm xã-viên thì tự-do làm, và muốn thôi thì tự-do thôi, theo ý của mình.

Hợp-tác-xã tiêu-thụ có mục-đích cung-cấp tất cả cái gì cần-thiết cho đời sống của xã-viên với một giá rẻ hết sức. Nhưng làm sao bán giá rẻ hơn kẻ khác được? Đây là thế-thức: thay thế những sự mua cá-nhân bằng những sự mua tập-đoàn, thay thế ích-kỷ bằng đoàn-kết. Sự tiêu-thụ là căn-bản sự sống của con người. Đó là một định-luật bất-di bất-dịch. Cho được thỏa-mãn nhu-cầu ấy ta phải thành-lập tiệm buôn. Các chủ-nhân các tiệm ấy, dù là công-ty hay tư-nhân, đều không phải là những nhà bác-ái (philanthropes). Thực sự không gì xa với bác-ái bằng thương-mại. Không ai làm « áp-phe » để làm lợi cho kẻ khác. Cho nên ngoài tiền-lương, lương-bổng của họ, các con buôn, bán mỗi món hàng, còn tính vào một số tiền « con con » « lớn lớn » gọi là tiền lời. Kinh-tế buôn bán sống nhờ cái tiền thặng thu do người tiêu-thụ trả. Bã bỏ hay ít ra giảm bớt đến tối-thiểu sự sai biệt giữa giá vốn và giá bán lẻ, tức nhiên là ta giảm được giá sanh-hoạt. Nói cách khác, ta phân-khối cho nhiều người cái gì đến nay chỉ vào tay của một người. Có thể bã bỏ cái thặng-dư ấy không? Để làm và hợp-tác hiểu như thế khi muốn bảo rằng: cung-cấp cho hội-viên với giá rẻ hết sức những thứ gì cần-thiết để sống.

Hợp-tác-xã bã-bỏ tiền lời (profit) thế nào? Với số vốn của Xã-viên bỏ ra, Hợp-tác-xã mở một tiệm buôn. Nó mua của nông-phu, của nhà sản-xuất, của nhà bán buôn (sỉ), hay hơn nữa, nó mua của hợp-tác-xã khác và bán lại cho xã-viên theo giá thị-trường. Cho nên cũng như các doanh-nghiệp đứng-đắn khác (1) cuối năm hợp-tác-xã

sẽ có tiền lời — số tiền lời ấy Hợp-tác-xã thay vì giữ lấy cho mình sẽ đem trả lại cho những người tiêu-thụ đã sanh ra số lời ấy, tức là những khách hàng của mình. Khi đã khấu-trừ các chi-tiêu rồi, Hợp-tác-xã sẽ trả lại cho các xã-viên số thặng thu mà Hợp-tác-xã đã thu được. Và cho được công-bằng, thì Hợp-tác-xã sẽ trả theo tỷ-lệ trọng-lượng mua của mỗi khách hàng. Số tiền trả lại như thế gọi là tiền hồi-khấu (Ristourne). Đó là thẻ-thức Hợp-tác-xã cung-cấp hàng-hóa cần-thiết cho xã-viên với một giá hết sức rẻ. Hợp-tác-xã bãi-bỏ tiền lời, hay nói cho đúng hơn là Hợp-tác-xã chia tiền lời cho những người cấu-tạo ra tiền-lời. Như thế không có gì là phức-tạp là bí-mật. Thẻ-thức ấy, trái lại, hết sức giản-liên và chính-đáng, và hiện có gần 300 triệu người rải-rác khắp thế-giới giờ phút này thừa hưởng lợi-ích đó như thế.

1/ Cho được thành-lập Hợp-tác-xã trước tiên phải tin-tưởng, phải có óc tương-trợ, đoàn-kết và vì chúng ta sống ở thế-giới này lúc nhiên phải có vốn. Cho được có vốn thì ta có thể phát-hành những cổ-phần.

Các nhà tiên-phong Rochdale tất cả 28 người, mỗi người mỗi Anh-kim. Nền lưu-ý là khác với những giá-khoán mậu-dịch ở thị-trường Giá-khoán, (Bourse) các cổ-phần Hợp-tác-xã không thể mua bán được, các cổ-phần Hợp-tác-xã không đổi giá cả lên xuống được. Giá các cổ-phần Hợp-tác-xã không thay đổi, để những người đến sau khỏi phải mua đắt hơn những người đến trước. Và người ta không «đầu-cơ» cổ-phần Hợp-tác-xã được.

2) Kế đến các xã-viên có cổ-phần nhiều hay ít (thường khi Hợp-tác-xã định một số tối-thiểu và một số tối-đa), nhưng dù nhiều hay ít xã-viên chỉ có một phiếu trong hội-đồng. Cho nên trong thế-giới không có một tổ-chức nào dân-chủ hơn được. Nhờ thế mà Hợp-Tác-Xã trước sau vẫn là của chung cho mọi người, không thể thành sở-hữu của một ai hay một nhóm thiểu số nào được. Ở đây nhân-vị được tôn-trọng hơn tiền-tài. Các xã-viên chọn hội-đồng quản-trị, ủy ban kiểm-soát và quyền-hạn của họ là quyền-hạn thật chớ không phải tượng-trưng như trong các công-ty nặc-danh.

3) Sau hết các cổ-phần ấy không có liên-can gì đến số tiền lời (bénéfice) vì chính trọng-lượng mậu-dịch của mỗi xã-viên định lấy các phần hồi-khấu của xã-viên. Còn tiền lời (intérêt) phải trả cho, tiền vốn thì bị hạn-định. Thường khi Hợp-Tác-Xã không trả tiền lời cho một số cổ-phần đầu, ví dụ nhất-định số tối-thiểu là 10 cổ-phần, thì 10 cổ-phần đầu không được có tiền lời (intérêt). Nếu xã-viên góp 15 cổ-phần thì chỉ 5 cổ-phần sau được tiền lời thối, và phán-xuất tiền lời bị giới-hạn.



Đến đây tác-giả chỉ nói đến phương-tiện kinh-lẽ của Hợp-Tác-Xã thôi. Nhưng xét về phương-diện kinh-lẽ thì Hợp-tác-xã cũng đã làm được nhiều kia rồi, nghĩa là giảm bớt giá sinh-hoạt, cho các xã-viên cuối năm được thâu vào một số tiền đáng lý ra họ phải mất vào tay kẻ khác, giúp các xã-viên tiết-kiệm mà không phải hà-tiền. Thực là lạ lùng vì làm « áp-phe » mà không phải chạy chọt, làm lợi mà không phải ích-kỹ, gian-lận. Nhưng đó không phải là tất cả những cái lợi của Hợp-tác-Xã. Vừa là một doanh-nghiệp kinh-lẽ, Hợp-tác-Xã còn là một doanh-nghiệp xã-hội. Trước khi chia tiền hồi-khấu, Hợp-Tác-Xã còn phải lấy ra một số tiền để công-tác xã-hội. Khi đã thỏa-mãn xong nhu-cầu của dạ-dây, Hợp-Tác-Xã còn chú-trọng đến việc thỏa-mãn nhu-cầu của tinh-thần. Khi thì xây thư-viện, nhà trường, khi thì nó tổ-chức trại hè cho con em, nhà nghỉ cho ông già bà cả. Có lúc xây nhà cửa cho thợ-thuyền, nhà thương, nhà thuốc. Tất cả các công-tác ấy chỉ có mỗi một mục-đích, là làm cho đời sống bớt khốn-đốn, bãi-bỏ những duyên-cớ gây-cấn, thù ghét, gieo giải bình-an xã-hội trong giai-cấp. Không một tổ-chức nào giúp-ích cho việc đoàn-kết, cho tình huynh-đệ hơn, không một tổ-chức nào làm giảm bớt những sự rối-loạn phong-hoá hơn.



Nói về Hợp-tác-xã, giảng về chủ-nghĩa Hợp-Tác, không phải là theo một cái mộng quảng-đại mơ hồ. Trái lại đó là đứng trong lãnh-vực thực-lẽ, quan-tâm đến một tổ-chức linh-động, tân-tiến. Hiện giờ ở Việt-Nam ta Hợp-Tác-Xã đã khởi sự thành-lập nhiều rồi, nhưng những Hợp-Tác-Xã tiêu-thụ cần phải bánh-trương hơn nữa. Cái cử-chỉ nuôi sống mình thì không có gì tầm thường bằng. Nhưng tất cả công-trạng của Hợp-Tác-Xã tiêu-thụ là biến đổi cử-chỉ tầm-thường đó thành ra một tài-nguyên dồi-dào. Mỗi lần ta, người xã-viên, mua ở Hợp-Tác-Xã, thì ta tin chắc rằng mỗi lần ta tiết-kiệm được 5 ba cắc, một hai đồng; nhân số cắc số đồng ấy với số ngày trong một năm, rồi nhân tất cả với một phần dân số của ta thì sẽ thấy số tiền tiết-kiệm của dân ta lên biết là bao nhiêu.

HUỲNH-VĂN-LANG

Danh-ngôn, danh-lý trong số này quy về ý chính

« CUỘC ĐỜI VÀ BỨC-ĐỘ »



Một ý - kiến về

LỰC - LƯỢNG QUÂN - SỰ CƠ - ĐỘNG

v à

LỰC - LƯỢNG QUÂN - SỰ ĐỊA - PHƯƠNG

PHẠM-NGỌC-THẢO

MONG một cuộc chiến-tranh, một phe có khi tấn - công phe địch, có khi lại bị địch tấn-công và phải giữ thế thủ. Lúc tấn, lúc thủ là hai hình-thái thường xảy ra.

Nhưng có khi bị địch tấn - công, mình có thể không giữ thế thủ đơn-thuần mà lại tấn-công ngược lại để phá thế tấn-công của địch. Trường - hợp này là lấy thế tấn-công đối-phó với thế tấn-công. Đó

là một lối phòng-thủ khéo-léo và có thể tranh-thủ trước quyền chủ-động của phe khởi-công.

Lực-lượng quân-sự dùng để phòng-thủ và lực-lượng quân-sự dùng để tấn-công có phải là một lực-lượng duy-nhất hay không ? Trên căn-bản và về phương-diện chiến - lược người ta thường dùng hai thứ lực-lượng quân-sự để phân - công làm hai nhiệm-vụ khác nhau. Phòng-thủ địch ở nội-tuyến thường là nhiệm-vụ của lực-

lượng địa - phương. Tấn - công địch ở ngoài - tuyến thường là nhiệm - vụ của lực - lượng cơ - động tức là lực - lượng không bị những trách-nhiệm bảo - vệ một địa-phương nào đặc-biệt ràng buộc, được rảnh tay và được tổ - chức trang-bị cùng huấn-luyện thích-hợp để lưu - động mau chóng từ nơi này sang nơi khác, tìm chỗ sơ - hở của địch mà chủ - động tấn - công.

Tuy căn - bản và về phương - diện chiến-lược là như vậy, song không nhứt-thiết là lực - lượng địa - phương chỉ lo phòng-thủ đơn-thuần. Trong chiến-đấu, có khi nó cũng tấn-công nhưng đây chỉ là một cách phòng - thủ tích - cực. Còn lực - lượng cơ - động cũng có thể gặp trường - hợp phải phòng - thủ một địa-phương, nhưng đó chỉ là thể tạm để bước sang thể tấn-công chiến-lược.

Trong việc lãnh - đạo chiến-tranh, sự điều-hoà thể công và thể thủ cho thích-hợp với khả - năng của mình và của địch, thích-hợp với tình-hình của mình và của địch, là tranh được phần thắng-lợi. Muốn làm được việc đó, phải biết xây-dựng lực-lượng địa-phương và lực-lượng cơ-động cho cân-xứng, cho thích-ứng với ý định tấn và thủ, xây - dựng trên một nhận-định sáng-suốt về tình-hình.



Việc xây - dựng hai lực - lượng trên không thích-hợp với tình-hình, thường đem lại những thất - bại khó tránh, dù tướng-tá có chỉ-huy chiến-đấu tài-tình.

Tại Nam - Việt năm 1949, Bộ Chỉ-Huy lực-lượng kháng - chiến, vì nhận-định tình-hình quá lạc-quan, lầm-tướng

giai-đoạn tấn-công chiến - lược đã đến, nên lại quá chú - trọng xây - dựng lực-lượng cơ-động, hòng dành thế chủ-động tấn-công lớn. Họ tập-trung người giỏi và vũ-khí tốt rút ở lực-lượng quân-sự địa - phương, để thành - lập gần bốn Trung-Đoàn Cơ-Động. Đã là lực-lượng cơ-động, những đơn-vị này được phân-công rất nhẹ về nhiệm - vụ phòng - thủ địa-phương, để rảnh tay tập-luyện những chiến-thuật chiến-đấu vận-động, chiến-đấu công-kiên, hầu có đủ khả - năng chủ-động tấn - công lớn. Họ cũng mở được những chiến - dịch có tiếng tăm, song bình - tĩnh xét lại kết-quả về mặt quân-sự, ta nhận thấy không có thắng-lợi đáng kể. Qua năm sau, các lực-lượng cơ-động ấy, tuy không thay đổi danh - nghĩa, song phần lớn cũng phải trở lại nhiệm - vụ địa - phương - quân. Những sự thay đổi không thích - hợp đều phải trả bằng giá rất đắt là tài-sản của nhân - dân và tánh - mạng của binh-sĩ. Phía bên Bộ Chỉ-Huy lực-lượng Pháp, hai năm sau, cũng lại mắc sai-lầm đúng y như vậy. Họ cũng rút người của đơn-vị địa-phương để thành-lập những đơn-vị cơ-động, dự-định để lưu-động và chủ-động tấn-công. Họ làm yếu lực-lượng địa-phương, trong khi họ chưa nắm được thế chủ-động tấn-công lớn. Lực-lượng địa-phương không đủ sức cầm-cự nên bị uy-hiếp. Đơn-vị cơ-động cứ bị-động phải tiếp-cứu địa-phương này đến địa - phương khác. Rốt cuộc cũng không làm được đúng nhiệm - vụ của lực-lượng chủ-động tấn-công.

Kinh-nghiệm cho biết, khi lực-lượng địa - phương chưa vững, mà hấp - tấp xây-dựng lực-lượng cơ-động hòng nắm quyền chủ-động tấn - công chiến - lược,

thường đưa ta đến sự thất-bại và tồn-hại về tài-sân cũng như về tánh-mạng người.

Một sai-lầm khác thường xảy ra trong việc xây-dựng lực-lượng địa-phương và cơ-dộng là sự phân-biệt không dứt-khoát về tánh-chất khác-biệt của hai lực-lượng ấy. Một bên có nhiệm-vụ căn-bản là phòng-thủ địa-phương. Vì thế nó phải am-hiểu thông-thạo địa-phương về mọi phương-diện: phải thông-cảm tâm-lý dân trong vùng, biết căn-kế phong-tục tập-quán, thuộc lòng địa-hình địa-vật, nương tựa vào người và vật của địa-phương để lấy đó làm ưu-thế chống với kẻ địch thường có kỹ-thuật cao hơn, có vũ-khí tối-tân hơn. Trái lại, lực-lượng cơ-dộng cần có trình-độ chiến-đấu cao, có khả-năng xử-dụng tất cả những vũ-khí tối-tân nhất của mình, có sức dẻo-dai và lanh-lẹ vận-dộng xa và mau. Hai loại đơn-vị, hai tánh-chất khác nhau, tuy căn-bản vẫn là lực-lượng quân-sự biết tấn, biết thủ trong chiến-đấu. Vì không phân-biệt dứt-khoát hai tánh-chất khác-biệt nói trên, nên có khi cán-bộ của đơn-vị cơ-dộng được chuyển-chuyển sang đơn-vị địa-phương lại muốn cải-tổ đơn-vị này theo đơn-vị cũ của mình vậy. Họ vừa đến đơn-vị mới là cả một sự đảo-lộn về hình-thức: sửa cách chào đón, đổi cách xưng hô, phá nội-quy cũ, thay nội-quy mới, thường phạt-răng-rắc. Kết-quả: binh-sĩ và cấp dưới hoang-mang và chính bản-thân vị chỉ-huy cũng khờ-tâm và mất tin-tưởng. Vì tánh-chất khác, nhiệm-vụ khác, nên sự huấn-luyện cũng không thể giống được. Không phải là muốn cho đơn-vị địa-phương thua kém về kỹ-thuật mãi, trái lại, vẫn phải làm sao cho kỹ-thuật của nó càng ngày càng tân-tiến,

song đường-hướng phải khác với đường-hướng huấn-luyện của đơn-vị cơ-dộng. Tôi được biết những đơn-vị địa-phương có dịp phối-hợp chiến-đấu với đơn-vị cơ-dộng rồi về sau cứ nghĩ cách tập-luyện để trở thành y như đơn-vị cơ-dộng. Đã là địa-phương-quân thì phải thông-thạo cách chiến-đấu theo đơn-vị nhỏ-lẻ-tẻ, có khi đại-đội, có khi trung-đội, có khi tiểu-đội, có khi ít hơn nữa. Nếu chỉ chú-trọng tập chiến-đấu theo Đại-Đội tập-trung của các đơn-vị cơ-dộng và xây-dựng cho binh-sĩ quen với tư-tưởng đó, thì nay mai, khi họ bị bắt buộc phải chiến-đấu đúng theo phương-châm của địa-phương-quân, họ sẽ bỡ-ngỡ và lúng-túng. Họ sẽ sợ chiến-đấu lẻ-tẻ.

Cũng vì phân-biệt không dứt-khoát tánh-chất khác-biệt trên, nên đôi khi việc sắp-xếp cán-bộ chỉ-huy lại không thích-hợp với khả-năng và sở-trường. Có những vị chỉ-huy đơn-vị cơ-dộng rất linh-động, nhưng khi được đưa về phụ-trách đơn-vị địa-phương không làm tròn nhiệm-vụ. Họ không hòa mình được với nhân-dân trong vùng. Họ làm cho đơn-vị địa-phương có tiến-bộ về kỹ-thuật chiến-đấu, song bị cô-lập với nhân-dân. Họ không phải là kém và có thể học tập thêm nhiều lý-thuyết quân-sự và đem nó ra áp-dụng, song vì trẻ tuổi thiếu kinh-nghiệm ở đời, hoặc vì cá-tánh không thích giao-thiệp, hoặc vì lý-do gì khác nữa, họ không thể biến người và vật trong địa-phương thành hậu-thuần của đơn-vị nên thất-bại trong nhiệm-vụ phòng-thủ địa-phương.

Trái lại, tôi cũng biết có những vị chỉ-huy phụ-trách địa-phương rất xuất-sắc, nhưng

khi được đề-bạt về điều - khiển đơn-vị cơ-động, họ hết sức lúng-túng và không gây được uy-tín trong đơn-vị.

Một trở-ngại khác nữa trong việc xây-dựng lực-lượng địa-phương và cơ-động là nhận-định sai - lầm về giá-trị của hai loại lực-lượng ấy. Thường thường, người dân có khuynh-hướng trọng binh-sĩ của đơn-vị cơ-động hơn binh-sĩ của địa-phương quân. Vì một đảng có quần áo tương-đối tốt đẹp hơn, có vũ-khí tối-tân hơn, trú quân trong đồn - trại đồ-sộ hơn, có xe cộ nhiều hơn, có một lối đội mũ nghiêng nghiêng méo méo có « điệu » hơn, nên thường-dân bị những điều-kiện vật-chất chi - phối, rồi đánh giá binh-sĩ của đơn-vị cơ-động cao hơn quân - nhân của đơn-vị địa - phương. Do nhận-định sai-lầm đó của dân chúng, nên chính bản-thân người địa-phương-quân cũng có cảm-giác mình thua kém ; trái lại, sĩ và binh của đơn - vị cơ - động lại có ý-nghĩ là giá - trị mình cao hơn. Trong một cuộc biểu-diễn của đơn-vị cơ-động, tôi có dịp đứng gần một quân-nhân thuộc địa-phương quân. Khi thấy dân-chúng hoan-nginh các bạn của anh đang diễn - hành, tôi có cảm-giác là anh có phần tủi thân vậy.

Chiến-đấu-lẻ-tẻ, âm-thầm, thường-xuyên, không kèn, không trống, ít được dư-luận chú-ý. Nhưng, thực ra nếu không có lực-lượng địa-phương phòng-thủ đất đai, thì các đơn-vị cơ-động cũng không sao có đủ điều-kiện tập-luyện thuần-thục và chủ-động mở những cuộc tấn - công lớn. Xe hơi kiểu Anh, Mỹ có giá-trị hơn xe đạp, nhưng không chắc kẻ ngồi trên xe hơi đó lại có giá-trị hơn người đạp xe máy. Cây súng tốt có

giá-trị hơn cây súng xấu, nhưng không nhứt - thiết người cầm súng tốt lại có giá-trị hơn người cầm súng xấu. Giá-trị ở chỗ mình có làm tròn nhiệm - vụ hay không, còn mình thuộc về quân cơ-động hay thuộc về địa - phương - quân cũng thế thôi. Nhận - định sai - lầm về giá-trị giữa địa-phương - quân và quân cơ-động cũng là một yếu - tố làm trở - ngại cho việc xây-dựng lực-lượng quân-sự. Nó là nguyên - do sâu - sắc có thể cản-trở một sự phối-hợp chặt-chẽ giữa hai lực-lượng quân-sự căn-bản cần phải hỗ-trợ cho nhau, nương - tựa với nhau, bằng không, sẽ bị địch lần - lượt tiêu-diệt kể trước người sau.



Lực-lượng địa-phương và lực-lượng cơ - động cần phải được xây - dựng có nhịp-nhàng. Nếu quá nhứt-nhất, chỉ lo củng-cố lực-lượng địa-phương thì trong chiến-tranh sẽ bị dồn vào thế thủ và dễ bị - động. Trái lại, nếu quá chủ - quan háo-thắng hay bị vật-chất bề ngoài làm xuyên-tạc nhận-định xác-đáng, rồi chỉ lo xây-dựng lực-lượng cơ-động và nhẹ về lực-lượng phòng-thủ thì thế chủ - động tấn-công mà mình định tạo ra cho mình với một lực - lượng cơ-động lớn mạnh, sẽ không có căn-bản vững-chắc ; sau một giai-đoạn ngắn, mình sẽ bị dồn vào thế thủ trong hoàn-cảnh thiếu chuẩn-bị.

Nếu nền-tảng của một ngôi nhà không chắc thì thượng-tầng kiến-thiết của ngôi nhà ấy, dù có đẹp cũng không đứng vững được. Người không am - hiểu về kiến-trúc, đi xem nhà chỉ biết dòm và khen cửa sổ đẹp, gạch bông khéo, màu tường xinh, và những căn phòng

xếp đặt gọn-gàng. Nhưng nếu mai kia nền nhà lún xuống, họ sẽ thấy bức tường màu xanh sẽ rạn nứt, cửa sổ đẹp sẽ méo đi, gạch bông tốt sẽ bể. Lúc đó họ mới hiểu giá-trị của cái nền tốt.

Lực-lượng quân-sự địa-phương giống như nền nhà. Lực-lượng quân-sự cơ-động giống như thượng-tùng kiến-thiết. Chỉ riêng lực - lượng địa - phương hay lực-lượng cơ - động cũng không giải - quyết được một cuộc chiến-tranh. Hai lực-lượng đó cần phải có đủ và đều-dặn thì mới có thể thắng-lợi. Người không am-hiểu về quân-sự khi nhìn quân-đội chỉ chú-trọng về lực-lượng cơ - động và tối - tân. Nhưng lúc lâm-cảnh chiến - tranh, chính bản-thân đơn-vị cơ - động thấy rõ-ràng sự bất - lực của mình nếu không được một lực-lượng địa - phương hộ - trợ và nhận lãnh một phần của nhiệm-vụ quân-sự chung.

Nhìn rộng hơn một chút nữa, ta cần nhớ một ngôi nhà dù có nền chắc, dù có thượng - tầng kiến - thiết tốt và bền, cũng phải nương-tựa nơi đất. Lực-lượng địa-phương và lực-lượng cơ-động, dù bản-thân có mạnh-mẽ đi nữa cũng phải nương-tựa nơi nhân-dân. Nếu Dân không làm hậu - thuẫn cho Quân, thì Quân sẽ thất-bại.

Lịch-sử chiến-tranh, nhứt là trong hai thế-kỷ gần đây, đã chứng rằng tiêu-diệt một quân - đội chưa phải là giải - quyết thắng-lợi một cuộc chiến-tranh. Vậy xét cho đến cùng, giá - trị một quân - nhân trong đơn-vị cơ-động không hơn giá-trị bạn họ trong đơn-vị địa-phương, và giá-trị của một quân-nhân không hơn giá-trị của một thường dân. Sự hơn kém không phải do điều-kiện vật-chất bề ngoài mà do chính mình có làm tròn nhiệm-vụ con người hay không.

PHẠM-NGỌC-THẢO

★ TRỊ BINH

Vũ-Hầu hỏi rằng : « Đạo dùng binh nên làm gì trước » ?
 Ngô-Khởi thưa rằng : « Trước phải rõ bốn nhẹ, hai nặng, một tin ». Hỏi : « Thế là thế nào ? » Thưa rằng : « Khiến cho đất coi ngựa làm nhẹ, ngựa coi xe làm nhẹ, xe coi người làm nhẹ, người coi chiến làm nhẹ. Biết rõ chỗ hiểm chỗ dễ thì đất coi ngựa làm nhẹ, rơm cỏ đúng bữa thì ngựa coi xe làm nhẹ, dầu mỡ có thừa thì xe coi người làm nhẹ, gươm sắc giáp bền thì người coi chiến làm nhẹ. Tiến có thưởng nặng, lui có phạt nặng, làm giữ đều tin. Có đủ bấy nhiêu thì là chủ-yếu của sự thắng. »

NGÔ - TỬ

THỦ TÓM-TẮT HỌC-THUYẾT KANT

Hào-Nguyên NGUYỄN-HÓA



ÔM nay chúng tôi thử đề-cập đến học-thuyết luân-lý của nhà triết-học Đức Emmanuel Kant (1724-1804).

Sánh với các học-thuyết đã đề-cập trước, học-thuyết này có phần phiền-phức, rắc-rối hơn.

Học-thuyết Kant chiếm một địa-vị rất quan-trọng trong luân-lý, như chính địa-vị quan-trọng của triết-học luân-lý trong nền triết-học nói chung. Lại có người ví cái địa-vị quan-trọng ấy như chính cái địa-vị tối-đại của luân-lý mà Kant dành trong toàn-thê hệ-thống triết-học của mình.

Học-thuyết Kant gây ảnh-hưởng rất lớn lao và lâu bền trong đời sống luân-lý ở xã-hội văn - minh ngày nay. Có người cho rằng chính cái ý - thức tôn - trọng danh-dự cá-nhân, nhân-phẩm của người là ý-thức phổ-biến ngày nay có thể đã bắt nguồn từ tư-tưởng Kant. Cho nên ta không ngờ rằng, ngay cả đến các nhà lập-pháp, lập ra những bộ luật văn-minh, lấy sự tôn-trọng nhân-phẩm của con người làm tinh-

thần căn-bản, có lẽ cũng đều chịu ảnh-hưởng không gần thì xa học-thuyết Kant cả. Ngay đến phái tân-học ở nước ta đây, chịu ảnh-hưởng văn-minh Tây-phương, đều ít nhiều chịu ảnh-hưởng của Kant, ít ra cũng trong tư-tưởng tôn-trọng cá-nhân. Xem thế ảnh-hưởng tư-tưởng Kant trong xã-hội tân-tiến ngày nay thật lớn-lao vậy.

Học-thuyết Kant như thế nào ?

Trước khi đi vào học-thuyết Kant, ta chớ quên rằng Kant sinh-trưởng trong gia-đình Tin-lành. Ông đã chịu ảnh-hưởng rất sâu-xa của mẹ ông, một người đàn bà tuy ít học, nhưng rất ngoan-đạo, noi theo đạo-đức một cách chặt-chẽ, khắc-khò, khiến cho ông sau này lớn lên, tuy suy nghĩ tự-do nhưng vẫn tôn-trọng đạo-đức. Cũng vì ảnh-hưởng của mẹ ông mà ông đã sớm tìm nguồn suy-luận luân-lý trong sâu thẳm của lương-tâm, và trong sự gần bó thiết-tha của Thượng-Đế. Cũng lại bởi ảnh-hưởng ấy mà từ tuổi-trẻ, ông đã tỏ ra tôn-trọng cái ý-chí của nội-tâm, cái tính-cách khắc-khò của bản - phận. Trong triết - học,

suốt đời, ông không hề rời khỏi ảnh-hưởng ấy. Ngoài ra lòng tin ở bản-chất thiện của loài-người, lòng quý-trọng cá-nhân, quý-trọng nhân-dân, quần-chúng, và sự tin-tưởng rằng luân-lý không phải là vấn-đề của khoa học, cũng không phải là vấn-đề của lý-thuyết, đều là những tư-tưởng mà Kant chịu ảnh-hưởng của Rousseau cả, tuy Rousseau trái với Kant, chủ xướng một thứ luân-lý tình-cảm (1).

Tuy Kant chịu ảnh-hưởng Rousseau như thế, nhưng học-thuyết luân-lý của Kant là một học-thuyết luân-lý duy-lý (2).

Cũng như nhiều nhà triết-học khác thuộc phái duy-lý, Kant không tin-cậy «con tim». Kant đã triết-đề bài-xích tình-cảm với chủ-quan và thất-thường. Nếu hành - động luân-lý mà dựa trên tình-cảm có lúc mạnh như thác-lũ, có lúc khô như đất hạn, đối với Kant, không có gì còn có thể làm-lạc hơn.

Chỉ tin ở lý-trí, (3) Kant cho rằng người đạo-đức là người luôn luôn hành-động hợp với lý-trí và chỉ lý-trí thôi. Kant lại tin rằng, lý-trí không đủ sức đề-lập nên một trí-thức siêu-hình khả dĩ vững chắc : Kant gần như loại bỏ siêu-hình. Kant gọi học-thuyết của ông là một học-thuyết duy-lý thực-tiến vì căn-cứ trên lý-trí thực-tiến. Trong phần tâm-lý-học, Kant có biện-biệt hai thứ lý-trí khác nhau, tuy cùng một nguồn-gốc :

Một gọi lý-trí lý-thuyết, là thứ lý-trí chuyên tìm những nền-nếp cho tư-tưởng khoa-học. Một gọi lý-trí thực-tiến, chuyên tìm nền-nếp hành-vi luân-lý của người ta. Kant lại chú - trọng rất nhiều đến luân-lý trong toàn-thể hệ-thống triết-học của ông, nên lẽ tự-nhiên, ông chú - trọng rất nhiều đến lý-trí thực-tiến. Ông rất ít đề-cập đến siêu-hình. Vì lẽ đó, nhiều người tưởng

lầm rằng Kant không tin hay không tin hẳn có Thượng-Đế (4). Cũng vì lẽ đó, ta vẫn gọi học-thuyết luân-lý Kant là học-thuyết luân-lý thực-tiến.

« Thiện-chí »

trong học-thuyết luân-lý Kant

Luân-lý dù ai muốn thế nào, tự nó vẫn là vấn-đề của nội-ngã. Phán-quyết về luân-lý không thể có được từ bên ngoài ta. Kant xác-nhận rằng chỉ có «Thiện-chí» (5) là đáng quý nhứt trên đời, chỉ có thiện-chí là bản - nhiên tốt mà thôi. Xem như của-cải, tài-nghệ vẫn giúp người ta đề xoay-xở dẫy, nhưng nó cũng chỉ còn tốt khi ta biết dùng nó, nghĩa là ta lấy nó mà xoay-xở với thiện-chí mà thôi. Nếu ta theo đuổi một mục-dích, thôi-thúc bởi một tình-cảm thì thiện-chí không còn độc-lập vì nó phải phụ-thuộc một tình-cảm, Ta nên nhớ rằng thiện-chí chỉ tốt khi nó còn độc-lập, nghĩa là nó không phải phụ-thuộc vào một thứ gì khác. Vì thiện-chí độc-lập cần-thiết trong đời

(1) Gọi luân-lý tình-cảm những học-thuyết luân-lý cơ-sở trên tình-cảm đề-lập nguyên-tắc. Đối với Rousseau, người hướng-đạo vững-chắc của hành-vi luân-lý là lương-tâm. Emile đã nói một câu tiếng-tâm : *Lương-tâm ! Lương-tâm !... Tiếng nói thiêng liêng...*

(2) Gọi luân-lý duy-lý tất cả những học-thuyết luân-lý cơ-sở trên lý-trí đề-lập nguyên-tắc.

(3) Xin hiểu lý-trí theo nội - dung trong tâm-lý-học. Vấn-tất : một khả-năng tính-thần, phán-đoán, suy-xét, mà ai ai cũng đều có, một khả-năng phổ-biến.

(4) Ta sẽ thấy dưới đây rằng nói như thế là sai-lầm.

(5) Chúng tôi dùng chữ Thiện-chí để dịch chữ *bonne volonté* của chữ Pháp, là cốt cho dễ hiểu vì chữ này ta vẫn thường dùng. Tuy nhiên cần nhớ nội-dung của nó bao gồm sự tự-chủ, sự quyết-tâm thực-hiện hành-vi, sự tự-do nữa.

sống luân-lý như thế, nên có thể nói, vấn đề luân-lý là vấn-đề gìn-giữ cho thiện - chí được độc-lập.

Làm thế nào để gìn-giữ «thiện-chí» độc-lập ?

Kant phân-biệt hai cách hành-động : hành-động hợp với bổn-phận và hành-động vì bổn-phận.

Chúng ta gìn-giữ tính-mệnh của mình vì một thói-thức tự-nhiên, một bản-năng tự-vệ ; người bác-ái thích giúp người khổ-khò để được một nỗi vui ; một người sợ bị trừng-phạt mà phải làm việc bổn-phận ; một nhà buôn vì quyền-lợi riêng mà phải ăn ở thật-thà... đều là những người hành-động hợp bổn-phận. Tại sao nói thế ?

— Ấy chỉ vì nhà buôn không vì «Bổn-phận» mà thật-thà ; người bác-ái không vì «Bổn-phận» mà giúp người, còn kẻ vì lòng sợ bị trừng-phạt mà làm việc bổn-phận thì không hành-động vì «Bổn-phận». Thực ra họ chỉ nghe theo một thứ tình-cảm riêng mà thôi .

Bây giờ, có kẻ chẳng bác-ái gì, nhưng hễ thấy việc bổn-phận là làm tròn, hễ trao lời hứa là giữ đúng, không nghĩ đến làm tròn bổn-phận để được khen, giữ lời hứa để được tin. Người ấy hành-động vì bổn-phận. Hành-động như thế, người ấy chỉ biết có lòng tôn-trọng «Bổn-phận», tôn-trọng luật-lệ luân-lý. Hành-động như thế, người ấy giữ được thiện-chí độc-lập. Hễ theo đúng thiện-chí độc-lập mà hành-động là hành-động phải.

Vô-thượng mệnh-lệnh

Thiện-chí, như ta nói trên, phản-ảnh bổn-phận, luật-lệ luân-lý, là cái kết-quả, có thể nói thế, của lý-trí thực-tiến ở mỗi chúng

ta. Muốn hiểu nó một cách rõ-ràng, ta hãy nghĩ đến những lúc chúng ta phải chống lại những sự quyến-rũ của tiền của, dục-vọng. Trong những lúc ấy, thiện-chí (1) hiện ra rất rõ-rệt. Nó có sức cưỡng-bách trên chúng ta một cách rất quyết-liệt, bắt-buộc chúng ta phải tôn-trọng nó. Ta gọi nó là một vô-thượng mệnh-lệnh. Nó đòi chúng ta phải tuân theo nó vô điều-kiện, không cần biết đến kết-quả, lợi lộc gì. Ngoài sự tôn-trọng duy-nhất «bổn-phận», vô-thượng mệnh-lệnh cũng không cho phép ta chú-tâm đến một yếu-tố nào, động-cơ nào khác cả. Tính-chất của «Bổn-phận» là hoàn-toàn độc-lập, độc-lập đối với mọi sự suy-nghiệm, đối với tất cả những tấm lòng vụ-lợi, nói chung, độc-lập đối với tất cả mọi thứ tình - cảm của ta. Bởi thế nên nói : « Người ta phải tuân - theo bổn-phận vì bổn-phận, không suy - luận dài dòng gì cả ». Cái Thiện, đối với Kant thật là giản-dị. Bởi cái thiện là sự tuân-theo vô-thượng mệnh-lệnh, hợp với «Bổn-phận» (uy-nghiêm). Đến đây ta lại nói : Tuân-theo vô-thượng mệnh-lệnh là thiện ; trái lại, hành-động theo tư-tâm, tư-ý (hiểu đúng danh-từ) theo xúi-giục của tình-cảm phiến-toái dù mọi thứ là hành-động trái. Tại sao thế ? — Chỉ vì hành-động thế, chúng ta thúc-bách vô-thượng mệnh-lệnh phụ-thuộc vào những động-cơ tình-cảm biến-chuyển từng phút từng giây.

Bởi thế, trong khi hành-động, ta phải xa lánh những lời khuyên, nó luôn luôn bắt nhất, thay đổi tùy từng người và tùy từng trường-hợp. Còn phải tránh những mệnh-lệnh uy-nghiêm không có nguồn-gốc thuần-túy luân-lý. Ví dụ đừng hành-động theo những mệnh-lệnh như mệnh-lệnh sau này : «Muốn

(1) Luôn luôn nhớ là thiện-chí độc-lập

được tin, chớ nói dối ! ». Không nói dối, theo mệnh-lệnh này, không phải vì luân-lý mà thật ra vì lòng ham muốn được tin. Như thế ta đã uốn-nắn cái thiện-chí vào dục-vọng ; thiện-chí không còn độc-lập. Ta chỉ nên, và chỉ phải tuân theo, chỉ phải tuân theo «vô-thượng mệnh-lệnh» mà thôi : «Chớ nói dối ! ». Câu nói vẫn tất và xằng-xóm ấy có đủ uy-quyền, và chính tự nó đủ tốt để ta theo. «Chớ nói dối» là một luật-lệ, một mệnh-lệnh, tuy suông, nhưng quyền-uy tối-thượng, do thiện-chí độc-lập phán-bảo. Nói thiện-chí độc-lập tức là nói thiện-chí không phụ-thuộc vào tình-cảm hay gì nữa cả. Cho nên, nếu hỏi : « Tại sao không nên nói dối ? » ta thấy rõ rằng chỉ còn một lối trả lời, một lối trả lời hợp-lý duy-nhất mà thôi : « Sự nói dối không thể đem lập thành một luật-lệ phổ-biến được ».

Luân-lý hình-thức

Muốn biết một hành-động có thể biến thành một luật-lệ phổ-biến là việc rất dễ-dàng. Người ta tự-nhiên mà biết, biết trước khi suy-luận, trước khi thí-nghiệm. Thật ra, trong luân-lý, những kinh-nghiệm mà người ta thấu-thập được, hay những suy-luận này nọ đều vô-ích. Trước «bồn-phận» mọi người đều một mực bình-đẳng với nhau. Kẻ có thiên-tài lỗi-lạc, kẻ thông-minh xuất-chúng, nếu có hơn người ta ở địa-hạt khác trong luân-lý, trước «bồn-phận», họ cũng không còn hơn ai. Bồn-phận ngự-trị trên tất cả mọi người với một vẻ uy-nghiêm bất-dịch. Theo Kant, *chủ-nghĩa luân-lý chân-chính phải là một chủ-nghĩa luân-lý hình-thức*, nghĩa là phải rõ-ràng khách-quan.

Vì ai ai cũng có thiện-chí, và vì sự mọi người đều nhất-luật bình-đẳng trước Bồn-phận, Kant gọi luân-lý duy-lý của ông là *luân-lý phổ-biến, bình-dân*.

Luân-lý không thể rút từ kinh-nghiệm mà ra. Sự quan-sát cũng không giúp ích gì được cho hành-động, vì sự quan-sát có bao giờ cho ta biết đích-xác tính-chất của hành-động. Ta vẫn nhìn hành-động, ngoại-vật, nói chung, qua lòng vụ-lợi, qua tình cảm, nghĩa là qua cái kính tam-lăng trước nhân-quan ta. Ví như ta có thể từ hành-vi trước mà rút kinh-nghiệm, thì bất quá ta cũng chỉ có thể lập được một luật-lệ thuộc khoa-học mà thôi, chớ không thể làm thành một luật-lệ luân-lý được.

Hướng chi, muốn có thể dùng được kinh-nghiệm một cách hữu-hiệu, thì trước hết ta phải nắm chắc được một tiêu-chuẩn để làm căn-cứ mà nhận-định cái gì là đạo-đức, cái gì là vô-luân, mà nhận-định được thế nào là đạo-đức, thế nào là vô-luân là điều mà chúng-ta đi tìm. Rõ là lần-quần. Tin như thế, Kant cho rằng những nền luân-lý cóp nhật đầu này một ít, đầu kia một ít, đem phối-hiệp nhau một cách quái-gờ, để làm thành những nền luân-lý quái-dân, mệnh-danh là thế này thế khác, đều hoàn-toàn sai lầm.

Đốt với Kant, hoặc là luân-lý hình-thức, hoặc không có luân-lý.

Phương-châm hành-động

Bồn-phận uy-nghiêm ngự-trị trên chúng-ta, có tính-cách hoàn-toàn hình-thức. Từ bồn-phận và tính-cách hình-thức của bồn-phận, Kant nêu ba phương-châm tiếng-tâm :

— *Phương-châm thứ nhất :*

« *Luôn - luôn hành - động theo một phương-châm mà chính ta muốn phương-châm ấy có thể biến-thành một luật-lệ phổ-biến được.* »

Phương - châm này có thể gọi là phương - châm của lý-trí. Nó giúp ta qui-định được bần-phận của cá - nhân đối với chính mình. Ví dụ ta phải công-bình, phải thật-thà. Ta không thể mượn của ai một vật gì mà đã «rấp tâm không trả». Nếu hành-động rấp tâm «không trả» biến thành một luật-lệ phổ-biến thì hẳn ta không muốn tí nào ! Ta không nói vu cho ai, chỉ vì, «nói vu», nếu biến thành một luật-lệ phổ-biến, thì chính ta cũng không thích. Hề cái gì «ta không muốn, thì người cũng chẳng ưa.» Tại sao lại thế ? — Ấy chỉ vì mỗi người chúng ta đều có lý - trí, đều có thiện-chí mà ta nói ở trên (1).

Có những bản - thể mà ta có thể xem như phương-tiện, vì chính tự nó không có cứu-cánh nội-tại. Nó vốn thật chỉ là những phương-tiện mà thôi, và giá-trị của nó, không phải tự ở nó mà có, lại do ở người dùng nó, cấp cho nó, định cho nó. Giá - trị của nó, tùy ở người dùng mà lên lên xuống xuống, cho nên hoàn-toàn có tính-chất phương-tiện. Bởi lẽ đó, Kant gọi chung những bản-thể ấy là «sự vật», như : đồ dùng, ngựa, cừ, vàng, bạc v.v...

Nhưng con người không phải là những «sự vật» như thế, chỉ vì lẽ «Con Người» có cứu-cánh nội-tại, hay nói một cách khác, con người tự mình có một giá-trị tự-tại. Người là một «bản-thể» vô-giá vì quý giá vô ngần, không có gì sánh kịp. Quý giá vô ngần, con người có một giá-trị riêng, có nhân-phẩm. (2) Người ta thường lấy của-cải để trả công cho «Con Người», nhưng thật ra, cái thiện-chí của người ta không thể đánh giá được (3). Con người là

một bản-thể có lý-trí, có thiện-chí, hành-động hợp đạo-đức ; ta không ngờ gì nữa, con người mang trong bản-thân một cứu-cánh.

Con người có giá-trị vô song, cái giá-trị hiển-nhiên đến nỗi ngày nay, dưới ánh đèn-điện, dầu dầu ta cũng nghe nói : «Nhân-phẩm là cái giá-trị thiêng-liêng, cao-quí của con người, không phải giá-trị về tiền bạc, địa-vị, của-cải...»

Từ tư-tưởng này, Kant nêu phương châm thứ nhì :

«Luôn luôn hành-động cách nào mà người ta có thể xem nhân-loại (hoặc chính bản-thân ta, hoặc người khác) «không như một phương-tiện mà như «một cứu-cánh»».

Phương - châm này có thể gọi là phương-châm của công-bình. Những kẻ bắt con người làm nô-lệ cho con người đã xem con người như phương-tiện. Kẻ nào tự-tử, xem mình như một phương-tiện ; kẻ nào hứa mà không giữ lời, xem người khác như một phương-tiện. Đến như kẻ thờ-ơ chẳng cứu giúp một người hoạn-nạn, kẻ ấy không xem người khác như một phương-tiện, nhưng có điều cũng không xem người khác như một cứu-cánh.



(1) Suy ra, thì tư-tưởng này của Kant cũng gần giống tư-tưởng tinh thiện của Mạnh-Tử. Chỉ khác có một điều, Mạnh-Tử chú-trọng nhiều đến lòng NHÂN (仁) mà Kant lại bài-xích.

(2) Xin hiểu theo nghĩa từ - nguyên : giá-trị con người.

(3) Chính tư-tưởng này đề cao giá-trị con người, gây ảnh-hưởng lớn lao lâu bền trong xã hội văn-minh.

Trong xã-hội mà đạo-đức chưa toàn thặng, luân-lý chưa hoàn-hảo, ta thấy người ta thường xem nhau như phương-tiện, và còn đáng buồn hơn, «lý kẻ mạnh, bao giờ cũng hơn», đúng như lời nói chua - chát của La Fontaine. Nhưng trong xã-hội đạo-đức, người ta thường xem nhau như cứu-cánh. Ai cũng hành-động hợp thiện - chí (độc - lập), tức là đồng - thời những hành - vi của mọi người đều có thể biến-thành những luật-lệ phổ-biến, mà mọi người vui - vẻ tuân theo (bởi nó đều thiện). Vậy thì, trong xã-hội đạo-đức này, ai cũng vừa là nhà làm luật, mà cũng vừa là người thi-hành luật (luân-lý). Xã-hội cơ-sở trên một thứ hợp-đồng, xem như một dân ước mà mọi người tự-do ký-kết: Xã-hội an-lành, đạo-đức phát-triển, dựa trên bản «*dân-ước*» cấu tạo trong tinh - thần tự-do của mỗi người và bình-đẳng giữa mọi người.

Từ đây, Kant nêu *phương-châm* thứ ba;

«*Luôn-luôn hành-động thế nào mà ta có thể xem như vừa là người làm ra luật-lệ, vừa là người thi-hành luật-lệ trong một xã-hội đạo-đức, cấu-tạo trong tự-do và bình-đẳng, trong đó mọi người đều xem nhau như cứu-cánh.*»

Phương-châm này có thể gọi là *phương-châm của tự-do*.

Đến đây, chúng ta đã tóm-tắt lý-luận luân-lý «bồn-phận» của Kant. Tuy nhiên, chúng-ta không thể bỏ qua được những định-đề dưới đây, để có thể hiểu cả hệ-thống tư-tưởng Kant. Nếu không tìm hiểu những định-đề này, ta có thể nghĩ lầm rằng Kant không tin có Thượng-

Đế, vì thật ra trong lý-luận luân-lý bồn phận, Kant không hề nói đến Thượng-Đế. Những định-đề này không làm thành một hệ-thống lý-thuyết siêu - hình (1) mà chỉ có thể làm như Kant, xem những định-đề này như những bí-mật trong tôn-giáo, những bí-mật mà chúng ta chỉ có thể thừa - nhận, chứ không có tài nào hiểu nổi. Và chính Kant đã nói: «*Khoa-học phải im đi, để cho đức tin nói lên.*»

Lời ấy chúng ta cần nhớ để hiểu những quan-niệm dưới đây.

Quan-niệm «*tự-do*» của Kant

Không-gian và thời-gian, đối với Kant, là những hình-thái mà cảm-quan nhận biết được trước khi phải nghiên - cứu, thí - nghiệm. Cái thế-giới mà khoa-học thiết-lập trong không-gian và thời-gian, không phải là thế-giới thực-tại. Nó chỉ là một thế-giới hình-tượng (2). Cái thiện-chí mà mọi người đều có, «*tự-do*» không thể nào thuộc vào thế-giới hình-tượng ấy được. Nhưng ta thấy «*tự-do*» của thiện-chí có hiển-nhiên trong khi hành-động luân-lý. Vậy ta phải quả-quyết rằng «*tự-do*» hằng tồn-tại trong một thế-giới khác, một thế-giới mà sự vật tự nó có sẵn, ta gọi là thế-giới đương-nhiên tự-tại (3). Chúng-ta không thể hiểu thấu được «*tự-do*», nhưng «*tự-*

(1) Nên nhớ, gần như Kant loại bỏ siêu-hình vì ông cho rằng lý-trí không đủ sức để lập một trí-chức siêu-hình vững chắc. Tự đây ông bài - xích luân-lý có nguồn gốc siêu-hình.

(2) Dịch chữ **monde phénoménal**.

(3) Dịch chữ **monde nouménal**.

do » phải có. Và chính lý-trí thực-tiến cũng nói cho ta biết rằng «tự-do» có thật. «Tự-do» vốn hằng tồn - tại. Nếu không, hành-động của con người làm sao lại có thể tốt-đẹp, đạo-đức ; vì ta biết, mỗi khi hành-động mà không tự-do (tự-do của thiện-chí) thì hành-động tức thì rơi ngay vào những thúc-phọc, những bóp-nắn của tình - cảm... thuộc thế-giới hình-tượng ?

Thượng-Đế

Bằng «lý-trí thực-tiến» và bằng «thiện-chí tự-do», Kant đã giải-thích tất cả. Và cả hệ-thống triết-học của ông cũng đều cơ-sở trên ấy. Nhưng, cuối cùng, trong những định-đề, Kant lại đem luân-lý của mình đến tính-chất siêu-hình một cách rất lý-thú (nhờ ảnh-hưởng của bà mẹ và của gia-đình Tin-lành).

Đối với Kant, lý - trí không những chỉ là một khả-năng phổ-biến (nghĩa là mọi người đều có) mà còn là một khả-năng liên-kết. Có những điều hay do tình - cảm đem lại, như cảm thấy an-tâm, sung-sướng. Có những điều hay thuộc luân-lý như : đức-hạnh, tuân theo bổn-phận. Ta gọi điều hay do tình-cảm đem lại là «cái thiện tự-nhiên», điều hay luân-lý, là «cái thiện luân-lý». Lý-trí lại muốn rằng cái thiện tự-nhiên và cái thiện luân-lý phải hòa-hợp nhau để làm thành «cái thiện tối cao». Ta thấy, như chúng tôi đã đề - cập trong những số trước, phái Epicure giải-quyết vấn-đề này bằng cách đem phụ - thuộc cái thiện luân-lý vào cái thiện tự-nhiên, vì đức-hạnh, đối với Epicure, là tìm khoái-lạc. Những người khắc-kỷ lại giải-quyết bằng cách đem phụ-thuộc cái thiện

tự-nhiên vào cái thiện luân-lý. Nhưng Kant không thể. Kant đem đối-lập tình-cảm và luân-lý : với ông, hành-vi thực sự luân-lý phải là hành-vi độc-lập đối với tình - cảm. Cũng như tình-cảm không thể hòa-hợp được với lý-trí, đức-hạnh và hạnh-phúc không thể hòa-hợp được với nhau. Trong khi đó, lý-trí lại muốn nó phải hòa-hợp. Muốn nó hòa - hợp được, tất phải có một «cái gì» để cho người làm việc thiện được sung-sướng, kẻ tội-lỗi phải bị khổ-sở. «Cái gì» ấy, Kant cho là một thế-lực lớn - lao... chính Thượng-Đế vậy.

Đến đây, lý-trí thực-tiến lại bắt buộc ta phải thừa-nhận rằng Thượng-Đế hằng tồn-tại.

Linh-hồn bất-diệt

Thế mà trong thế-giới tình-cảm, đức-hạnh và hạnh-phúc không thể hòa-hợp đắm-thắm được. Bị tình-cảm trên nứ xuống, thiện-chí khó mà vươn lên đạo-đức cho được hoàn-thiện, trong khi lý-trí đòi phải hoàn-thiện. Bởi lẽ đó, chúng ta lại phải thừa-nhận rằng con người tất phải có một đời sống khác nữa... đời sống của linh - hồn bất-diệt. Nếu không có linh-hồn bất-diệt, tại sao lý-trí thực-tiến lại đòi đến một độ không thể nào thực-hiện được trong đời này ?



PHÊ-BÌNH HỌC-THUYẾT KANT

Ngoài công truyền-bá ý-thức tôn-trọng nhân-phẩm con người mà người văn-minh, xã-hội tân-thời, không thể nào quên được, nhà triết-học Đức còn có sự thông-hiểu gần như linh-diệu để giải-thích một vấn-đề trọng-đại, đã làm rụng nhiều tóc của nhiều nhà triết-học, một

cách thông suốt lạ-lùng. Ấy là vấn-đề : có quả thật mọi người đều có lương-tâm luân-lý không ? Nếu quả thật là mọi người đều có, tại sao có kẻ tốt người xấu ? (1), Kant cũng đã biện-biệt rất rõ-rệt tính-chất của luật-lệ luân-lý khác hẳn với luật-lệ thiên-nhiên, luật-lệ luân-lý, vì luật-lệ luân-lý bao giờ cũng chứa-chất tự-do : luật-lệ luân-lý được tuân theo một-cách tự-do. Và ngay khi tuân theo luật-lệ ấy, người ta hoàn-toàn được tự-do (2). Những điều trọng-yếu này chính là cái giá-trị lâu bền của tư-tưởng Kant.

Tuy nhiên, cũng như những nhà triết-học duy-lý khác, Kant có cái lăm-lẫn là đã lên án « tình-cảm », buộc tội « con tim ». Thật ra những luân-lý tình-cảm, mà luân-lý Cơ-đốc tiêu-biểu, đã gây ảnh-hưởng rất lớn-lao trong cuộc sống xã-hội. Luân-lý Cơ-đốc đã được xem như một phúc-âm gieo-rắc trong xã-hội loài người những niềm tin-yêu nhân-ái..., đã cải-tạo tâm-tình, đạo-đức con người với sức mãnh-liệt nào ta đều biết. Mạnh-tử có nêu : cái tình trắc-ần của người ta chính là đầu mối của mọi đức-hạnh cũng đáng cho ta suy nghĩ (3). Theo Kant, lòng trắc-ần của Mạnh-tử, vì là tình-cảm, không còn là thuần-thúy luân-lý nữa ư ? Thật ra, biết được bồn-phận không phải là điều-kiện đầy-đủ để thực-hiện bồn-phận. Trước một việc thiện, người ta thường bị kích-dộng. Chính-sự kích-dộng ấy là động-cơ của những việc thiện kể theo, (4) vì việc thiện vốn có sức quyền rũ rất mãnh-liệt. Lyautey có nói một câu đáng cho ta suy nghĩ :

« Không có một sự-nghiệp nào của con người thật sự vĩ-đại mà không cần có một *lực tình-cảm* ». Thật ra, tình-cảm đóng

vai-trò rất trọng-yếu trong đời sống luân-lý, một vai-trò không kém cái vai-trò của lý-trí.

(1) Nhắc lại, Kant cho rằng người ta đều có lý-trí, thiện-chí bản-nhiên tốt. Nhưng người ta xấu là vì đã không biết giữ-gìn thiện-chí độc-lập và không biết tuân theo vô-lượng mệnh-lệnh. Cũng điềm này : Rousseau cho rằng người có lương-tâm, một khả-năng tiên-thiện, nhưng hình như đã lúng-túng để giải-đáp câu trên. (Xin xem ở « Tìm hiểu Triết-học luân-lý » do Tân-Việt xuất-bản).

Ở Đông-Phương, Mạnh-Tử đã trả lời rõ-ràng và đáng tin cậy. Mạnh-Tử cho rằng người ta có tánh thiện do trời phú cho. Nếu có thành ra bất thiện là vì người ta không biết giữ lấy cái bản tâm. Đạo-đức nhân-nghĩa không phải ở ngoài mà đức nên được, ta vốn có sẵn mà không nghĩ đến thôi. Những kẻ dở là những kẻ không dùng hết cái bản-năng của mình ví như cây cối ở núi Ngưu-Sơn vốn là rườm-rã rất đẹp, nhưng cứ bị rìu búa chặt mãi, cây cũng đến phải cằn-cỗi.

(2) — Ta không thể lý-luận $2 + 2$ là 5 được, vì trái luận-lý. Ta bị bắt buộc phải thừa-nhận $2 + 2$ là 4.

— Ta không thể đi giữa sa-mạc xứ Á-rập mà mặc áo quần miền địa-cực mà sống được, vì ta làm trái luật-lệ thiên-nhiên.

(3) « Người ta ai cũng có lòng thương người... Giá bất thành-linh người ta trông thấy đứa trẻ sắp rơi xuống giếng, thì ai cũng có lòng bồn-chồn thương-xót. Bồn-chồn thương-xót, không phải là vì trong bụng có ý muốn cầu thân với cha mẹ đứa trẻ ấy, không phải là vì muốn cho người làng xóm, bè bạn khen, không phải là sợ người ta chê cười. Xem như thế thì ai không có lòng trắc-ần, không phải là người ; ai không có lòng tu-ổ không phải là người, ai không có lòng thị-phi không phải là người. Lòng trắc-ần là cái mối của nhân ». (Trích trong Nho-Giáo của Trần-trọng-Kim — Quyền thương).

(4) Đây xin nêu ra một ví-dụ tóm tắt : Đứng nhìn một người xả thân cứu một người, ta sẽ bị việc làm của người kia xúc-dộng đến ta, khiến ta nảy sanh cảm-tình yêu kính người ấy, bồn-chồn muốn bắt chước, muốn làm theo...

(Xem rõ trong « Tìm hiểu triết-học luân-lý » do Tân-Việt xuất-bản).

Tình-cảm làm cho bần-phận luân-lý trở nên đáng ưa, bớt vẻ khắc-khò nghiệt-khé. Thật ra có nhiều người (1) đã đem tình-cảm chống lại vô - thương mệnh - lệnh vì vô-thương mệnh-lệnh không thể xúi giục ta hành-động luân-lý được. Không quyết-liệt như thái-độ những người ấy, ít ra ta cũng phải nói : *không thể có một hành-vi thực sự luân-lý nếu thiếu nhiệt - tình*. Mê-tín ở lý-lí dễ buộc tội tình-cảm như Kant là không đứng-đắn.

Ta cũng không thể nào đồng-ý với Kant mà xem thường kinh-nghiệm luân-lý. Có phải chăng những người quen sống đạo-đức làm việc thiện một cách dễ-dàng, còn những kẻ bất-lương vô-đạo làm việc thiện nhọc-nhân ? Kẻ quen nói thật, một lần nói dối, gương mờ. Kẻ quen giả-dối tỏ ra thành-thật một cách vất - vả. Và những kinh-nghiệm đạo-đức luân-lý của lớp người xưa, của xã - hội trước, trong thực - tế, chẳng phải là những mẫu mực khuôn thước cho chúng ta noi theo hành-động ư ? Và biết bao nhiêu đồ-đệ các tôn-giáo, các chủ-nghĩa văn-hăng mô-phỏng hành-động xuất-xử của thánh-nhân mình hăng tôn thờ để hành-động xuất-xử, chẳng phải là một lời đối-đáp hùng-hồn lại tư-tưởng Kant sao ?

Kant đã muốn tách biệt con người, bắt ly-khai với cả hoàn-cảnh xã-hội, với học-thuật, với kinh-nghiệm, cả với các thể-hệ

dĩ-vãng, vị-lai, để con người trơ-trọi. Còn hơn thế, Kant bắt con người rời bỏ cả phần tâm-lý tình-cảm của mình, rồi đem con người ấy đối đầu với vô-thương mệnh-lệnh (danh-từ mới khô-khan làm sao !), đối đầu với bần-phận (xăng-xóm (2) làm sao !) — Nói đến đây, con người bần-nhiên luân-lý (vì con người vốn có tính thiện) của chúng ta đã thấy rờn-rợn trong người. Phải chăng học-thuyết luân-lý Kant là một học-thuyết khô-hạnh xăng-xóm, tuy phổ-biến nhưng khó áp-dụng trong đại-chúng chứ không như ông tưởng ! Con người luân-lý, đúng theo lý-trưởng Kant, quả nhiên là một anh-hùng mà ta có thể hình-dung (một cách không hoàn - thiện) qua hình-dung thân-mẫu ông.

Mặc dù còn nhiều khuyết - điểm như chúng tôi vừa lạm bàn trong học-thuyết luân-lý Kant, ta cũng không thể nào quên được cái « nhân-phẩm » con người của mỗi chúng ta, đã bị chà đạp từ trước, được Kant khơi dậy để làm cứu-cánh cho sự sống xã-hội văn-minh.

Tư-tưởng và công-nghiệp lớn-lao thay !

Hào-Nguyên NGUYỄN-HÓA

(1) Faguet chẳng hạn...

(2) Cứng cỏi, không uyển-chuyên.

★ TA ít khi có dịp làm được những điều đức-hạnh lớn-lao, nhưng giờ nào ta cũng có thể làm được những điều đức-hạnh nho nhỏ.

NGHỆ-THUẬT KIẾN-TRÚC NHÀ CỬA Ở VIỆT - NAM

Từ-Quyên ĐẶNG-VĂN-NHÂM

(Mến tặng các em học-sinh đã làm việc với tôi
trong những giờ mỹ-thuật)

(Tiếp theo và hết)

PHONG-TỤC



N GÀY xưa, làm nhà là một điều hệ-trọng, phải theo nhiều điều do lễ-giáo và pháp-luật qui-dịnh. Ai không theo cách-thức đã định thì sẽ bị phạt

tội-trọng.

Về luật-lệ thì nhà cửa thường dân không được làm to lớn, không được làm gác, không được làm theo hình chữ **CÔNG** (工) và chữ **MÔN** (門).

Về phương-diện tín-ngưỡng và lễ-giáo thì, trước khi làm nhà, phải nhờ thầy địa-lý định phương-hướng, chọn ngày để thượng-lương hay cất đòn dông cũng vậy. Việc chọn phương-hướng, chọn ngày thượng-lương là một việc quan-trọng cho tương-lai của người chủ nhà và của cả gia-đình họ.

Hướng nhà của người Việt-Nam thường là hướng *Nam*, hợp với khí-hậu và nhất là địa-lý. Vì hình-thể nước Việt-Nam là một mảnh đất dài chỉ thẳng xuống phía Nam bán cầu.

Ngoài ra, theo phép phong-thủy thì hướng Nam tốt hơn cả.

Trong khi đó, hướng nhà của người Trung-hoa thường là hướng Đông. Vì địa-thể nước Tàu rộng bề ngang.

Sau khi đã chọn được hướng tốt, ngày lành rồi, đoàn thợ mộc làm lễ phát mộc, và chủ nhà làm lễ thượng-lương. Khi thượng-lương, hoặc cất đòn dồng, (ở Nam-phần gọi là cất đòn dông), người ta viết ngày tháng ấy vào đòn dồng rồi treo một miếng vải đỏ có 5 chữ « Khương - Thất - Công tại Thử » hoặc một lá bùa bát-quái, hay một quyển lịch Tàu.

Theo ông Đào-Duy-Anh, khi làm nhà người ta còn phải đối-đãi tử-tế với thợ mộc, thợ nề. Vì sợ nếu họ bất-bình mà làm phản-ác, nhà ấy sẽ mang họa, gặp những điều chẳng may.

Hướng nhà lại còn phải tránh những nơi bất lợi như « góc ao » và « dao-đỉnh ».

Châm-ngôn thường nói: « Thứ nhất góc-ao, thứ nhì dao-đỉnh ».

Theo sách Lễ-ký và Gia-lễ, trong việc làm nhà có ba điều trọng-yếu nhất :

- 1.— Chọn hướng nhà cho tốt.
- 2.— Đặt bàn thờ gia-tiên ở gian giữa.
- 3.— Ngăn riêng chỗ ở của đàn ông và đàn bà.

Ngoài ra, có một điều đáng chú-ý là nhà ở của người Việt-Nam số gian thường là số lẻ, cả số kích-thước cũng vậy.

Con số lẻ này cũng rất hợp, như hướng Nam.

Theo tập-tục và lễ-giáo, gian nhà thờ thường là nơi để cho gia-trưởng đọc sách, uống trà, ngâm thơ, tiếp-đãi khách-khứa của mình.

Đàn bà, con gái không được lên xuống hay qua lại trên nhà thờ. Có khách thì cũng tiếp ở buồng bên, gian chái nơi của mình ở mà thôi. Nếu hai gian bên mà không có thờ-tự thì người mẹ trong gia-đình có thể tiếp khách nơi gian này được.

Ngoài ra, con trai con gái trong nhà phải ở riêng buồng. Con trai ở gian chái phía Tây, hay là Tây-phòng. Con gái ở gian chái phía Đông, gọi là Đông-phòng.

Trong khi đó, ở bên Tàu người con trai lại ở phòng về phía Đông, con gái ở về phòng phía Tây. Bằng-cớ qua các thi-phẩm viết theo chuyện Tàu hiện nay còn có :

... *Mị-Nương nằm ở lầu Tây,*

Con quan Thừa-Tướng ngày rày cấm cung ...

(trong chuyện Trương-Chi)

Giấy nhà trên thường nằm sát với giấy nhà dưới theo hình thước-nách. Bên đây là nhà dưới, phía bên kia là giấy nhà bếp. Hai giấy nhà dưới và nhà bếp, đầu mặt nhau, chính giữa có một cái sân rộng, vuông vức.

Có khi người ta làm nhà bếp liền với giấy nhà dưới là nơi làm vựa lúa, nơi cho người làm ở, nơi để cối xay, chày giã gạo vân vân ...

Trái lại, ở Trung-hoa người Tàu làm bếp liền ngay trong nhà trên, có thể dùng làm nơi sưởi-ấm.

Nhà quê Việt-Nam còn thường có chuồng để nhốt trâu, hay nuôi heo, gà, vịt nữa. Chuồng này ở phía vườn sau nhà.

Cửa ngõ kiềng không làm ngay chính giữa nhà và sân. Sợ người ngoài đường nhìn thẳng vào trung-tâm nhà.

Người ta cũng cố tránh làm nhà trước một con đường, hay một đền, chùa. Nếu bất-dắc-dĩ phải làm nhà trên chỗ đất không tốt ấy, người ta chôn trước cửa nhà một con chó đá, hay là treo một cái gương soi trên cửa chính để yểm tà-khí, tránh những điều xấu.

TRANG-TRÍ

Trong nhà, người Việt-Nam lo săn-sóc trang-hoàng tỉ-mỉ ba gian nhà chính, nơi thờ-tự tổ-tiên. Sự trang-hoàng này còn tùy theo địa-vị xã-hội và khả-năng tài-chính của người chủ. Những nhà có trang-hoàng phần nhiều là nhà gỗ, nhà ngói, vì gia-chủ có « bát ăn, bát đũa ».

Người ta thuê thợ bắt chỉ, tô-điểm thêm những đường cong, đường lượn đẹp-đẽ lên trên những rui, xà, kèo, cột ở sườn nhà. Những đường chỉ này bắt chước giống như ở các nơi đình, chùa.

Ngày xưa ở Việt-Nam có những luật-lệ rất nghiêm-khắc về sự trang-hoàng nhà cửa.

Dưới thời nhà Lê, triều-đình có ban nhiều chỉ-dụ định việc trang-hoàng nhà cửa áo quần, những vật-dụng cần-thiết.

Có một chỉ-dụ năm 1661 nghiêm cấm tất cả những người thợ, các mỹ-thuật-gia trong nước không được sáng-tạo và đem bán những vật-dụng trên đó có hình Rồng, Lân Phụng. Những hình ấy chỉ có nhà vua mới được quyền dùng. Ai vi-phạm sẽ bị trọng tội.

Trong bộ luật Gia-Long, nơi điều 156 cũng có qui-định rõ điều này :

Tất cả nhà cửa, nơi trú-ngụ, xe-cộ, quần-áo và tất cả mọi vật-dụng của quan-chức và thường-dân phải phân-biệt rõ-rệt.

Những kẻ nào dùng sai phép sẽ bị tội.

Tất cả nhà cửa của thường-dân không được dựng trên một bệ đôi, hay lợp mái đôi, hay làm gác.

Trong nhà không được sơn-phết, trang-hoàng.

Sắc-lệnh này còn qui-định rõ số kích-thước, số gian của nhà ; tùy theo chức-tước hay địa-vị xã-hội của mỗi người chủ.

Đồng thời lại còn chi-định rõ-ràng sự trang-trí trong nhà, sườn nhà, trên đòn thượng-lương...

Những vị quan từ đệ-nhất phẩm xuống đến đệ-nhị phẩm, trên đòn thượng-lương, nóc nhà, sườn nhà có thể trang-hoàng bằng những đề-tài hoa lá và đầu thú loại bốn chân như : Lân, rùa, cọp, sư-tử ...

Từ đệ-tam phẩm đến đệ-ngũ phẩm chỉ được trang-hoàng đề-tài thú-vật loại 4 chân.

Từ đệ-lục phẩm trở xuống không được phép trang-hoàng gì cả.

Ngoài ra còn có một số sắc-lệnh khác chỉ rõ : « Tất cả các loại vật-dụng, dụng-cụ không được trang-trí hình rồng hay phụng.

Tuy vậy, trong dân gian những nhà giàu có vẫn tìm cách trang-trí nhà cửa mình. Họ tìm những đề-tài như chữ THỌ chữ PHÚC. Hoặc những biểu-hiệu tượng-trung cho sự bất-tử như : cái quạt, thanh gương, giỏ hoa, bầu rượu, cái phách, cây tre và hành tre, cái sáo, và hoa sen, (bát-bửu).

Những đề-tài trang-hoàng ngày trước gồm có :

Tứ-linh : Long, ly, qui, phụng.

Tứ-hữu : (hay tứ-Thời) Tùng, cúc, trúc, mai.

Hay những đề-tài khác như : dơi, cọp, sư-tử, cá, mây, nước, lửa...

Những đề-tài trang-trí thảo-mộc như hoa lá, cây, trái. Mỗi thứ có một tánh-cách tượng-trưng khác nhau.

Vi-du : Cây trúc tượng-trưng cho người quân-tử, sự tiết-độ, khôn-ngoan.

Cây tùng tượng-trưng cho sự trường-thọ, lâu dài.

Cây lý tượng-trưng cho sức mạnh tinh-thần và thể-chất.

Hoa cúc tượng-trưng cho hạnh-phúc.

Những loài thảo-mộc này còn được sửa-chữa, bào-chuốt cho biến thành những giống vật như :

Trúc và tùng gọt sửa thành hình con rồng.

Hoa sen thành con rùa.

Hoa cúc thành con kỳ-lân.

Những chữ *THỌ*, chữ *PHÚC*, đôi khi còn được trình-bày thành mặt rồng nửa.

Nơi gian nhà chính, trên cột có treo những bức hoành hay câu đối bằng gỗ tốt làm theo bề tròn của thân cột. Trên đó có khắc những chữ Hán màu vàng, nằm trên nền sơn mài đen bóng (hay đỏ). Hoặc giản-dị hơn, người ta viết những bức hoành, câu đối này trên giấy đỏ, như kiểu tranh Nhật-Bồn (Kakemono).

Ở đồng quê, cũng như thành-thị, người Việt-Nam thường hay chơi cảnh (kiếng) hoặc chơi hòn non bộ. Nó là một thú giải-trí thanh-lịch dành cho những tâm-hồn ếm-ái, nhẹ-nhàng, giàu tình-cảm.

Hòn non bộ đặt ngay trước cửa nhà. Có khi người ta xây bằng gạch, có khi làm trong chậu thủy-tinh nhỏ độ bốn tấc bề

ngang, 6 tấc bề dài. Trên hòn non bộ có giả-tạo đủ cả cây, cỏ, hoa, lá, nhà cửa, chùa đình, cầu cống, người ta và súc-vật, trông rất đẹp mắt và thú-vị.

Nhà cửa những người giàu-có chẳng những đều có trang-trí mà vật-dụng bằng gỗ kê trong nhà cũng làm bằng gỗ quý, có chạm khắc kỹ-lưỡng những đề-tài ý-nghĩa. Đôi khi lại còn khảm xà-cừ, hoặc cần ngà voi.

Nhà dân quê nghèo-nàn thì cách-biệt rõ-rệt. Dụng-cụ bàn, ghế, giường đều làm bằng tre kiêu đơn-sơ, thô-khếch và không có trang-trí gì cả.

Ngoài ra, nơi dinh quan thì những cột kèo, rầm ngang, xà dọc đều có chạm khắc, sơn-sơn thếp-vàng lộng-lẫy.

Đôi khi những khuôn ở giữa cột xà, những cửa vồng, cửa bức bàn, cửa chấn song đều khảm xà-cừ, khảm ngà voi hay sơn thếp, và trước cửa ra vào thường có một tấm bình-phong chạm-trờ công-phu, tỉ-mỉ.

SỰ-TÍCH

Theo một truyền-thuyết có tính-cách thần-thoại thì kiểu nhà cô-sơ ngày xưa đã do một bà tiên sáng-tạo ra. Bà là tồ-nghiệp của những người thợ đóng thuyền, thợ làm nhà, thợ cưa, thợ xẻ và tất cả những thợ làm đồ mộc.



BÀ TIÊN

Một hôm, đứng trước hai người đệ-tử, ông Lỗ-Ban và ông Lỗ-Bộc, người đã được bà truyền cho nghề đóng thuyền, làm nhà, cưa xẻ gỗ, bà chống nạnh hai tay

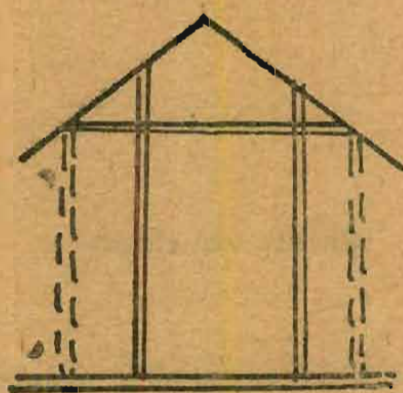
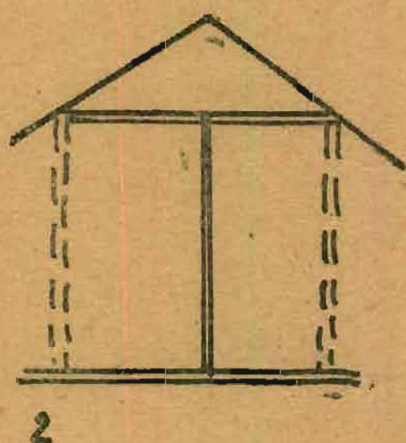
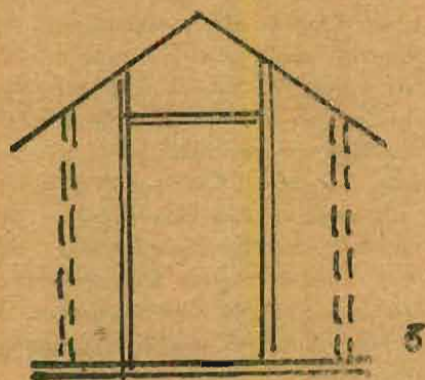
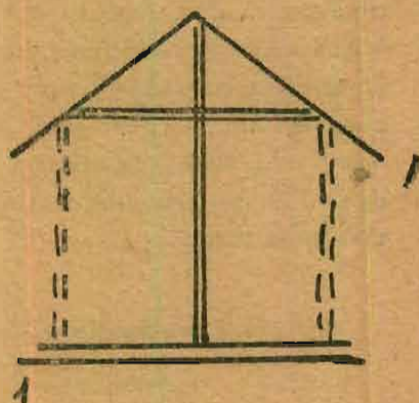
ngang hông, trình-bày cho hai ông thấy rõ kiểu nhà phải làm.

Thân của bà là chiếc cột cái giữa mái nhà. Hai cánh tay của bà nghiêng xuống tức là hai kèo nhà. Cái xà ngang xuyên qua cột giữa, nâng hai cái kèo tức là hai cõ tay và bàn tay của bà tiên chống vào hông.

Kiểu nhà cõ-sơ này có hai lối kiến-trúc khác nhau :

đồng, chịu nóc nhà, thì người ta làm cột này đội xà ngang. Trên xà ngang có hai cột con giả ở khoảng giữa từ nóc xuống mái, đỡ kèo nhà (1-2).

Lối thứ hai thì có hai cột cái đội hai bên kèo nhà. Nối liền hai cột này là một xà ngang ngắn. Đôi khi người ta cũng làm xà ngang này dài xuyên qua hai cột cái chính giữa, tiếp đến hai mái kèo hai bên để nâng hai mái kèo này (3-4).



Lối thứ nhất là một cột cái chính giữa, có xà ngang xuống. Hoặc cũng một cột cái ở giữa nhà, song thay vì cột cái lên đến đòn

Những Kiểu nhà trên đây phổ-thông nhất ở Bắc-Việt rồi vào đến Bình-dịnh và nam Trung-Việt.

Dựa trên giai-thoại này người ta phỏng- đoán có lẽ phương-pháp kiến-trúc cở-sơ của người Việt-Nam và nguồn-gốc những

kiểu nhà cửa ấy là ở Anh-đô-nê-di (Indonésie). Vì những kiểu này cũng tương-tợ với những kiểu nhà đồng-sơn-niên (dongsonien) mà hình-ảnh nó còn ghi rõ trên những cái trống đồng. (trống đồng Ngọc-Lũ ở Đông-Son, Thanh-hóa).

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được của nhà xuất-bản **HƯỚNG-DƯƠNG**, quyền **VĂN-HỌC VIỆT-NAM THỜI LÝ**, của ông **Lê-văn-Siêu**, một cuốn sách nghiên-cứu về nền văn-minh tinh-thần xưa của nước ta.

Với sách này, tác-giả đã trình-bày đủ các khía cạnh của một nền ý-thức-hệ cũ, ở tư-vấn, ở tư-tướng cũng như ở nghệ-thuật. Ô. Lê-văn-Siêu đã đưa ra ánh-sáng cả một thời văn-minh rực-rỡ nhất của nước ta, một thời mà người Việt-Nam đã từng phạt Tống bình Chiêm, sửa-sọan điều-kiện cho đời Trần hai phen đánh tan quân Mông-Cổ ; một thời cách đây chín thế-kỷ, Chân-Lạp đã phải hàng năm triều-cống, một thời đã có những vị đại- đức cao-tăng như Nguyễn-minh-Không, luôn luôn qua Trung-Hoa giảng kinh thuyết-pháp, cũng có những vị như Viên-Chiếu được các nhà tu Trung-Hoa kính là Phật sống xuất-hiện ở phương Nam.

B.K. thành thực cảm tạ tác-giả và giới-thiệu cùng độc-giả cuốn sách giá trị nói trên.

Chúng tôi không quyết- đoán, cho rằng những kiểu nhà Việt-Nam có hình-ảnh thuần-túy dân-tộc. Nhưng qua những nhận-xét đã thu-thập được với những điều đã trình-bày ở trên, chúng tôi thấy nhà Việt-Nam có bị ảnh-hưởng đôi phần anh-đô-nê-diêng (indonésien) một ít Trung-hoa. Song ảnh-hưởng ấy chỉ là một ít « hương-hoa » của những người bạn láng-giềng đã tô-điểm cho gian nhà người Việt-Nam thêm phần tinh-tế.

Trích trong Đại-cương Mỹ-thuật

Việt-Nam, quyển I

Từ-Quyển ĐẶNG-VĂN-NHÂM

* Chính và chính.

QUÍ-KHƯƠNG-TỬ, đại-phu nước Lỗ, hỏi Khổng-tử về việc chính-trị. Khổng-tử đáp :

— Chính 政 (chính-trị) do chữ 正 (ngay thẳng) mà ra. — Nếu đại-phu là bậc đứng đầu, trong dân-chúng mà giữ được « chính » thì còn ai dám « bất-chính » nữa ?

Một vài ý - tưởng về cuốn
« TÀN - VẢN CHỌN - LỘC »
của BA - KIM

do THANH-NGỌC-TUYỀN dịch
Tủ-sách Hoa-Việt, Saigon, xuất-bản năm 1956 (213 trang)

LAM - VIỆT



« TÀN - VẢN chọn - lọc » thuộc loại tuyên-dịch để giới-thiệu một nhà văn có thời-danh của Trung-Hoa. Qua bản dịch, người ta cũng có thể nhận thấy tác-giả là một cây bút điêu-luyện, giàu tình-cảm tế-nhị và đậm-đà. Phần lớn những trang tùy-bút, nhật-ký, hồi-ký, bình-luận, cảm-tưởng ấy, tuy có những đề-tài khác nhau, nhưng đều bày tỏ một tâm-sự : tha-thiết thông-cảm cái khổ, cảnh uất-ức của hạng người vô-sản và quyết tranh-dấu cho họ. Nhưng tuy tâm-sự ấy đã nầy mầm từ thuở bé, người ta không tránh khỏi cảm-giác là nhà văn quảng-cáo rùm-beng cho tình nhân-loại của mình, hơn

là cốt đi đến hành - động thiết-thực. Khóc xã-hội, thương cảnh khổ của người nghèo, cũng có thể rất lãng-mạn như khóc mây, thương gió.

Cái « chí - hướng tranh - đấu » của Ba - Kim cần - cỗi vì óc vô tín-ngưỡng. Nói đúng hơn, ông chỉ tin ở con người, ở sức xây-dựng của con người, còn ngoài ra là hư-ảo, mê-tín cả. Bài « Thần-Linh » (trang 152 đến 156) là cả một tuyên-ngôn vô-thần. Nó làm bằng những cảm-tưởng tối-khuya bên cạnh một ông bạn đang mài tọng kính, và những quả-quyết suông không kèm theo một lập-luận đàng-hoàng nào cả. Ta cứ tạm nghe ông quả-quyết và quả-quyết : « Ngó thực rằng, tôi là một kẻ dịch của

thần-linh. Đó cũng chẳng có gì là kỳ quặc, vì cái tư-tưởng vô-thần luận ở vào thời này đã không còn là một vấn-đề nữa. Ai là trí-thức cũng có thể biết rằng giới thần-linh giờ không còn tồn-tại trên thế-giới này nữa... »

Có phải vì thế mà Ba-Kim không cần phải suy-nghĩ gì cả và cũng quả-quyết một cách vừa không-khuỷu, vừa chắc-chắn : « Những người mê-tin ấy thật là ngu-xuẩn biết bao ! Họ vốn sinh - tồn trên cái thế-giới thực-tại này, mà lại mơ-ước sống trong một cảnh thế-giới huyền-ảo khác. Họ muốn ở cảnh thế-giới khác tìm thấy cái mà họ không tìm được ở trên thế-giới này. Họ đem tất cả mọi thứ tin-tưởng cống-hiến cho thần-linh trong không-hư, muốn từ đó được đền-đáp lại càng nhiều hơn nữa. Như vậy, họ đối với đồng-loại đâu có gì là thiêng-liêng, cao-cả. Bởi thế, những người tin thần-linh thường là tự-tự, tự-lợi... »

Mà thần-linh đâu có cứu-vãn được con người.

« Cái lầm-lỗi ấy to-tát biết bao. Vì nàng (một trong bao nhiêu nạn-nhân của lòng tin ở thần-thánh) đã cho nhu-nhược là vĩ-dại, cho ngu-xuẩn là cao-cả, cho tự-tự là nhân-tử, cho không-hư là thực-tại. Cũng chỉ vì vậy, mà lịch-sử loài người cơ-hồ không với lên được ». Không, đừng hư - tưởng như thế. Bất luận ở vào lúc nào, lực-lượng của con người cũng đều biểu-hiện ra vĩ-dại hơn sức huyền-bí của thần-linh. Đó là một sự thực hiển-nhiên... »

Và « Đường lối tin thần-linh, cuối cùng vẫn là con đường nhu-nhược... »

Đọc qua những trang ấy, làm sao khỏi thương hại cho Ba-Kim, trong khi ông

không ngớt lời tỏ ý thương-hại những người tin ở thần-linh. Vô thần ở ông xem ra cũng lại là một vấn - đề tình-cảm không hơn không kém. Vô tình ông đã thú thật điều ấy, khi ông nói : « Không biết tại sao từ nhỏ, đối với mọi lễ-nghi tin-ngưỡng, tôi đều ghét cay ghét đắng. Và cái chán ghét ấy, nó còn bành-trướng mãi về sau. »

Không biết khi « về sau » ấy, Ba-Kim có biết gì hơn quanh cái chữ « tại sao » không. Chỉ chắc một điều là các nhà vô-thần, cho dầu có được kể là « trí-thức » đi nữa, xưa nay vốn là hạng người ít suy-sâu nghĩ kỹ. Họ bàn luận tứ-tung mà chẳng mấy khi đặt đúng vấn-đề. Một bài như bài « Chết » của Ba-Kim (trang 117-135) đáng kể là « điển-hình » cho tình-trạng ấy.

« Chết — chữ này luôn luôn quanh-quần ở trước mặt tôi. Không phải gần đây tôi mới muốn tìm hiểu ý-nghĩa và giá-trị của nó. »

Ba-Kim vào đề như thế, người đọc ông khoan-khoái tưởng ông sắp bàn đến một trong những vấn-đề trọng-đại của nhân-sinh quan. Người ta tưởng ông đã có một nỗi băn-khoăn sâu-sắc và sẽ cố-gắng đi mãi vào bên trong nỗi băn-khoăn ấy để tìm một câu trả lời có thể đưa ông đi xa hơn những quả-quyết vô-thần vợi-vã của ông.

Nhưng càng đọc, người ta càng thất-vọng. Qua trang sau, người ta thấy ngay « vấn-đề » chót ông đã nêu lên chưa phải là chính vấn-đề đáng nêu lên hơn cả trong một trí - óc con người. Dấu hỏi của Ba-Kim chỉ có thế này : « Chết là một trò ra làm sao nhỉ ? » Dấu hỏi ấy làm cho chúng ta liên-tưởng ngay đến đứa bé

sắp được trồng đậu lần đầu chỉ biết bán-khoản vì mỗi một điều : « Cái mũi dao sắp rạch da mình kia là một trò ra làm sao nhỉ... ? » Sau khi đã đặt vấn-đề « chết » như thế, không lạ gì Ba-Kim chỉ dùng hết tài của ông ra để tự-kỷ ám-thị và dỗ trẻ. Ông lấy kinh-nghiệm riêng (một lần đã ở sát cái chết) và kinh-nghiệm của người khác để minh-chứng rằng : chết chỉ là một cảm-giác chớp-nhoáng, chấm dứt cuộc đời cách êm-thắm và giản-dị, không có gì đáng quan-tâm đến. Cao-húng hơn nữa : ông nhắc lại lời « La - thô - quơ », một nhà chính-trị Nga-sô đã nói : « *Kiếp sống không thể chịu đựng được nữa thì nên lấy bạo-lực mà hủy-diệt nó đi cho rồi* », sau đó ông nêu gương tự-vấn « dễ-dàng » của nhà chính-trị ấy và nhiều « liệt-nữ » anh-hùng khác.

Ông Ba-Kim bàn đến vấn-đề « chết » đã lạc-đề theo thói quen của các ông vô-thần, trước những vấn-đề cốt-yếu nhất của nhân-sinh quan. Thay vì tự hỏi cho đến cùng cái chết có ý-nghĩa gì ? Cái chết là một chấm hết hay là một chấm dấu nối giữa hai vế của vận-mệnh con người, ông đã bàn luận-quần quanh cái cảm-giác chết, một vấn-đề không đáng thành vấn-đề cho những con người đứng-dấn.



Nếu bây giờ chúng ta xem lại đoạn « Đề thay lời tựa » của dịch-giả ở đầu sách, chúng ta sẽ không khỏi giật mình.

Thanh-ngọc-Tuyền đã diễm-nhiên viết : « Biết đâu hai mươi lăm bài văn trong tập này chẳng khai-thác được một lối đi sáng suốt, lành mạnh cho văn - giới nước nhà đề thôi thương mây khóc gió ? »

Tôi rất có thịnh-tình với « Tập văn chọn- lọc » do Thanh-ngọc-Tuyền dịch và rất biết ơn ông khi chưa đọc nó. Vì ông hẳn phải có nhiều thiện-chí mới lập tủ-sách Hoa-Việt của ông, một tủ-sách có « mục-đích bắt cầu văn-nghệ từ văn - khố Hoa sang văn-khố Việt ». Văn-hóa Việt-Nam vốn sẵn tinh-thần cởi mở và đón nhận, vả lại đó cũng là lối tiến. Vì thế ai thiết-tha với văn-hóa V.N. mà lại không từng mong muốn cho nền văn-hóa ấy cũng đón nhận tự phía Hoa-Ấn nhiều hơn trong khi đã đón nhận rất nhiều tự phía Âu-Tây : đó là điều-kiện để giữ sự thăng-bằng và đồng-thời cũng để dễ-dàng bảo-tồn cá-tính của mình hơn trong khi tiến-triển. Bởi đó, người ta chỉ có thể cực - lực tán-thành mục-đích Thanh-ngọc-Tuyền đã vạch cho tủ sách Hoa-Việt của ông.

Nhưng chúng ta cũng có quyền đòi hỏi cái cầu Hoa - Việt kia phải là cái cầu sống chứ không phải cái cầu chết...

Nên, nếu không thất - vọng, chúng ta cũng không khỏi mỉm cười trước « câu văn » kia của Thanh-ngọc-Tuyền...

« Một lối đi sáng suốt lành mạnh » bằng những bài như bài « Thần-Linh », « Chết » kia ư ?

Quả là dịch-giả chỉ nói đùa với độc-giả Việt-Nam của ông.

Đề « thôi thương mây khóc gió », thiếu gì con đường thực sáng - suốt, thực lành - mạnh. Chứ con đường của Ba-Kim, cần gì phải mất « nhiều giấc ngủ, thì giờ, đầu óc của hơn nửa năm giờ » qua tận Trung-Hoa vĩ-đại mà tìm kiếm cho xa-xôi ?



Vì người ta phải tự hỏi ngay : « Con đường sáng - suốt ấy có thật là một con đường không, có đưa đến đâu không ? »

Chính Ba-Kim sẽ gián-tiếp trả lời cho chúng ta.

Trong bài văn «Chọn lọc thứ 25» tức là bài cuối cùng của tập « Tản văn chọn-lọc » (tr. 193—213), Ba-Kim tả cái cảnh ngộ « U - linh » tưởng-tượng của mình sau khi chết. Ông « từ dưới đất lồm cồm bò dậy » mò-mẫm về nhà với vợ con. Giữa đường ông gặp bao cảnh-khổ đau, đầy-dọa, hà-hiếp, ông muốn can - thiệp, nhưng những phản-động của ông có mà như không có, vì chẳng ai hay biết gì cả : ông chưa biết rằng mình đã không còn thuộc thế-giới người thường nữa. Về đến nhà, càng tủi cho ông hơn nữa. Ông ở sát bên vợ bên con mà vợ vẫn góa, con vẫn côi. Ông làm gì, nói gì, vợ con cũng không biết. Thảm hơn nữa là cái cảnh bà chủ nhà đến đòi tiền nhà. Bà dọa đuổi nếu người thiếu-phụ góa chồng không chịu tái-giá để có tiền mà nuôi mình, nuôi con trang-trải công nợ. Ông thấy vợ mình rất đau khổ nhưng cuối cùng cũng đành phải nhận lời. Thất vọng, Ba-Kim « thiết tưởng cũng nên ra đi cho xong ». : Vì « Đi thôi, trên cái thế giới bao-la này không có chỗ cho tôi nương náu rồi » (...) Thế rồi, ông cố « nuốt những giọt nước mắt vô - hình ấy, im - lìm bước chân ra đi... »

Ba-Kim đi đâu ? ... Chính ông đã viết ngay sau đó đề chấm-dứt bài văn :

«Tôi cũng không biết mình nên đi về đâu».

Vô tình Thanh-ngọc-Tuyền đã đặt ở cuối tập « Tản - văn chọn - lọc » của ông tuyên-dịch, câu nói đầy ý-nghĩa ấy, câu

nói đủ để đánh giá tất cả « con đường sáng suốt » mà ông tưởng có thể nhờ Ba-Kim khai-thác cho chúng ta.

« Tôi không biết mình nên đi về đâu ». Hẳn Ba - Kim chỉ dám tự gán câu nói ấy cho mình trong cái tôi đã chết, nhưng nếu thành thực ông cũng phải gán câu ấy cho mình ngay lúc sống (một điều có lẽ ông đã làm như ở tr. 42 ?). Vì ở cuối con đường đời còn chưa biết « mình nên đi về đâu » thì biết làm sao được khi còn vất-vưởng giữa đường ?

« Tôi cũng không biết mình nên đi về đâu ? » Đã thế thì làm sao dịch-giá có thể mong « biết đâu hai lăm bài văn trong tập này chẳng khai-thác được một lối sáng-suốt ...o.o.. » ?



Nhưng giá chỉ có thế ! Đàng này, nếu bình-tĩnh mà xét, ai chẳng rùng mình khi thấy rằng : « Con đường sáng-suốt và lành mạnh » kia không những không đưa đến đâu nữa, mà còn là lối chết, lối diệt-vong, nghĩa là không lành mạnh một tí nào cả.

Tuyên-ngôn phản - thần của Ba - Kim trong bài « Thần linh » chẳng qua chỉ là một tiếng dội nhạt-nheo, mà cũng đã quá thời của hồi kèn trống vô thần nổi lên với Feuerbach, qua Karl Marx rồi với Nietzsche. Áp-dụng biện-chứng-pháp Hegel, mỗi người theo một kiểu riêng, ba triết-gia ấy đã lần-lượt tuyên-bố rùm beng lên là Thiên-Chúa đã đến lúc chết hẳn. Họ cho rằng Thiên-Chúa chỉ là một sản-phẩm do con người thoái-vị làm thành. Con người đã rút tất cả cái hay cái đẹp của mình để tô - điểm ý-tưởng Thiên-Chúa, một ý - tưởng giả - tạo, rồi

dành tự dành cho mình thân - phận thấp kém, tùy-phục trước cái Tượng to-tát mà trống rỗng kia. Nhưng ngày nay, đã đến lúc con người phải ý-thức chân giá-trị của mình, phải triệt-hạ Thiên - Chúa để lại hoàn-toàn là mình ... Nói cách khác, không có Thiên - Chúa, Thần linh nào, ngoài con người ta. Triệt-hạ Thiên-Chúa, Thần-linh, là đường lối suy-tôn con người lên địa-vị chánh-đáng của con người.

Không cần nói, một nhân sinh quan như thế khổng-khíu, vô-bằng, bất-chấp những nhận-xét thô-thiền nhất của lý-trí cũng như những kết-luận của một khoa lịch-sử khảo-luận khách-quan, như thế nào?

Chúng ta chỉ cần nhìn qua xem đường lối phản thần ấy đã « suy-tôn » con người trong sự thực như thế nào.

Tư tưởng Nietzsche đã để ra con diên loạn của Hitler và cả chế-độ Quốc-xã-Cộng-sản ngày nay chỉ là lý-thuyết của Karl Marx được đưa ra thực-hành.

Hitler Quốc-xã đã thật nâng cao loài người lên chăng? Cuộc đại - chiến thứ hai còn để vết máu trong ký-ức chúng ta để trả lời. Thân phận trâu ngựa của hàng vạn, triệu người đày-đọa trong các trại tập-trung cũng đã trả lời.

Còn chế-độ Cộng - sản đang cứu-vãn loài người ư? Bất cứ một người nào đã liêu chết trốn thoát để-Quốc đồ Nga-Sô hay Trung - Cộng hay Việt - Bắc, đều có thể trả lời bằng những kinh-nghiệm sống. Chưa bao giờ con người bị khinh - miệt, bị áp - bức, cả ngoài thân-xác lẫn trong tâm-hồn, chưa bao giờ những giá-trị thiêng - liêng cao - cả nhất của con người bị đe - dọa cho bằng ở dưới một chế-độ chủ-tương vô-thần và vô tín-ngưỡng như Cộng-sản.

Và vẫn chính cái bệnh duy-vật vô - thần của Cộng-sản cũng như của tư-bản hiện tại, đang sinh ra ác-mộng một cuộc đại chiến thứ ba đưa loài người đến chỗ diệt-vong.

Như thế, nguyên lịch-sử cũng thừa đủ để minh-chứng : Nhân-loại phản-thần là tự-diệt. Không thể phủ-nhận Thiên-Chúa mà không đi đến chỗ phủ - nhận con người. Xây-dựng nhân-sinh-quan vô-thần là xây-dựng trên cát vụn và bằng giấy bồi. Một đường lối chết ! một nẻo diệt-vong !



Đến đây, không thể không lo ngại cảm thương cho chính số-phận của Ba-Kim

Không cần gì phải nói đến số phận vượt thời-gian. Và lại Ba-Kim không tin còn có gì sau một cái chết. Cái trí tưởng-tượng của ông sẽ không đưa đi đến đâu cả.

Ba-Kim đáng thương ngay trong cuộc sống hiện tại.

Thanh-ngọc-Tuyền, khi giới-thiệu sách, ông đã không quên viết : « Tác-phẩm của Ba - Kim, hẳn bạn cũng đã từng đọc một ít bài, và thấy rõ tư - tưởng chống chủ-nghĩa xã-hội Mác-xít mạnh-mẽ của ông qua các mặt báo giá-trị giới-thiệu. »

P phủ-nhận Thần-linh, Ba-Kim hẳn vẫn thiết-tha với nhiều giá-trị cao quý con người như những giá-trị tinh-thần, nghệ-thuật, tự-do, quyền sống. Ông đã từng viết : « Tôi có một nguyện-vọng giấu kín trong lòng mà không một ai biết cả : Tôi mong sao mọi người đều có nhà ở, mọi lỗ miệng đều có cơm ăn no, mỗi tâm lòng đều được sưởi ấm. Và tôi muốn lau ráo nước mắt của mọi người, không

đề dụng chạm, cấu xé nhau, đầu làm rơi một sợi tóc chẳng nữa.» (trang 41)

Như thế ông đã mạnh-mẽ chống Cộng, có lẽ chính vì chủ - nghĩa Mác-xít, cho đầu hô-hào đến đầu đi nữa, cuối cùng vẫn phản lại những giá-trị nhân-đạo nói trên. Nói cách khác, ông vô-thần nhưng có lẽ vẫn tự-hào là không duy-vật như Mác-xít.

Nhưng vấn-đề là ở chỗ này : người ta có thể vừa vô - thần vừa có đủ sức tinh-thần để kiên gan trung-thành chủ-trương, bênh-vực một lập - trường nhân-bản mà mình còn cho là cao quý không ?

Chính dịch-giả cũng đã đoán biết được nỗi thắc-mắc ấy của người sẽ đọc ông. Ông còn đặt vấn-đề cụ-thể hơn nữa :

« Trước khi kết-thức mấy trang « giới thiệu tác-giả », tôi xin cáo lỗi độc-giả.

« Vì tôi biết rằng độc - giả sẽ hỏi : « Hiện giờ ông Ba-Kim ở đâu, và đang làm gì trong chính trào Trung - Quốc ? ». (Hãy hiểu : trong chế - độ Mao - Trạch Đông). « Vì lý-do riêng — và cũng vì lý-do thiếu tài-liệu chuẩn - xác, — nên tôi đành phải đưa tay trước câu hỏi này. »

Rồi Thanh-ngọc - Tuyền lại cần - thận nhắc độc-giả « Nhưng một điều xin độc-giả nhớ kỹ là, Ba-Kim trong thời hoạt động văn - nghệ mạnh - mẽ nhất — thời chống ngoại-xâm — tác - phạm của ông hoàn - toàn đứng bên lẽ chủ - nghĩa xã-hội phát-xít, trái lại còn được tư-tưởng chống đối lại nữa. Tất cả các bài được tuyên-dịch trong tập này, đều vào thời ấy cả ».

Thiết tưởng sự cần-thận sau này hơi thừa. Chúng ta sẵn-sàng tin Ba-Kim « đã » chống cộng (mặc dầu rõ-rệt là một cách

nông cạn). Nhưng chúng ta muốn biết một người đã hất vôi thần-linh ra ngoài tư-tưởng và văn-nghệ của mình thì còn có đủ sức tinh-thần để « chống đối lại » mãi một chủ-nghĩa bất-nhân không ?

Nhưng chẳng cần phải gạn hỏi ông Thanh-ngọc-Tuyền làm gì, chỉ thêm lúng-túng cho ông. Cứ kể là ông còn chờ tài-liệu chuẩn-xác.

Nếu ông ta ngại trả lời chúng ta trên mặt cứ-sự (question de fait), có lẽ chúng ta có thể tự trả lời ngay cho chúng ta trên mặt cứ-lý (question de droit).

Với một chút nhận - thức xác - đáng về toàn-diện chân-lý con người — chúng ta vẫn đứng nguyên trên bình-diện nhân-bản và nhân-vị mà nói như từ đầu đến giờ, chứ chưa phải theo quan-điểm riêng của tôn-giáo nào cả —, và với một chút kinh-nghiệm lịch-sử, ai mà không có thể thẳng-thắn quả quyết :

Có lẽ chúng tôi không biết Ba-Kim đang làm gì, nhưng chắc-chắn là chúng tôi sẽ không lấy gì làm lạ lắm hay đáng ngạc-nhiên, nếu quả thực Ba - Kim đã ém - thắm đôi giọng, biến thành một bồi-bút của chính-phủ Mao-trạch-Đông, đem tâm huyết và giấy mực ra để hôm nay ca tụng ăm-ỹ một chủ-nghĩa mà ông đã « chống đối » ngày xưa.

Lý do ? Không một lâu-dài tinh-thần nhân-bản nào xây trên cát vụn và làm bằng giầy bốt (cho đầu nước sơn có đẹp bóng đi nữa) có thể trường-cửu hay đứng vững mãi trong cơn sóng gió của bạo-lực. Và cũng vì thế, trong khi chờ đợi « tài-liệu chuẩn-xác » với một chút cảm - tình đồng - loại đối với Ba - Kim, chúng ta không thể không lo ngại cho ông đã phải sa-đọa tinh-thần.



Sau cùng, riêng tôi sẽ không trọn tình với dịch-giả Thanh-ngọc-Tuyền nếu không thêm một đôi lời. Viết những giòng trên tôi chỉ làm phận - sự một độc-giả cảm thấy mình liên-dối với các độc-giả khác, nên mới bắt buộc làm một công việc bạc bẽo : nói lớn lên những mặt trái có thể rất tai-hại của một tập văn đã được đưa ra đề : « *khai - thác một lối đi sáng-suốt và lành-mạnh.* »

Trong khi làm việc ấy, tôi vẫn muốn còn giữ lòng tin cậy ở thiện - chí của Thanh-ngọc-Tuyền. Ông đã « *chọn dịch trong hằng mười quyển sách có giá-trị về thể tản-văn của Ba-Kim* » để hiến chúng ta những trang ấy. Chỉ tiếc một điều là tuy ông đã dịch rất công phu — như ông nói —, nhưng quả ông chưa « *chọn* » kỹ lắm.

Tôi chỉ muốn phân - nàn dịch-giả một điều « *chưa kỹ* » ấy thôi, chứ không dám nghĩ rằng ông chủ-tâm nhập-cảng vào văn-giới Việt-Nam những món bã - độc như bài « *Thần-linh* ».

Nhưng mục-dịch Thanh-ngọc-Tuyền đã nêu lên cho tử sách Hoa-Việt của ông, tự nó vẫn rất đáng đeo đuổi. Mong ông sẽ xúc-tiến mạnh mẽ công việc của ông. Dịch và nhất là chọn-lọc thật. « *đề thâu-thập tinh-hoa của nền văn-học Hoa đem về tô-thấm cho nền văn-học Việt* ». Nếu là tinh-hoa thật, nếu là những tập tuyển-dịch thật sáng suốt và thật lành mạnh, Thanh - ngọc - Tuyền sẽ có công lớn đối với nền văn-hóa Việt-Nam chúng ta.

29 - X - 1956

LAM - VIỆT

* Cách làm cho dứt nạn trộm cắp.

Quý-Khương-Tử lo buồn vì nước Lỗ có rất nhiều trộm cắp, đến hỏi Khổng - Tử. Khổng-tử đáp :

— Ông là người cầm-quyền cai-trị dân-chúng mà ông không có lòng tham-lam thì đâu ông có thương họ, họ cũng không đi ăn trộm.

* HÙNG-KHÍ của lời nói tuy mãnh-liệt, nhưng không mãnh-liệt bằng hùng-khí của cả một cuộc đời.

MARIE JENNA

ĐẠO-NGHĨA VỢ-CHỒNG TRONG CÂU HÒ MIỀN NAM

THUẦN-PHONG

Tiền - tài

Phấn - thỏ



Ó tiền mua tiền cũng được, không tiền chạy ngược chạy xuôi », nên « thiên-tường tác - biệt » là sự thường-tình.

Đồng tiền chi-phối tất cả, khắp nơi nơi và bắt câu ở thời-kỳ nào. Cho đến chỗ vợ chồng, đồng tiền cũng có mặt. Người ta cho đồng tiền có quyền-lực đào-tạo hạnh-phúc gia-đình, nên thiếu chi « kỹ-sư đào mỏ » ; người ta cũng cho đồng tiền có quyền mua duyên tơ-tóc, nên cũng có chán kẻ « chiêu phu ».

Trò đời nhờ vậy mà thêm vui, tuy có khi tiếng cười lẫn pha nước mắt.

Nhưng người ta yêu đời, cười lên để quên khóc, cười lên để thêm ước mong, cười lên cho ngày mai tươi sáng.

Sự thật quả thật là đáng cười.

Một nhà giàu nọ có một cô tiểu-thơ đến thi. Phiền cho nhà giàu đó quá, vì ở xứ này không có cách nào quảng-cáo, không có báo-chí, ra-dô, để rao to lên : « Cần gấp một chàng rể ! ». Cũng may, cái xã-hội phong-kiến này có một thứ cơ-quan quảng-cáo sống, một thứ báo-chí miệng, một thứ ra-dô bằng thịt bằng xương, nó lãnh vai-trò rao chõng một cách rẻ tiền. Là cái ông mai đó. Vậy ông mai của nhà gái đi « săn » rể. Là nhà nghề, ông mai đi tìm nhà nghề, họa may gặp mối ; ông gặp một bạn đồng-nghiep ở làng kế bên, liền đem mối của nhà giàu của mình ra khoe, nào là ruộng cò bay thẳng kiếng, nào là nhà dọc dầy ngang, nhưt là con một :

— Quí lắm ! Quí lắm ! Con chuột nào sa vào hũ nếp đó thì no nứt trứng.

— Quí thật ! Mà cô đó ra thế nào, vậy anh ?

—Ồ ! Hối tử-mĩ mà làm gì ? Tôi nói tóm-tắt một câu thi « minh » đủ biết, hê. « Minh » biết : cái thứ con gái nhà giàu, mười đũa cũng như một : đũa nào cũng ý của, kiêu - căng. Vậy mà cô hai này không có một chút như vậy chớ ! Tôi nói cô là người không có môi-miếng mới ngộ chớ ! Ừ, để rồi « minh » coi, cô không có môi-miếng đâu. Tôi có nói sai cho mặt đèn tắt, tôi tắt theo !

Ông mai bên làng kia ngẫm-nghĩ, hình như đề đào trong trí một mối nào ; thoạt-nhiên vỗ trán, ông cười lên :

— A ! được rồi ! Có chỗ này đây ! Cái thằng cũng khá trai đến. Cũng nhà có ăn. Ngặt một chút là nó thiếu chun-đưng...

Ông mai đang gái không chớ dứt lời, liền hớt :

— Ối ! « minh » đừng có lo chuyện đó. Tưởng cái gì, chớ cái chun-đưng thì lo gì ? Đàng gái người ta bá-hộ mà, muốn bao nhiêu tiền làm vốn mần ăn mà chẳng có ?

Ông mai đang trai tỏ vẻ cẩn-thận :

— Ấy, mà tôi e cho đàng gái chê nó không có chun-đưng...

— Tôi bảo-kiết cho. Người ta cần cái đũa biết đều, cần gì thứ có chun-đưng hay không có chun-đưng !

— À, nếu người ta không chê nó thiếu chun-đưng thì tốt lắm.

Thế rồi hai ông mai trở về phúc-trình với hai đàng ; thế rồi hai họ chọn ngày cưới hỏi. Đến ngày lễ, chàng rể và cô dâu đi ra lấy họ. Chàng rể què, phải chống cà-khêu, chợt thấy cô dâu sút môi, đưa hàm răng chom-chồm như răng

bừa cào, chàng va té xiểu, trong lúc cô dâu thấy chú chàng không chun liền sụm xuống chiếu.

Hai ông mai phải ra giải-thích.

Ông mai đang gái tuyên-bố với bên trai

— Hối ông mai lại coi : tôi đã nói là cô dâu không có *môi-miếng* kia mà ! Nghĩa là tôi đã cho biết cô sút môi. Đã ung rồi, bây giờ còn trách ai ?

Ông mai đang trai càng mạnh miệng hơn :

— Hối ông mai lại coi : tôi đã nói trước là chàng rể không có *chun-đưng* kia mà ! Nghĩa là tôi đã cho biết cậu què giò. Đã ung rồi, bây giờ còn trách ai ?

Khôi-hải thật. Nhưng đó là một chuyện điển-hình, ngụ ý phủ - nhận giá - trị của đồng tiền trong việc hôn-phối. Cho nên bình-dân có câu nhạo-báng :

Cầm chài mà vãi vô nia,

Cười con bá-hộ dựng chia gia-tài.

và có câu khuyên-răn :

Chim khôn kiếm nơi dùm-dậu,

Em kiếm nơi trai ân-hậu mà nhờ,

Đừng ham chỉ công-lử dật-dờ tằm thân.

Họ không tin-cậy ở chỗ đồng tiền có khả-năng gây hạnh-phúc, trái lại kinh-nghiệm muôn đời đã mở rộng con mắt họ cho thấy mãnh-khoé bóc-lột của kẻ « mạnh gạo, bạo tiền » :

Cái nón nhỏ nang

Quai vàng chỉ ngực,

*Em ham chỉ cái chỗ sang giàu, sau cực
tằm thân.*

Đồng tiền có nhiều quyền-lực quá, tiếc thay nó làm dơ-bẩn, nó làm mù-quáng,

nó cầm lương-tâm, nó cố phẩm-giá và nó mua bán đến những món gì cao-cả thiêng-liêng nhưt, cho nên các bạn nghèo phải « chạy mặt nó », đành cam lạnh áo đói cơm, « an-bần lạc-đạo », bảo nhau chọn vợ kén chồng chớ nên lấy đồng tiền làm mực thước :

*Con chim nhỏ nhỏ,
Cái lông nó đỏ,
Cái mỏ nó vàng,
Nó kêu người ở trong làng,
Đừng tham lãnh-lạ, phụ-phàng vãi-bỏ.*



**Nhân - nghĩa
thiên - kim**

Ái nghèo mà vui ? Ái vui với chữ nghèo bao giờ ? Có lẽ những ông thánh ở thời phong-kiến mới thực-hiện được cái triết lý siêu-nhiên « an-bần lạc-đạo » ; nhưng cũng chưa ắt, các ông thánh đó, biết đâu khi đề-cao cái đức an-phận thủ-thường, chẳng đặng tâm hay vô tình chẻ-tạo một thứ thuốc mê, thuốc ngủ, — nếu không nói là thuốc phiện — để ngăn-ngừa cách-mạng cướp quyền ? Thực-tế đã xác-nhận trái ngược hẳn lại, nên binh-dân ta ai chẳng biết hai tiếng nghèo khổ đi sát với nhau ?

Cho nên :

*Vì dầu nhà đột cột xiêu,
Muốn đi cưới vợ, sợ nhiều miệng ăn.*

Tuy nhiên, người ta phải cưới vợ gã chồng, mặc cho hột muối cần hai, có cơm ăn cơm, có cháo ăn cháo :

*Tay bưng đĩa muối chằm gừng,
Gừng cay muối mặn xin đừng bỏ nhau.*

*Tay cầm đĩa muối sàng rau,
Thủy-chung như nhút, sang giàu mặc ai.*

Không có nghĩa là « an-bần lạc-đạo », không có nghĩa là vui với phận nghèo, càng không có nghĩa là bằng lòng « muôn năm » với cái nghèo đau ! Xin ai đó lắng tai nghe lấy tiếng khóc nỉ-non trong túp lều đồ-nát giữa đêm gió lộng mưa dầm ; xin ai đó mở mắt nhìn xem những giọt lệ âm-thầm chứa-chan trên gối đệm nẹp bằng giữa vùng đồng chua nước mặn :

*Lầu nào cao cho bằng lầu ông Chánh,
Bánh nào trắng cho bằng bánh bò bông ?
Đôi ta đạo vợ nghĩa chồng,
Nằm đêm nghĩ lại, nước mắt hồng nhỏ sa.*

Lầu ông Chánh, bánh bò bông, trong quan-niệm đôi vợ chồng nghèo, có ý-nghĩa gì, tiêu-biểu chi chi ? Lầu ông Chánh là tòa nhà cao lớn nhưt trong tỉnh, có nhà chú Mít anh Xoài nào dám bì. Bánh bò bông là thứ bánh hấp khéo-léo mất tiền, các chị tay lấm chơn bùn có làm sao tranh đồ với các ả tiểu-thơ. Quyền cao lực cả, cửa trọng nhà sang biểu-hiện trong hai hình-ảnh cụ-thể : lầu ông Chánh và bánh bò bông vậy.

Quần tròn trong manh đệm trên vạc tre, hay nằm mẹp trong chiếc nẹp dưới nền đất, ở bên cạnh cái quyền-lực cao-cả kia, cái giàu-sang to lớn nọ, đôi vợ chồng nghèo-khổ — và tự-nhiên yếu-hèn — không có nghị-lực mà cố-gắng « an-bần lạc-đạo ».

Họ phải đành chan nước mắt gừng mà cưới hỏi nhau, để lo nổi giòng, để bảo-tồn dân-tộc.

Khẳng-nhận rằng binh-dân ta chú - ý quyết tâm bảo-tồn dân-tộc e khi bày chuyện vẽ rắn thêm chum. Nhưng, trong thực-trạng quốc-gia, chắc-chắn là họ nhận thấy dân-tộc bị hăm-dọa, về nhiều phương-diện, đặc-biệt là về chánh-trị và kinh-tế; rồi do đó trong tiềm-thức, họ được giác-ngộ ít nhiều, họ đứng lên chống-bàng những kẻ phản-bội dân-tộc, đem cốt-cách Con Rồng Cháu Tiên bán rẻ cho phường dị-chủng:

Gió đưa bóng lách, bóng lau,

Gió đưa em bậu xuống tàu ăng-lê.

Kẻ dị-chủng đến đây, không phải vì tình hữu-nghị, càng không phải để tương-trợ tương-thân. Họ thích lắm, họ không phải là kèn-kèn, không phải là loài chim sống bằng máu thịt của kẻ khác, nhưng họ có thứ lỗ tai mỏng, nghe được lũ chim bôn-thỏ cồ-động vang trời:

Ba phen quạ nói với dều:

Đi về sông Cái có nhiều cá tôm!

Sông Đồng-Nai, nhứt hạng là sông Cửu-Long, thật là nhiều cá tôm quá! Thi nào quạ, nào dều, nào ó, nào bù-cắc, nào thầy bói và kèn-kèn hay loại chim nào sống với tanh hôi, rủ nhau đồ xô đến. Rồi chúng nó khai-thác, khai-thác đến tận-cùng, sau khi thâm-hiểm và nghiên-cứu kỹ-lưỡng:

— Gió đưa gió đẩy về rẫy ăn còng,

Về sông ăn cá, về đồng ăn cua.

— Rộng đồng mặc sức chim bay,

Biển hồ lai láng mặc bầy cá đua.

Tại rộng đồng nhiều lúa, tại nhiều cá tôm mà dẫy đất màu-mỡ này quyến-rũ « anh-hùng tứ-chiến ». Trong đám anh-hùng tứ-chiến có hai phần-tử tru-thắng,

nằm trong tay tất cả quyền-hành, thâu trong túi tất cả tiền-lúa: ông Thánh Trắng và Ông Trời Vàng, ông Pháp và ông Ngô.

Xứ sở đã mất trọn độc-lập chánh-trị và kinh-tế vì hai anh-hùng đó, còn cô ả nào vóc ngọc mình vàng, lòng trinh dạ tuyết dành cho mất luôn chăng? Dân-tộc đã kêu gọi thiết-tha từ đồng lúa vườn đừa, lãnh-lót trong câu hò tâm-huyết:

Ông vua bên Tàu sắm tó, sắm tộ,

Ông quan bên Tây sắm dượng lục-lộ,

Thợ mộc sắm bộ kỹ-trà;

Anh đừng làm trai nam-nhơn chi-chí,

Em đừng làm gái em chẳng biết suy:

Lấy Tây, lấy Chêc làm gì?

So bề nhân-ngãi sao bì An-Nam.

Đã « ngán » anh-hùng đó, người ta « ngán » luôn bọn tay sai của họ:

Đèn nhà lâu hết dầu đèn tắt,

Lửa nhà máy hết cháy thành than:

Em Hai ơi! Lấy chồng lựa chỗ giàu sang,

Lấy chi thằng diếm dọn bàn Tây ăn?

Chẳng phải vì lý-do dân-tộc mà thôi; họ ngán cũng vì lý-do kinh-tế, lý-do thực-lực. Thật vậy, ngọn đèn thấp ở trên lầu cao (lầu ông Chánh?) tiêu-biểu cho sự vinh-quang cao-cả; ngọn lửa ở nhà máy tiêu-biểu cho sức giàu-mạnh hùng-cường; hai vật tiêu-biểu cho quyền-lực chánh-trị và kinh-tế, đồng-thời cũng tiêu-biểu cho sự ngán-ngủi tạm-thời: những quyền-lực ấy không trường-tồn và chưa thâu đem đã tàn-rụi. Dầu hôi, dầu lửa, dầu cặn, dầu xăng... từ ngoại-quốc đem vào, cháy mạnh thật, cháy sáng thật, nhưng bền và đượm sao bằng thứ dầu của dân-tộc,

thứ dầu sản-xuất không tốn công tiền,
thứ dầu vô tận của đồng-bái rẫy-vườn,
là dầu mù-u :

Ai về ai ở mặc ai,

Thiếp như dầu đượm thấp hoài sáng đêm.

Thứ dầu ngoại-quốc ấy, không phải
vật sở-hữu của « thằng điếm dọn bàn »,
thứ dầu đó của chủ nó, thứ dầu đó hao
lắm mà không bền đâu : « thằng điếm
dọn bàn » dựa hơi chủ nó, mượn cái ánh
sáng của chủ nó.

Thực-quyền và thực-lực mới đáng kể,
vi kể nào có thực-lực trong mình mới
tự-lập, mới tạo được cho mình và cho
gia-đình một đời sống theo ý muốn, tự-
nhiên là còn tùy khả-năng và cảnh-ngộ
cá-nhân :

Tay tôi lần theo cọng cỏ bắc,

Tay tôi cắt cọng bâng,

*Cực khổ tôi, tôi chịu, để cho nàng
phong-lưu.*

Có thực lực là có khả-năng làm việc.
Gia-đình muốn có hạnh-phúc phải xây-
dựng trên nền-lặng của thực-lực ; vợ
chồng muốn nên cửa nhà phải có khả-
năng làm việc.

Không, sao được ? Vì hễ có đôi bạn rồi
là phải ra riêng. Ra riêng là độc-lập đó.
Đã đủ lông đủ cánh rồi, đã có đôi, có cặp
rồi, thì uyên-trương cứ liệu sức lấy mà
tung mây lướt gió, mà vùng-vẫy dọc-
ngang : cha mẹ nào có lột da sống đời
mà phủ-trợ, mà đứt-nhép, mà sớt-bù ?

Vì lẽ ra riêng ấy mà trai cũng như gái,
đều kén một người bạn trăm năm cho
biết « mần ăn » :

*— Chẳng thà em lấy chồng khờ, chồng
dại,*

Lo kinh-thương phản-mại,

Tính công-nghệ nóng-tang,

Không ham nhiều bạc lăm vàng,

Mai sau sanh chuyện diêm-dàng bỏ em,

— Qua cũng muốn kiếm một nàng

Cho thạo dăng buôn bán,

*Rao cùng thôn-quản, mà chưa dăng chỗ
nào ;*

Thiếu chi những chị má đào,

Họ mê bài phê, bài cáo, anh thất-kinh.

Biết mần ăn, biết lao-động, biết sản-
xuất là điều-kiện căn-bản. Người trí-thức
thoả-mãn được điều-kiện này cũng được
lọt vào mắt xanh :

Mặt trời đỏ tợ như lửa đốt,

Mặt trăng tốt tợ như hoa hường ;

*Em ơi ! Có muốn lấy chồng, lựa người
chữ-nghĩa văn-chương,*

Quang-minh trí-huệ cao-cường hơn em.

và còn được sửa trập nưng khăn châu-
đáo :

Chiều chiều xách chén mua tương,

Thấy anh trong trường bầm viết ngõ ra ;

Đi về mua lụa mười ba,

Cắt áo cò giữa, em tra nút vàng.

Nếu là tay nông - dân, cô dâu được
trọng dụng lắm lắm :

Trắng như bóng lòng anh không chuộng,

*Đen như cục than hầm làm ruộng kha
thương.*

Còn chàng rề mà là nông-dân, dầu có
xấu trai thể mấy, cũng được yêu-chuộng :

Củi tre để nấu,

Chồng xấu để xài,

Chớ ham bóng-sắc, hành-hài tâm thân.

Nếu trai và gái đều là bạn chơn lành
tay bùn thì đặc-y nhưt :

Chèo dài sóng hẹp khó lùa,

*Thấy em (hay anh) ở ruộng quê mùa
anh (hay em) thương.*

Sợ chính-lệch về nhan-sắc và về tiền-lãi,
người ta chỉ chuộng người đồng thuyền
đồng bội. Không có chữ « đồng » thì vợ
chồng không xứng :

Đêm khuya thiệp mới hỏi chàng :

Cau khô ăn với trầu vàng xứng không ?

Không vẹn chữ « đồng », thôi đành an
thần thủ phận :

Chiếu manh theo phận chiếu manh,

*Chiếu manh dẫu dằm trong tranh
giường lều.*

Có được chữ « đồng » thì « đồng vợ
đồng chồng, tát biển đông cũng cạn », dẫu
có gian lao cực-khổ cũng không
phiền :

Nước lên ngập bồi nổi rêu,

*Tôi với mình nằm trại, ngủ lều cũng
xong.*

Vậy điều-kiện chánh-yếu là phải đồng
tâm hiệp ý, đồng quan-niệm :

Ở đời ba bảy đường chồng,

Miễn sao chọn được một lòng là hơn.

Vì có đồng quan-niệm mới là có nhân
có nghĩa, — nhân-nghĩa mới là qui trọng
nhất đời :

Đạo chơi quán cũng như nhà,

Lều tranh có nghĩa hơn toà ngói tổ.

Tuy nhiên kinh-nghiệm còn dạy thêm
rằng : hạnh-phúc vợ chồng đã đành là do

đồng tâm hiệp ý, do đạo-nghĩa ân-tình,
xong vẫn còn tùy-thuộc một yếu-tố khác,
cũng hệ-trọng đáng kể, là cha mẹ :

Lộ bất hành bất đáo,

Chung bất dã bất minh,

Bảy giờ anh mới rõ sự tình,

*Tại má với ba ở dọc, hai đũa mình
mới xa.*

Cho hay đạo-đức của cha mẹ ở thực-
tế có ảnh-hưởng cũng nhiều đối với
hạnh-phúc của dẫu con, nên cô dẫu
cũng đồng ý với chàng rề, trong sự kén-
lựa chỗ trao thân gởi phận :

Kiểm nơi cha thảo, mẹ hiền,

Gởi thân khuya sớm, bạc tiền không ham.

Còn chàng rề cũng không chịu đặt mình
vào trong một gia-đình chỉ biết đồng
tiền là qui trọng :

Nước trong giếng đã hơi phen,

Coi em cũng lịch, tại hèn mẹ cha.

Vậy trai gái lớn lên phải dựng vợ gả
chồng với điều-kiện thỏa-đàng, không
mong nhờ vào phụ-ấm hồi-môn, mà cốt
là để ra riêng, để tự-lập. Đó là một điều
cần-thiết :

Con chim nho nhỏ,

Cái lông nó đỏ,

Cái mỏ nó vàng.

Nó đậu nhánh bàng,

Nó sang nhánh cải,

Gãy cái rúc

Nó xuống nhánh mai ;

Chim kêu vợ nỏ nỏ non doài,

Không ai lo-lắng trong ngoài cho anh !

Thật thế, muốn ra riêng, muốn lìa xa cha mẹ mà gây dựng cơ-nghiệp, người đàn ông không có người đàn bà lo bề tề-gia nội-trợ thì không thể nào làm nên :

Sớm mai chạy ra mắt cái cuốc,

Trưa lại mắt cái nôi,

Chiều lại mắt ông bình vôi ;

Giảm chùn ba tiếng kêu trời !

Vợ con không có : coi ngoài mắt trong,

Trong cảnh tự-lập, trong đời sống kinh-tế của gia-đình, người bình-dân nhận đúng giá-trị của vai-trò phụ-nữ : các chị ở nông thôn không bị xem là cái máy sanh con, không bị xem là chị bồi chị vú ; các chị cũng là một lực-lượng sản-xuất như các anh ; các chị tham-gia vào sự-nghiệp gia-đình ; các chị là tay thủ-hồn chắc-chắn, như câu tục-ngữ đã xác-nhận :

« Chồng như cái dằm, vợ như cái dó ».

Vậy gia-đình là chỗ vợ chồng hợp-tác, cộng-đồng và bình-đẳng :

Xét ra trong đạo vợ chồng,

*Cùng nhau nương cậy để phòng nắng
mưa.*



Đạo cang-thường

Quan-niệm hôn-nhân là cuộc tác-hợp, mục-dịch là để tạo-lập gia-đình và nối-truyền chủng-tộc, người bình-dân không lợi-dụng hôn-nhân để « làm tiền », không hề xem hôn-nhân là một cơ-hội lừa-gạt bóc-lột nhau ; trái hẳn lại, hôn-nhân được xem trọng-đại vô-cùng, nên cuộc lễ thành-hôn được cử-hành theo những nghi-lễ trang-nghiêm, gần như nghi-lễ tôn-giáo, trước mặt một vị « thần »

không đền thờ, không đình-miếu, mà được tôn-sùng châu-đáo, — là ông tơ-hồng.

Quan-niệm ấy đề-cao sự liên-hệ giữa vợ chồng và cho rằng giềng-mối vợ chồng là cũ-thể như tôn-giáo, là thiêng-liêng như mối « đạo » !

Hột thủy tinh

Đầy nhìn sáng rõ

Đề dành chờ thuở,

Làm nhân đeo tay ;

Dầu ai năn-nỉ hỏi nài,

*Anh đợi người biết đạo, của này anh
sẽ trao.*

Ấy là đạo cang-thường, không phải là việc qua đường qua buổi :

Đạo cang-thường không phải như cá tôm,

Đương mua mới nọ, chạy chồm mới kia.

Nếu người ta đã qui-y thọ-phái mãi đời phải một lòng thờ Phật kính tăng, thì trong đạo vợ chồng người ta không thể thay lòng đổi nghĩa :

Đạo cang-thường khó lắm bạn ơi !

Chẳng dễ như ong bướm đậu rồi lại bay.

Câu ngạn-ngữ : « Giàu đôi bạn, sang đôi vợ » tuy có đúng một phần đối với giai-cấp phú-hào, nhưng bình-dân vẫn một lòng thủy-chung như nhứt :

Đạo cang-thường khó dễ đôi thay,

*Dầu làm nên võng-giá, rúi ăn mây
cũng theo nhau.*

Vì đạo cang-thường xây-dựng trên nền nhân-nghĩa và trên cơ-sở cộng-đồng, nên lòng trung-thành vững chắc như vàng đá :

*Cải bẹ xanh nấu với thịt sườn,
Làm sao cho ớt ngọt như đường,
Khô-qua kia hết đắng, cái sự cang-
thường hết thương.*

Vì vậy cho nên chén bát trong sóng
có khua-động đôi khi, vợ chồng cũng
dàn-xếp cho trời êm gió lặng :

*Cây khô nghe sấm nứt chồi,
Đạo chồng nghĩa vợ, giận rồi lại
thương.*

Bởi hôn-nhân được quan-niệm như
đạo cả và nhân-nghĩa làm nòng-cốt cho
hôn-nhân, nên đạo vợ chồng được xem
cao rộng như biển trời, làm nền-móng
vững-vàng cho một xã-hội xây-dựng trên
gia-tộc :

*Trời cao biển rộng minh-minh,
Ở sao cho trọn chút tình phu-thê.*

THUẦN-PHONG

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được của nhà
xuất-bản « **Đồng-Nai** », cuốn truyện :

TẤM LÒNG BÁC ÁI của Bà
Tùng-Long,

cuốn :

TÔI HỌC VÕ-TUYẾN-ĐIỆN

do tác-giả **Lê-văn-Khuông** gửi
tặng — Giá 90\$.

và cuốn :

THÂM-CUNG của **Anh-Tuyển**,

một kịch thơ đề-cao anh-hùng liệt-
nữ Việt-Nam, do tác-giả gửi tặng
— Giá 29\$.

B. K. xin cảm ơn và trân-trọng
giới-thiệu cùng bạn đọc.

★ **PHÀM** làm nên giàu có mà có biết đem chia cho kẻ khốn cùng
thì mới là quý. Bằng không thì chỉ làm tôi tớ đồng tiền, một đời
canh giữ đồng tiền, chứ có ích gì.

Lời **MÃ-VIỆN** theo Hán-Sử

★ **CHỜ** để một ngày qua mà không nhóm lên một tia hạnh-phúc
trong một trái tim đau khổ.

GUIBERT

Họa - trúc ca

BẠCH - CƯ - DI

植物之中竹雖古今雖貴無似者昔節下筆獨運真丹青以
來唯一人人畫竹身肥體瘦首畫其度節節疎人畫竹相瓦氣
垂首其枝活葉葉動不根而生從意生不芻而成由筆成野
塘水遠崎嶇側森森而長十五莖排斜不失筠粉態著蠟畫
得風烟情舉頭忽看不知畫依耳語聽疑有聲西笑七莖竚而
健者向天竺寺前石上直道森八莖疏且寒曾憶湘妃廟裏而
中看出姿遠志少人別與君相顧望長歎蕭蕭節節老可惜手
頭眼昏頭暈色自言便退絕筆時從今此竹尤難畫

白雲居士

竹

三

卷

Họa - trúc ca

Nguyên-tác của BẠCH-CU-DỊ



THỰC oạt chí trung trúc nan lá,
 Cờ kìm tuy họa vô tự giá.
 Tiêu-Lang hạ bút độc bức chân,
 Đan-thanh đi-lai duy nhất nhân.
 Nhân họa trúc thân phi ùng-thưng,
 Tiêu họa hành xấu tiệt tiệt thục.
 Nhân họa trúc sảo từ lụy thùy,
 Tiêu họa chí hoạt điệp điệp động.
 Bất căn nhi sinh tông ý sinh,
 Bất duàn nhi thành do bút thành.
 Già đường thủy biên kỳ nhai trúc,
 Sâm sâm lưỡng tùng thập ngũ hành.
 Thuyền quyên bất thất quân phân thái,
 Tiêu-phiêu họa đắc phong yên tĩnh.
 Cừ đầu hồ khan bất tự họa,
 Đê nhi tĩnh tĩnh nghị hữu thanh.
 Tây tùng thất hành kính nhi kiện,
 Tĩnh hướng thiên - Lạp tự tiền thạch.
 Thượng kiến đông tùng bất hành sơ thà hàn,
 Tầng ức Tương-Phi miếu lý vũ trung khan.
 U-tư viễn chí thiêu nhân biệt,
 Dữ quân tương-cổ không trường than.
 Tiêu-lang, Tiêu - lang, lão khả tch,
 Thủ triên, nhân hôn, đầu tuyết sắc.
 Tự ngôn tện thị tuyết bất thời,
 Tông kìm thử trúc vu nan đắc.

Bài ca về trúc

Bản dịch của MẶC-THU

CỎ cây dễ khổ nhất loài trúc,
 Xưa nay dễ nhiều nhưng không thực.
 Chàng Tiêu oạt bút giống tài tình,
 Một nét đan-thanh một chung đức.
 Người dễ thân trúc như sưng phù,
 Đốt trúc chàng Tiêu nét nét sơ.
 Nhân trúc tươi non lá lá động,
 Đầu giống trúc người ngọn xác - xơ.
 Không rễ mà sống vì ý sống,
 Không măng mà tươi vì bút thành.
 Xum-xuê đôi khóm mười lăm giống,
 Lá ngọn đường que bờ gập - ghềnh.
 Gái ngoan còn mãi phần thơ ngày,
 Bút hoa vờn dấy tình khởi mây.
 Bồng thủy như không là bức họa,
 Bồng ngọc tiếng nhẹ lướt đầu đày.
 Khóm Tây bày giống cứng mà khéo,
 Đầu hướng ở xa Thiên - Lạp từ.
 Tám giống khóm Đông gầy lạnh lẽo,
 Chạnh nhớ Miếu - Tương vùi trong mưa.
 Menh-mang chí lớn ai người biết,
 Cùng ngàng lên trời cát tiếng than.
 Tiêu-lang già rồi thực đáng tiếc,
 Run tay, mờ mắt, đầu gọi tuyết.
 Nhủ mình : đầu còn bút thịnh thời,
 Trúc ấy bây giờ khổ kiếm được.

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SAIGON

36, Rue TÔN-THẮT-ĐAM
(Ex. Chaigneau)

Téléphone : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P. 49

PHNOM-PENH

26, Moha Vithei Preah Bat Norodom
(Ex. Doudart de Lagrée)

Téléphone : 385 et 543
B.P. 122

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer, et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F., Antilles, Colombie, Congo Belge, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le-Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — Océan Indien) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Malta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co Inc.), au Caire et à Alexandrie (Crédit d'Orient).

DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

HÀNG RƯỢU BÌNH TÂY



DIP

Eau de Cologne et Lotions

de

PREMIÈRE QUALITÉ

Rượu luyện-tinh hảo-hạng làm bằng rượu nếp. Các thứ nước hoa đều chế bằng rượu luyện-tinh, tốt bậc nhất hoàn-cầu, cũng các chất hoa ở bên Pháp thuộc vùng Grasse (Alpes-Maritimes).

Bán sỉ và lẻ tại : 135, Pasteur — SAIGON
 Bán lẻ tại khắp các nhà buôn đưng-dân.

Các nhà buôn muốn lãnh bán (đư trả lại), do nơi Văn-Phòng Công-Ty
 135, Pasteur — SAIGON

ĐÂY LÀ MỘT KIỂU

TRONG CÁC LOẠI XE



AUSTIN

**MÀ QUÍ NGÀI CÓ THỂ ĐẶT MUA NGAY
T A I**

HÃNG GARAGES CHARNER.

131 - 133, ĐẠI - LỘ NGUYỄN - HUỆ — SAIGON

Đ. T. 20.423 và 22.531

THE BANK OF EAST ASIA, LTD
(ĐÔNG - A NGAN - HANG)

Agence de Saigon : 6, Đường Võ-Di-Nguy

Téléphone : 20.565 — 20.566 — Ad. Télégr. : Bankeasia

Siège Social : N° 10, Des Voeux Road Central, Hongkong

**TOUTES OPERATIONS DE BANQUE
ET DE CHANGE**

Agences et Correspondants dans toutes les grandes villes du Monde

COFFRES - FORTS A LOUER

(Avec Conditionneur d'air)

NHÂN VẼ BẢN ĐỊA-ĐỒ TÍ-HON

LÊ - VĂN



NH ơ! Nó ray-rút quá!

Tôi vò đầu rối-tung, tôi nhức óc rồi đây.

Tôi giận tiếng cháu tôi khóc the - thé, tôi giận thằng em tôi có tướng

cao-bồi đi lác-khắc.

Tôi thù-ghét mọi âm-thanh, mọi hình-ảnh đề mà đeo đuổi nó. Càng theo, nó càng đau-đớn, ray-rút vô cùng. Mãi đến lúc tay dần mạnh xuống ghế gỗ nghe tiếng vải xé-toẹt, miệng à lên một tiếng cho em cháu giựt mình, tâm hồn tôi mới thấy dần thư-thái. Thư - thái đến tôi phải cầm viết mà viết mấy dòng này.

Tôi đang viết chữ quốc-ngữ, thứ chữ Việt-Nam, nghĩa là tôi là dân Việt-Nam. Và đây là những cảm - nghĩ của một người Việt-Nam sau khi tự tay vẽ lấy tấm bản-đồ đất nước.

Thuở mà tôi còn mài đống quàn ở ghế nhà trường thời tiền - chiến, thuở mà thầy dạy trò leo-lẻo : « Nos ancêtres sont des Gaulois ». thì mọi việc không nói làm gì. Còn nay, qua một thời giải-phóng đất nước, giành lại chủ - quyền độc-lập, qua mấy năm kiến - thiết trong hòa-bình, thời - đại này tức là thời-dại quốc-gia, dân - tộc, thế mà... thế mà, tôi còn vong-bồn. Vong - bồn đến bản - đồ đất nước cũng không tự tay vẽ được nữa là....

Nếu nói rằng tôi không biết vẽ thì không đúng. Tôi biết vẽ bản-đồ nước Tàu, nước Tây nước Mỹ .. Tôi biết các nước ấy hình gì, gốc nào là Marseille, chỗ nào là Thượng-Hải, Bắc-kinh, đâu là New-york, Washington hay Hồ-ly-vọng. Tôi còn biết mỗi nước dân-số bao nhiêu, thành - phố nào lớn, di-tích



nào đẹp, đời sống xã-hội làm sao. Qua phim-ảnh, tôi còn biết hình - thái sinh-hoạt và phong - tục tập - quán của nước ấy nữa.

Tôi chạy theo đuổi sự hiểu biết đại-khái dẫu dẫu để mà quên những điều thực-tế trước mắt.

Nếu anh bạn tác-giả bài « Văn - đề Tập-trung lực-lượng trong Quân - đội » (Tập-chí Bách-Khoa số 9) không mượn vẽ giúp tấm bản - đồ chỉ rõ một cuộc tổng tấn-công của quân - đội Pháp vào

năm 1953-1954 thì chưa hẳn tôi được điểm-phúc tự biết mình như thế !

Đây, tôi tường-thuật anh nghe.

Khi nhận lời anh bạn, tôi có vẽ liền được dẫu.

Lúc đầu, tôi tưởng dễ như ăn cơm nguội, vì tôi đã thấy bản-đồ Việt-Nam nhiều lần lúc còn cấp sách ê-a đến khi ra trường đời. Tôi thừa biết Việt-Nam hình chữ S.

Tôi trải giấy ra, khoét sâu cái Vịnh Bắc-Việt, quanh nó tron cái hông miền Trung rồi kéo huyệt xuống mũi Cà-Mau nhọn - lều mà sao trông chẳng giống tí nào. Tôi bối - rối làm sao khi tìm chỗ hai bên tập - trung quân - lực, gài thế choảng nhau.

Bây giờ tôi mới thấy lịch-sử trang-nghiêm quá !

Không dám hồ - đồ nữa, tôi xé cả, chịu mất mấy tiếng đồng hồ đi tìm mượn bản-đồ rồi mới lại cầm bút lên hứy-hoáy.

Đầu tiên, tôi chấm mũi Cà-Mau để phân đồng trang giấy. Kế đến, tôi chấm điểm Mong-Cáy, Đồng-Văn, Siêng-Không, Vạn-Tượng, Savannakhet, Băng-Prat để phân-biệt các nước Trung-Hoa, Diển-Điện, Thái-Lan với Liên-Bang Đông-Dương màu-mỡ. Tôi bắt đầu tượng hình chữ S nhờ là Việt-Nam trong chữ S lớn là Đông-Dương. Một màu xanh đậm phân-biệt đất liền và biển cả mệnh-mông.

Tôi ghi rõ các con sông Cửu-Long, bắt nguồn tận Trung-Hoa, chạy dọc theo biên-giới Diển-Lào đổ sang Cao-Miền rồi trở dòng ra Nam-Hải. Nó là một rế

cái dầm chi-chít không biết bao nhiêu rẽ con, tưới-nhuận cho ba nước Việt-Miền-Lào.

Ngoài Bắc có sông Hồng, sông Đáy..., trong Nam có sông Hậu, sông Tiền... Trên khắp đất nước, sông rạch trăm vạn, khi giữ ranh làng, khi làm ranh Tỉnh, chằng-chịt khắp nơi như gân máu, như huyết-quản trong một cơ-thể.

Đường-sá cũng nhiều không kém. Tôi chằm từng dấu đen nối liền đường rầy xe lửa từ Bắc vào Nam mà hình-dụng công-lao của bao nhiêu xương-tàn cốt-rụi.

Việt-Nam là một giải đất liền. Sông Bến-Hải nhỏ lắm anh à: nó chỉ là một lần đen nhỏ-rút chưa đủ sức ngăn đôi miền dân-tộc. Tôi cứ nhìn mãi vào nó, nghe lòng dâng lên một niềm tin rào-rạt vào tiền-dõ.

Nếu chỉ vẽ hình Việt-Nam « ồm tống t o », người ta sẽ thấy thiếu-thiếu một cái gì. Người ta sẽ thấy một chữ « S » thiếu hai đầu đậm hơn cho trọn nét. Người ta sẽ thấy màu đỏ của Trung-Hoa chói quá, màu xanh của biển cả mênh-mông quá. Cái thiếu ấy là cái thiếu Lào — Miền huynh-đệ.

Việt-Miền-Lào có những con sông chung, những miếng rừng chung, những



giải núi chung. Trông nó tôi bắt nghĩ đến mối tình giao-kết của Lư-Quan-Trương và bất-giác nhớ tới lời ví: ba nước trong Liên-Bang Đông-Dương như môi với răng; và môi sút thì răng lạnh.

Hồi nào, vẽ bản-đồ thế-giới, Việt-Nam chỉ là hình-thẻ, một nét chữ nhỏ cơ-hồ bị biển cả trùm mất. Thế mà nay, nó ngạo-nghe vô cùng. Những thành-tích nó lập được trong quá-khứ, trong cao-trào cách-mạng, trong cái

Hộp thư B.K.

Bạn VŨ KÝ.— Đã nhận được thư và bài của bạn. Xin sẽ đăng trong B.K. các số tới.

thiện dân-sinh đã ghi một ấn-trọng sâu-sắc vào những người kỳ-thị chủng-tộc. Nó cũng nâng cao đức-tín cho những ai còn tự-ti mặc-cảm.

Chưa hết đâu, cứ vẽ miền bán-đảo Đông-dương trên một trang giấy, sẽ thấy Việt-Nam thật vĩ-dại. Nó không độc-tôn một mình thên-thang trên giấy trắng. Tôi phóng-dại nó ra, nhìn kỹ vào từng dòng sông, từng làng-mạc xa-xôi, đâu cũng có chiến-công làm vàng son cho lịch sử Rồng-Tiên. Có thể nói, chỗ nào có người Việt ở là chỗ đó có chiến-công. Nếu không phải là công-lao chiến-thắng của nhân-dân đối với quân xâm-lãng thì là sự chiến-thắng của người đối với vũ-trụ bao-la.

Cảm-hứng, tôi cảm viết chỉ diềm từng dòng theo chiến-công. Bạch-Đằng, sông Hắc, sông Lô, Việt-Trì, Cửu-Long, Vàm-Cỏ, Ba-Dình, Bảy-Háp, Mỹ-Thạnh... Sông nào tôi cũng chấm nét đỏ. Hà-Nội, Sài-Gòn, Phú-Xuân, Qui-Nhơn, Thị-Nghè, Gia-Định, Kiên-Giang... thành-phố nào tôi cũng ghi vết đỏ. Đồng-bằng hay rừng thẳm, vùng người kinh hay vùng dân Thượng, tôi đều chấm đỏ li-ti.

Người như tôi hiểu lịch-sử có là bao. Thế mà tôi rị-mọ vệt-vạch tứ-tung. Khi tẩm bản-đồ thành hình đã nhuộm màu đỏ-ối, một màu đỏ liên dòng, lóng-lánh, tôi cứ tưởng bản-đồ tí-hon Việt-Nam trụ-hình là một con người, chiến-công là một dòng máu; đầu-đau cũng có máu trong người.

Công-lao khai-quốc Việt-Nam đã nhiều, anh-tài Việt-Nam cũng lắm.

Pháp-quốc có nữ anh-hùng Jeanne d'Arc, Việt-Nam có đôi anh-thư Trưng, Triệu. Mỹ có Lincoln, Việt-Nam có Lê-Thái-Tò, Bắc-Bình-Vương. Cứ gì nước Pháp mới có năm 1789. Việt-Nam đã từng oai-dũng đánh lui phong-kiến Đông-phương, gây thâm-bại cho thực-dân Tây-phương. Việt-Nam đã từng quét dọn những xấu-xa trong nội-tình để canh-tàn đất-nước.

Về kinh-tế, Việt-Nam có rừng trù-mật nhiều cây gỗ quý, núi đồi cao xây thành-lũy cho đất nước vững-bền. Lâm-sản không thiếu, khoáng-sản có thừa. Bắc-Trung có nhiều mỏ chỉ chờ ngày xây nền, dựng đài cho dân-tộc. Miền Nam là vựa lúa đầy âm-ấp thừa cung cho hai mươi lăm triệu nhân-sinh.

Muốn ngắm biển ư? Tuyền-tiên và thích, tôi cứ lựa chọn từ Hạ-Long đến Đồ-Sơn, Long-Hải, Nha-Trang, Tân-Thành hoặc Đông-Hồ thơ-mộng.

Muốn tìm màu sắc ư? Thì đây, Sài-Gòn với tất cả lộng-lẫy, xúng-dáng danh-hiệu hòn ngọc Viễn-Đông.

Nếu muốn sống nề-nếp, trầm-lặng, tao-nhã thì cứ đến Hà-Nội, xứ được tiếng là ngàn năm văn-vật.

À! Nếu tôi muốn bó-i-xoi dĩ-vãng các triều-đại, muốn tìm thi-cảm thì cứ đến xứ Huế với lãng-tầm uy-nghi, với núi Ngự, với sông Hương, với tiếng hò mái đẫy đìu-dặt chơi-voi, nhiều quyến-rủ.

Việt-Nam có đủ cả, nào đã thiếu chi mà phải vọng-tưởng ở xứ người. Có lẽ nó cũng còn nhiều diềm thua sút các nước khác thật đấy. Nhưng tại tôi không

chịu thỏa-mãn nó chứ nào có phải nó không đủ để thỏa-mãn tôi đâu. Cứ lấy một việc. Miền Nam có lối ba chục Tỉnh, mà hơn ba chục tuổi đầu, tôi đi

qua không được phân nửa và chỉ biết mưa-mưa các chỗ đi qua. Việt-Nam có trăm ngàn danh-tích mà tôi chỉ biết một hai nơi. Thế mà, tôi cứ mãi viển-vông, giờ này mới thăm - thía và ngắm - tiếc.

NHẠC MỚI

Chúng tôi vừa nhận được 5 bản nhạc sau đây :

— **NẮNG ĐẸP MIỀN NAM**,
*nhạc Lam Phương, lời Hồ -
đình-Phương.*

— **TIẾNG HÁT ĐỒNG XANH**
*nhạc cô Huyền-Khanh, lời Hồ -
đình-Phương.*

— **NHATRANG**, *nhạc Minh-
Kỳ, lời Hồ-đình-Phương.*

— **CHIỀU VÀNG TRÊN MĂNG**,
nhạc và lời Thanh-Bình.
nhạc và lời Thanh-Bình.

— **TRANG SOI DUYÊN LÀNH**,
nhạc và lời Trịnh-Hưng.

Tất cả các bản nhạc trên đều do
TINH-HOA *xuất-bản và gửi tặng.*

Xin cảm ơn nhà xuất-bản
TINH-HOA *và xin ân-cần giới-thiệu cùng*
các bạn yêu nhạc.

BÁCH-KHOA

Vẽ bản-đồ tí-hon này, tôi mất không bao nhiêu công-phu. Tuy thế, toàn thân tôi lăm-tăm mồ-hôi mà chắc-chắn không phải vì nắng trưa gay - gắt. Áo tôi thấm-ướt vì nóng-nực thì ít, mà lo-ngại sự sai-suyễn của bản-đồ thì nhiều. Tôi cần-thận so-đo tấm bản-đồ mới vẽ với bản-chánh mà tôi biết mười-mươi cũng đã sai-lệch ít-nhiều với thực-tế.

Bản-đồ trước mắt tôi không sao ghi nhận kịp sự - đập từng giây phút của bãi-biển Cà - Mau, sự diễn-biến thành-hình của bao nhiêu hăm mỏ, sự phát-triển điều-hòa của cảnh-vật và nhân-sinh.

Tôi buồn viết, ngồi lặng hằng giờ mà vẫn nghe lòng rạo-rực.

Ngoài trời, ánh-sáng chảy tràn như tương-lai dân-tộc Việt-Nam.

V. 1957

LÊ - VĂN

★ **HỢP** với người thì có lúc lìa tan ; làm nên việc thì có người nghị-luận ; ngay thẳng thì bị dè-nén ; tôn-trọng thì bị chê-bại ; làm thì có kẻ phá ; giỏi thì có kẻ ghen ; không ra gì thì thiên-hạ lại khinh-bĩ... Nhân-tình như thế, làm thế nào được. Than ôi ! Chỉ có đạo-đức mới khỏi lụy mà thôi.

TRANG-TỬ TUYẾT

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIÉTÉ ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thành-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-lộ Đồng-Khánh

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof.fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

Việt-nam khuyếch-trương kỹ-nghệ đồng-hồ c^{ty}

VIETNAM WATCH INDUSTRY DEVELOPMENT COMPANY

NGƯỜI VIỆT-NAM
DÙNG ĐỒNG - HỒ

VINA

Ráp tại Việt-Nam bằng phụ-tùng Thụy-Sĩ

Dùng đồng-hồ VINA là trực-tiếp :

- Giúp công-nhân Việt-Nam có công ăn việc làm.
- Loại-trừ ảnh-hưởng ngoại-kiều để xây-dựng kinh-tế quốc-gia độc-lập.



VIỆT-NAM KHUYẾCH-TRƯƠNG KỸ-NGHỆ ĐỒNG-HỒ CTY

Công - ty vô - danh vốn 12.000.000\$ VN

108, Lê-văn-Duyệt — SAIGON

Điện-tin :

VINAWA — SAIGON

Cable address

ĐÚT - KHOÁT

« Cái thuở ban đầu lưu-luyến ấy,
« Nghìn năm chưa dễ đã ai quên! »

THẾ - LỮ

(Đề tưởng nhớ thi-sĩ Bùi-động Hà-Phon)

MINH - ĐỨC



OM nay, Hà khỏe đi nhiều. Chàng nằm duỗi thẳng trên chiếc nệm rơm, phủ tấm vải « ra » trắng cũ, đã ngả sang màu vàng đất của thời-gian. Hà có vẻ bình-

tĩnh lắm. Mắt Hà thao-láo, chăm-chú nhìn đỉnh màn như cố đếm bao nhiêu đường chỉ đường canh. Thật ra tâm-trí chàng mãi lui về dĩ-vãng, chơi-vơi với bao kỷ-niệm thơ-mộng của những ngày tháng xa-xôi nào.

Sáng hôm qua, bệnh Hà trở nặng. Thân, anh họ chàng, phải thuê người khiêng chàng lên bệnh-viện An-Thường điều-trị. Bác-sĩ giám-đốc bệnh-viện, sau khi khám-nghiệm kỹ-càng, thông-thả cõi ống nghe bỏ xuống bàn, bắt đầu bảo Thân :

— Bệnh trầm-trọng lắm. Ở đây không đủ thuốc chữa đâu ! Chỉ còn cách xin về bên ấy, may ra có điều-kiện cứu được. Tôi hiểu ông Hà nhiều. Người bầm thọt yếu, bị giam tại Phú-nhiên gần hai năm trời, rừng thiêng nước độc, ăn-uống kham-khở, lại mang sẵn một tâm-sự buồn-nản, làm sao mà không khỏi lâm bệnh nặng. Tội nghiệp ! để tôi giới-thiệu, ông thử sang Công-an xem sao.

Thân van lơn :

— Thưa bác-sỹ, bác-sỹ có cách gì cứu em tôi với ! Hôm em tôi mới phát bệnh, tôi đã có xin, nhưng không được.

Bác-sỹ, với một giọng quả-quyết :

— Tôi biết ! ông cứ nghe tôi xin lại đi ! Lần này thế nào cũng kết-quả.

Trên đường về, Thân cho khiêng tạt Hà vào sở Công-an Liên-Khu 5 đóng ở Phú-văn. Sau khi xem giấy giới-thiệu của Bác-sỹ, viên giám-đốc đích thân ra thăm Hà đang mé-man trên chiếc chõng tre để dưới gốc bưởi. Tấm chăn bông cũ, màu xám-tro nham-nhở phủ từ chân đến quá vai, chỉ để lộ cái gương mặt nhợt-nhạt hốc-hác xa lạ hẳn với gương mặt hiền-từ của Hà thường ngày, ngoại trừ chiếc mũi cao hơi lõ một chút là vẫn không thay đổi. Xương gò má và xương chân mày hình như cao hẳn lên, râu quanh mép chen nhau mọc rậm đen, vô trật-tự đến nỗi muốn xâm-chiếm cả đôi vành môi khô-khau, nứt-nẻ như ruộng thẳng năm của Hà.

Xem qua diện-mạo, viên giám-đốc như đoán biết bệnh-tình, ông khoan-khoái xoa hai tay vào nhau, tươi cười dễ-dãi :

— Được ! tôi sẵn lòng cấp giấy cho anh Hà hồi-cư về Đà-nẵng. Viên giám-đốc không quên câu an-ủi chính-trị thường-lệ :

— Đặng và chính-phủ lúc nào cũng chủ-trương nâng-đỡ anh em trí-thức. Hôm trước sớ-dĩ tôi không cấp giấy vì thương anh Hà, không muốn con người trí-thức như Hà lọt vào tay địch. Phe « dân-chủ » ta thiếu gì thuốc hay. Giả như ở Việt-Bắc hiện giờ thì khỏi. Chỉ rui cho Hà gặp phải lúc kỳ thuốc Liên-xô, Trung-quốc chưa về kịp đấy thôi. Anh hãy đưa Hà ra ngoài ấy điều-trị tạm. Nhưng anh nhớ nhân về gia-đình, lúc nào Hà khỏi nên tìm cách cho Hà vào ngay, kéo tụi thực-dân phong-kiến lợi-dụng lung-lạc thì hồng.

Viên giám-đốc cần-thận, cho người thư ký đem tấm bảng gỗ con phết đều mực in « litho » ra tận giường, lăn mười đầu ngón và cả hai bàn tay khằng-khiu của Hà

vào hồ-sơ lưu-trữ, trước khi giao tấm giấy thông-hành màu xanh nhạt cho Thân . . .

Nghe tin được phép hồi-cư về Đà-nẵng, Hà cứ ngỡ là mình nằm mơ. Chàng nhìn chăm-chập vào mắt Thân không chớp, mồm há-hốc vì ngạc-nhiên. Lâu lắm chàng mới lấp-bấp mấy câu :

— Thật không ? Có thật không ... hờ anh Thân ? Có thật họ cấp ... thẻ hồi-cư... cho tôi không ?

Từ đó, Hà thấy người khỏe dần như vừa uống liều thuốc tiên hoặc có một bàn tay màu-nhiệm nào đến cứu-chữa chàng, trông như bệnh-tình đã thuyên-giảm đi tám phần mười. Lưỡi Hà đưa dầy dẽ-dàng không còn như mấy hôm trước. Chàng thấy người nhẹ-nhõm, dễ chịu. Cặp mắt Hà trở lại có tinh-thần, long-lanh trong sáng gần đến cái độ hằng ngày.

Cả một hành-trình hồi-cư được phác-họa trong đầu-óc chàng : « Ra đến An-tôn ta sẽ xuôi đờ đọc về thẳng Hội-an. Chuyến đờ này chắc thơ mộng lắm nhĩ. Đi toát ban đêm, lại gặp phải tuần trăng sáng thanh-hồ là mát, thanh-hồ mà ngắm trời nước mênh-mông. Đến Hội-an, ta sẽ nhờ g diện-thoại về nhà. Mẹ ta sẽ thân-hành đến xe vào đón ta về Đà-nẵng. Chắc bà cụ không nhận ra ta. » Nghĩ đến cảnh mừng tủi khôn xiết của mẹ chàng, khi vừa nhìn thấy bóng dáng con trở về trong bao nhiêu năm mong nhớ, Hà không dấu nổi xúc-động. Chàng chớp nhanh mấy cái. Hai giòng nước mắt trào ra bên khóe, bỏ dần đem cái nóng âm-ấm xuống tận thái-dương.

Hà lăm-băm :

— Con thương, con nhớ mẹ quá, mẹ ơi ! Thôi mẹ đừng khóc nữa. Gia-đình ta thế là đoàn-tụ.

Thầy mẹ chàng vốn đông con. Tuy thế Hà vẫn được thầy mẹ thương nuông hơn hết. Hà hiền-từ dễ bảo, lại là đứa con chịu thiệt-thòi nhiều nhất về phương-diện thừa hưởng cái di-sản thê-xác quý-báu của cha ông. Nghe tin Hà lâm bệnh, mẹ chàng khóc sáng đêm. Bà cụ ăn chay, tụng-niệm, cầu Trời khẩn Phật cho con chóng tai qua nạn khỏi. Theo mẹ chàng, đó là điềm chẳng lành : Bà cụ ra chợ mua con dao phay thật mới, chặt ngã-phăng cây đu-đu tơ rất sai quả trước nhà, khẩn xin thần-linh cho thể mạng con mình. . .

Hà khó nhọc nghiêng mình về phía tay phải, chàng chậm-rãi đưa tay trái lên, luồn xuống chiếc gối thêu đôi chim anh-vũ đã bạc màu, rút ra tập thư dày cộm. Hà àu-yếm liếc nhanh qua từng bức một, cố sống từng kỷ-niệm tươi đẹp ngày nào, rồi nâng-niu xếp dề bên mình.

Bất-giác Hà mở to đôi mắt, chàng cố định cho mình một trong hai thái-độ đang thăng-bằng, do-dự chưa ngã ngũ trong đầu óc rồi beng. Hà thờ dài, cổ xua-đuôi hình ảnh người thiếu-nữ mền yêu, có gương mặt hiền dịu như nước hồ thu, cứ lớn-vòn mãi trước mắt, làm xáo-động lòng chàng. Hà quyết-định. Chàng cầm vội tập thơ, hấp-tấp khẽ gọi :

— Anh Thân ! anh làm ơn đốt hộ tập thơ cho tôi. Cái gì của bên này thì trả cả lại cho bên này. Mai ta về, bây giờ phải dứt-khoát cho đỡ phải vẩn-vương !

Hà lặng ngắm ngọn lửa đỏ hực làm sáng hẳn căn nhà đất lụp-xụp. xiêu-vẹo, tối - om vì cửa đóng. Lửa bùng to, liếm gọn một cách ngon lành từng mảnh giấy hồng, để lại đồng tro cứng cuộn tròn đen xanh màu thiếc cháy. Qua ánh lung-linh huyền-ảo của ngọn lửa, đôi khóe mắt sâu hóm của

Hà lấp-lánh, uơn-uớt hình như ngăn lệ. Ngọn lửa yếu dần rồi tắt hẳn. Hà từ từ nhẹ khép mi mắt. Trong giấc mê chập-chờn, chốc-chốc Hà chới-với đôi tay khô cứng như que củi lên không, ăm-ứ gì trong mồm không nghe rõ. Thình-thoảng chỉ lọt mấy tiếng : « Em Thu ! em Thu của anh ! »



Cũng như muôn ngàn thanh-niên đầy nhiệt-huyết khác, sau tiếng vang rền-rĩ của quả mìn giật xập cầu Cầm-lệ, hưởng-ứng với tiếng súng toàn-quốc mở-màn cho cảnh chiến-trường tàn-khốc tại Quảng-Nam, Hà từ-giã gia-đình, khoác ba-lô vào vai, lên đường kháng-chiến. Vết chân Hà đã in lên các nẻo đường tranh-dấu, từ chiến-tuyến thứ nhất của Non-nước cát trắng thông-reo đã quen màu máu, đến các miền núi rừng thâm-u độc-địa, có đi không về của Tây-Bắc Hòa-vang, Bến-Hiên, Bến-Giăng Trà-mi, Tiên-Phước.

Sau gần một năm công-tác kham-khò gian-nguy, cấp-bộ Đảng bí-mật quyết-định rằng, với cái truyền-thống tư-sản trí-thức của con người, Hà không thể nào đảm-bảo trung-thành, nên thuyết-chuyển Hà vào Quảng-ngãi dạy học, lấy cố Hà không đủ điều-kiện sức khỏe để đương đầu với các chiến-dịch sắp mở gần đây.

Nghề giáo là môn sở-trường nên Hà cũng sớm say-sưa với nhiệm-vụ mới. Nghĩ rằng mọi ngành đều nhằm mục-đích phục-vụ « kháng-chiến » đánh Tây giành lấy lẽ sống-còn cho cả dân-tộc, nên Hà cố-gắng rất nhiều. Môn gì chàng cũng lồng gieo vào đầu óc non trẻ của thanh-niên tinh-thần yêu nước thương nòi. Chàng dạy môn giảng-văn Việt-Ngữ, Sử-địa, nên lắm dịp được trình-bày những tác-phẩm đầy giọng ái-quốc của các nhà cách-mạng tiền-bối, các vị anh-hùng dân-tộc, suốt từ hơn nghìn

năm lịch-sử. Giọng bình-văn của Hà sang-sảng, lúc khí-khái oai-hùng, lúc trầm buồn thõng-thiết, theo từ bài hịch tướng-sĩ của Hưng-Đạo Đại-Vương đến các thi-phú chấn-chương cho thế-sự của Nguyễn-Trãi, Phạm-Thái, Nguyễn-công-Trứ ...

Thu, cô nữ-sinh lớp đệ-tứ, rất khá về môn Việt-văn, chăm-chỉ không lúc nào vắng mặt trong các giờ của chàng. Thu phục tài bình-giang hấp-dẫn, dễ hiểu, nhưng rất súc-tích của Hà. Nhất là giọng ngâm-thơ bình-giang ấy còn gợi-gẫm cả tâm-chân-tình mến-thương dân-tộc, thiết-tha với non sông đất nước khiến Thu xúc-cảm nhiều. Mỗi lần nhìn xuống chiếc bàn đầu lớp, cũng như lúc nào, Hà đều bắt gặp đôi mắt đen nhánh của Thu nhìn mình. Mái tóc tơ đũa-dàng óng-ả, bờ xõa trẻ-trẻ trên đôi vai tròn-trĩnh, lấp-lánh



như có hào-quang, bởi ánh nắng buổi mai đã len qua khe cửa chưa đóng kín, càng tôn thêm vẻ đẹp thùy-mị của nàng. Đôi lúc Thu đưa mắt nhìn Hà nhoèn cười khiến Hà xao-xuyến ...

Hôm ấy vào chiều chủ-nhật.

Thu đến thăm Hà tại nhà trọ. Nhà vắng, Thu đang nhớ-nhắc, bỗng có tiếng vọng từ cầu ao sau vườn làm nàng giật mình :

— Thu đấy à ? Ra đây. Tôi đỡ tay một chút.

Hà đặt cần câu xuống bờ ao, xách chiếc giỏ cầm gấu bờ, giờ ngang tầm mắt. Nước từ trong giỏ tơi xuống mặt ao kêu

như trận mưa hè.

— Thu xem đây ! Mới có một chốc đã được những năm con rô to thế này.

Thu nhìn Hà tươi cười ranh-mảnh :

— Thầy tôi thế mà cũng giỏi sát ngư dầy chứ !

Hà thật-thà cải-chánh :

— Không phải tại tôi giỏi sát ngư đâu, mà tại ao lắm cá !

Thu bỏ đôi guốc mộc trên bãi cỏ, nâng gọn-gàng vớt vạt sau của chiếc áo lụa màu hoàng-yến sang một bên, ngồi thụp

xuống tựa lưng vào gốc nhãn xem Hà câu cá. Từ chuyện nhà trường đến chuyện bang-quoc, có đâu không xuôi thế, mà họ nói với nhau không biết chán. Càng về chiều câu chuyện càng trở nên đậm-dà, thắm-thiết. Hà cảm thấy lòng mình tràn ngập

yêu-đương. Trái với tánh rụt-rè mọi khi, chàng bạo-dạn hẳn lên. Hà cầm vội bàn tay trắng nuốt của Thu để vào lòng tay mình, nhìn thẳng vào đôi mắt Thu âu-yếm :

— Em Thu !

Thu lặng thinh không đáp. Nàng cảm-dộng và sẽ ngã đầu vào vai chàng nhìn ra phía ao. Trời trong xanh có pha chút nắng vàng soi tận đáy nước. Vài con chuồn-chuồn dò-thăm, thi nhau đập trên mặt hồ, vẽ nên nhiều chiếc bùa hình-thù quái-gở. Tiếng búng nước đánh tùm của con cá to nào khiến mặt ao rùng-mình gợn sóng loang-tròn ra xa. Một con chích-chòe từ đâu bay về, vụt đậu trên cành

nhân ngã là ra phía cầu-ao. Nó rướn cò, xòe chiếc đuôi rẽ-quạt nhịp-nhàng, cổ lấy giọng trong-trẻo ca bài ca thánh-thót để chấm-dứt một ngày tươi đẹp.

Thu như sực tỉnh. Nàng khẽ gõ tay Hà thông-thả đứng dậy, rũ những mầu lá cỏ xanh bám trên vạt áo. Nàng âu-yếm khẽ bảo Hà :

— Anh cho khi khác nhé ! Em xin về kể tối.

Hà lững-thững đưa Thu ra đến cổng. Nàng kẹp chiếc nón lá vào nách, lướt nhanh lên mấy bước, quay lưng Hà, nhoèn cười rồi đi thẳng...

Từ ngày nhận thấy họ phản-bội dân-tộc, mượn chiêu-bài kháng-chiến đẹp-đẽ làm lợi-khí bảo-tồn Đảng, đưa dẫn đồng-bào đến chỗ tang-tóc đau-thương, Hà bắt đầu chán-ngán. Con đường độc-lập, con đường cách-mạng giải-phóng dân-tộc, xa dần theo kháng-chiến, chỉ còn là viễn-ảnh mơ-hồ. Hà băng-khuâng, cố tìm lấy một lối thoát mong cứu-vớt non sông. Trong mối sầu thể-sự, bàn tay dụu-hiền của Thu đã an-ủi đem lại nguồn vui sống cho Hà nhiều. Hà không còn thấy nỗi buồn cô-đơn, viễn-xứ đến quấy-rầy mình nữa. Chính những bức thư tâm-tình trao-đổi thường xuyên ấy cũng đã giúp chàng ít nhiều nghị-lực để phấn-dấu.

Vốn thẳng-thắn, Hà không muốn mối tình đầu chân-thật thiêng-liêng nằm mãi trong vòng thăm-vụng. Hà nhờ Thanh, ông bạn đồng-nghiệp nhiều tuổi nhưt, đến xin hỏi Thu. Bà giáo Mẫn, mẹ Thu, vốn người tồn-cò, cứ dẫn sách thánh-hiền ra luận nghĩa mãi, Bà nhắc đi nhắc lại câu « quân, sự, phụ » và lắc đầu :

— Tôi không chê thầy Hà diêm gì, nhưng nhưt tự vì sự bán tự vì sự, phạm chữ lễ của thánh hiền thì không được. Thầy nghĩ tôi nói có phải hay không ?

Nghe ông Thanh về thuật lại, Hà phải một phen toát mồ-hôi trán. Chàng cứ thẩn-thờ, vờ-vờn như người mất hồn, trông đến thương hại ! May nhờ có ông giáo Mẫn lại dễ-dãi, vốn sẵn nhiều cảm-tình với Hà, nội công mãi, bà mới chịu cho. Thế là mối tình giữa Thu-Hà được hợp-pháp-hóa không phải ít công-phu. Hà từ đấy được phép lui tới nhà thăm Thu luôn. Tuy khó tính thể, xong tiếp-xúc với Hà đôi lần, Bà giáo Mẫn cũng phải cảm-tình ngay. Bà giáo thương Hà như con đẻ. Đôi lúc Hà ốm xoàng, bà thân-hành đến săn-sóc thuốc men. Bà thường bảo ông giáo :

— Tội nghiệp thằng Hà, nó có một thân một mình ở đây, rề cũng như con, thầy nó ạ !

Hà thấy đời mình không còn lạnh-lùng, ấm cúng từ đây. Lắm lúc nhớ đến cử-chỉ ân-cần của bà giáo, nhớ đến mối tình dằm-thắm, đẹp như hoa buổi sáng Thu đã dành cho mình, Hà cảm-động, sung-sướng đến chảy nước mắt.

Rồi, một buổi chiều ...

Một buổi chiều, Hà mãi say - sưa bình-giảng đến đoạn văn chàng thích nhưt, bỗng thấy công-an đến bao vây lớp học. Hà ném mạnh mẩu phấn viết dở vào xó lớp, đoạn thông-thả về bàn giấy mình. Một viên công-an y-phục ka-ki lũng-lẳng chiếc súng « colt » 12 ly bên hông, bước vào lớp. Hấn trịnh-trọng bảo học-sinh :

— Các em bình-tĩnh ! Chúng tôi có việc

phải vào đây. Đoạn, hắn xây lên phía Hà, giần từng tiếng :

— Xin lỗi ông, ông có phải là ông Hà không ? Hà chậm-rãi đáp :

— Vâng, chính tôi là Hà đây.

— Tôi được lệnh mời ông về sở công-an Liên-khu 5, có việc cần. Nói xong, hắn rút từ trong chiếc bị-dết « chiến-lợi-phẩm » ra một mẫu giấy đánh máy sẵn, chĩa đề trên bàn. Hà cầm mảnh giấy liếc nhanh rồi trả lại hắn :

— Tôi xin đi theo các ông.

Viên công-an nhìn ra phía cửa hắt hăm. Một đội-viên hăng - hái bước vào. Gã rút từ trong túi quần « xi-ta » một chiếc còng sắt « nội-hóa », khóa tay Hà lại rồi dẫn đi cùng với một số giáo-sư trong trường. Thu sừng-sốt, theo từng cử-chỉ của bọn họ. Ra đến sân, Hà ngoảnh cổ nhìn đám học-sinh đang ngo-ngác, ngả đầu :

— Xin chào các em nhé !

Thu nhìn Hà đau-đớn, gục đầu xuống bàn, nức-nở...

Từ ngày Hà bị bắt, cán-bộ địa-phương luôn đến an-ủi Thu và « thông-cảm » ông bà giáo Mẫn. Theo họ, Hà là tên lợi-hại trong tổ-chức « gián-điệp » Bình-định. Bắt Hà tức là đã tránh được một hậu-họa lớn cho nhân-dân Quảng-ngãi. Họ lại quả-quyết rằng chính Hà đã họa bản-đồ, chỉ đường cho máy bay địch bắn phá cơ-quan, giết-hại đồng-bào lâu nay không phải là ít. Hơn nữa, gia-đình ông giáo cũng bị nghi dính-líu trong tổ-chức này, may nhờ họ « thông-cảm » mãi, cấp trên mới chịu tin cho. Ông bà giáo Mẫn không thể nào tin thế. Bị khùng-bố tinh-thần ráo-riết, ông giáo phải gật-gù :

— Vậy à ? Thật tình chúng tôi chẳng biết cái gì cả. Chính-phủ ta thật « sáng-suốt » !

— Không sáng-suốt làm sao mà làm ông chính-phủ ! Với lại ông bà làm thế nào mà biết được ? Chúng hoạt-động bí-mật lắm mà ! Đã biết, ai đi nhận lời gả cháu Thu cho nó ! Phải không ông bà ?

Một tháng sau, viên phó chủ-tịch xã đến mời lái Thu cho « đồng-chí » đại-đội trưởng, thành phần « cơ-bản ». Họ khéo « bố-trí » chỉ em cứu-quốc đến ri-rả với Thu luôn, Thu lặng thinh không buồn đáp. Ông bà giáo lấy cố Thu hãy còn dại, bận học-hành nên chưa tính đến chuyện « xây-dựng » vội.

Lão phó chủ-tịch ngược nhìn mấy ồ nhèn-nhện giăng bữa-bãi trên rui nhà, vừa lấy tay nhẹ vút chòm râu ngắn co quắp dưới cằm vừa bàng-quơ :

— Theo ý-kiến cá-nhân tôi, không dám nào hơn đám này. Đồng-chí ấy là chiến-sĩ có công với « Tộc-quốc ». Với lại đồng-chí không cha không mẹ, cháu Thu khỏi phải làm dâu ai. Cưới gởi rề, thỉnh - thoảng đồng-chí đi đi về về thêm vui cửa vui nhà ; nhưng việc này tùy ông bà định-đoạt lấy.

Phần thì sợ, phần bị họ quấy-rầy bao vây mãi, bà giáo buộc lòng phải bàn với chồng nên dỗ Thu nhận lời để mua đường sống. Vốn thương mẹ, có hiếu với thầy, chẳng biết nói năng làm sao. Nàng chỉ còn biết khóc. Nàng khóc ròng-rã mấy đêm liền. Cặp mắt sưng húp, mờ hẳn đi, còn đâu vẻ đẹp long-lanh tươi sáng ấy ! Mới có mấy ngày trời, Thu đã xanh như tàu lá, má tóp hóp, người gầy-dét đi, tưởng như nàng vừa qua một cơn bệnh nặng. Rồi một đêm, nàng sực-sửi suốt sáng, viết cho chàng một lá thư cuối cùng thật dài, bên ánh sáng

yếu ớt lung-linh của đĩa đèn dầu lạc, dưới ký hai chữ Thu-Hà.

23 tháng chạp năm ấy là ngày cưới nàng. Tin từ ngoài bay vào lao Phú-nhiêu, anh em thì-thăm bàn-tán. Hà bình-tĩnh, cười nói luôn mồm, ý chừng còn vui vẻ hơn mọi hôm. Hà huyết sáo miệng, đi bách-bộ trong vườn trại. Chàng lấy chân khê đá vào mấy chiếc lá gáo khô cuộn tròn, giúp cho chúng cuộn theo chiều gió. Thỉnh - thoảng, Hà cao-hừng cất giọng ngâm nho nhỏ vài bài thơ vừa sáng-tác. Có lẽ thời-gian học-tập cải-tạo tư-tưởng đã làm tâm-hồn chàng sát đá đi chẳng ? Học-thuyết Mác xít, duy-vật đã đánh ngã con người văn nghệ-sĩ mộng-mị, sống về tình - cảm ấy rồi sao ? Dứt-khoát ! Chắc Hà đã dứt - khoát mỗi tình « vụn-vật » ấy lâu rồi !

Đêm hôm đó Hà rất tỉnh ngủ. Chàng luôn tay phi-phạch chiếc quạt mo, cố đàn áp lũ muỗi « ngoan-cổ » vo-vo, chực lẩn-xả vào mình « du-kích », trong khi anh em đồng trại đã ngáy đều.

Non hai năm cải-tạo, Hà được tha cùng một số ít anh em trong phiên tòa đặc-biệt mở ở Kiến-Hàn, sau khi nghe công-tổ ủy-viên Huỳnh-Lãm thuyết như tát nước vào mặt, như rót mật đắng vào tai ! Hà về sống trong căn nhà lụp-xụp mà chàng hiện đang nằm đây, dưới bóng rợp của tàn dừa Phụ-đức. Hình-ảnh cô Thu ngày nào như xa lạ hẳn, không còn chút liên-hệ với đời chàng. Chẳng ai còn nghe Hà nhắc đến tên Thu nữa. Vài anh em tò-mò vặn hỏi, Hà bình-thản trả lời :

— Thu ấy chỉ có một mùa thu ! Rồi chàng nói lảng sang chuyện khác.

Thường ngày, ngoài hai bữa rau dưa, Hà dành tất cả thì giờ vào việc tự học và làm thơ. Thỉnh-thoảng có đợt công-tác,

gọi đến, chàng lảng-lặng khoác áo ra đi. Hà ít hay giao-thiệp với ai, ngoại trừ vài ba bạn cũ và Minh, người bạn chí-thiết đồng cảnh-ngộ ở cạnh nhà chàng. Có lẽ vết thương-lòng chưa được hàn gắn, nỗi khổ-tâm chưa được cởi-mở, còn mang nặng trong tâm-tư buồn-nản, uất-ức ấy mà hôm nay Hà lâm bệnh chẳng ?



Hà trở mình. Chàng khẽ rên mấy tiếng rồi mê-man. Mồ-hôi vã ra như tắm. Thân đến bên giường, lay nhẹ :

— Chú Hà, chú mệt lắm phải không ?

Hà gật đầu, không đáp. Bệnh chàng hôm nay trở nặng quá ! Thỉnh - thoảng chàng ốm bụng, nhả-nhổ. Bác-sỹ đã chích cho chàng mấy mũi hồi-dương và thuốc bổ, vẫn không thấy khoẻ. Mãi chiều tối, Hà mới tỉnh-tỉnh. Chàng vẫy Thân đến bên giường :

— Anh làm ơn... gọi Minh cho tôi.

Minh hốt-hải chạy sang, ngồi xuống chiếc ghế đầu bên giường. Hà đưa tay yếu ớt nắm lấy tay Minh, hồn-hèn :

— Minh ! Hà chết mất... Minh ạ ! Hà biết... số Hà đến đây... là hết. Người yếu... lắm rồi ! Hà bây giờ... chẳng có ai... ngoại trừ Minh... là bạn chí-thiết.

Nói đến đây, Hà không dấu nổi xúc-dộng, để lăn vài giọt nước mắt xuống gối. Minh rơm-rớm nước mắt, nắm tay Hà an ủi :

— Hà nên bình-tĩnh cho khoẻ. Minh nghe đây. Hà muốn gì cứ nói với Minh. Hà phều-phào :

— Hy-vọng về... với mẹ... thế là... tan tành !

Mắt Hà lại dần-dựa. Hà mấp-máy, tiếng yếu dần. Minh phải cúi xuống, nghiêng tai mới nghe rõ :

— Ngày nào hòa-bình... Minh nhớ nói... với mẹ Hà... thế nào cũng... đem hài cốt Hà về... Đà-nẵng nhé !

Một phút im lặng. Hà lim-dim mơ-màng tưởng như cổ hình-dung lần cuối-cùng con sông Hàn trong xanh lẫm sóng, rặng phi-lao dọc bãi Mỹ-Khé vi-vút dưới nắng hè, đứng nghe khúc nhạc muôn đời của biển-cả. Hà tựa mình. Chàng từ-từ đưa tay lên, khó nhọc lần vào chiếc áo trong, phía bên ngực trái, rút ra một mảnh giấy xếp nhỏ nhàu nát, hình như Hà đã cất lâu lắm rồi, trao cho Minh :

— Có lá thư... Minh tìm Thu... trao hộ cho Hà.

Bỗng Hà mở to mắt dần về phía cửa liếp, hai tay khô cứng chới-với như

muốn chồm tới trước, mồm ấp-úng nhưng nghe rất rõ :

— Em Thu ! Thu về... với anh... đấy à ?

Hà kiệt-sức, dề rơi hai tay xuống chông. Chàng lịm dần... Minh ngạc-nhiên ngoảnh lại : Thân, người anh họ đã tận-tụy với Hà suốt tháng nay, đang tựa vào khung cửa, ôm mặt thút-thít...



Bên ngoài, trời tối đông đặc, mưa bắt đầu rả-rích, lớp-đớp xuống các tàu dứa cứng. Tiếng sóng Bàu-trọng vọng về, ì-ầm, đều đặn, nghe rõ mồn-một. Minh khe thở dài, lẫm-bẫm :

— Bây giờ Hà mới thật là dứt-khoát, đỡ khỏi vẩn-vương ! ! .

Saigon tháng 5-57.

MINH - ĐỨC

XIN CHÚ Ý

Các bệnh-nhân cũng như người khoẻ mạnh, người trong nước cũng như người ngoại-quốc đều nên xem cuốn « **Trình bày vấn-đề ĐÔNG-Y trên lãnh-thổ Việt-Nam của hội y-dược V.N.** Tất cả các vấn-đề **ĐÔNG-Y** đều được giải rõ - ràng.

Có tặng không sách này tại 361/1 Phan-dình-Phụng nối dài (Richaud cũ), trụ-sở của **Y-DƯỢC VIỆT-NAM.**

* Quý người hơn của.

Tàu ngựa của Khổng-Tử bị cháy. — Ở triều về, ngài hỏi rằng :
— Có ai bị hại không ?

Ngài chỉ hỏi thăm người, chứ không hỏi thăm ngựa.

CÔNG-TY BẢO HIỂM PHÁP-Á

Bảo-hiêm mọi ngành

Vốn : 105.000.000 Phậ-lăng

ASSURANCE FRANCO ASIATIQUE

Assurances toutes branches - Capital : 105.000.000

TỔNG BẢO-HIỂM CÔNG-TY

TỔNG BẢO-HIỂM CÔNG-TY

Bảo-hiêm hòa-hoạn

Tai hại gây bởi chất nổ

Vốn : 1000 triệu phậ lăng

Compagnie d'Assurances Générales
contre l'Incendie

et les Exploisions

Capital : 1 Milliard de francs

Bảo-hiêm tai nạn

Gian-phi — Hàng-hải — Rút-ro

Vốn 1000 triệu phậ lăng

Compagnie d'Assurances Générales
Accidents

Vol — Maritime — Risques divers

Capital : 1 Milliard de francs

NHỮNG CÔNG-TY BẢO-HIỂM LỚN NHẤT VÀ ĐÃ HOẠT-ĐỘNG
LÂU NHẤT CỦA PHÁP

Les plus anciennes et les plus importantes des sociétés françaises d'assurances
CHI-NHÀNH SAIGON : 26, Tôn - thất-Đạm (tên cũ Chaigneau) 26
Succursale

Giấy số : 21.253 — 23.913
Tél.



Dùng Hộp Quẹt BLUE BIRD
phụng-sự nên kinh-tê Quốc-Gia

Sté Indochinoise Forestiere
et des Allumettes

(SIFA)

346, Bến Vân-Đồn

Đ. Thoại 21.950

Đ. Tin Forestière

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

HÀNG CHÍNH :

ĐÀI-BẮC — TRUNG - QUỐC

Đại-diện tại Việt-Nam :

11, Nguyễn-Công-Trứ (Lefèbvre cũ) — Saigon

Đ. T. 21.549 — Saigon : 55

58, Đại-Lộ Khổng-Tử (Gaudot cũ) — Cholon

Điện-Thoại : 904

ĐIÊN-BÁO : COMMUBANK



Đảm-nhiệm tất cả nghiệp-vụ về

Ngân-Hàng và giao-dịch.

Có đại-lý thiết-lập trên các thành-thị

lớn khắp thế-giới.

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÚY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

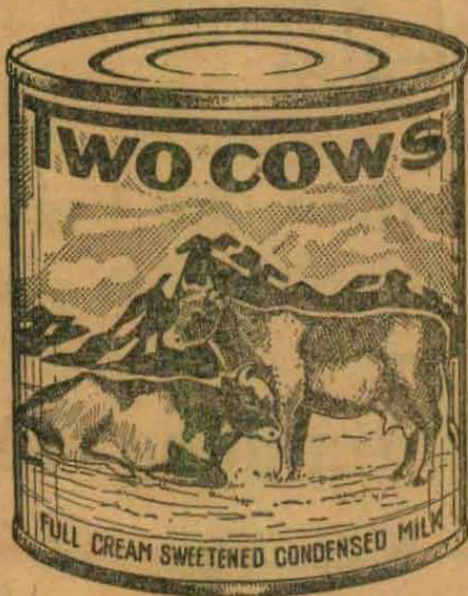
— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngành : PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO

HONGKONG — TANANARIVE

SỮA « HAI CON BÒ »



Được

Viện PASTEUR

SAIGON

chứng nhận là một
thứ sữa có đủ chất
bò cho trẻ em dùng

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE
PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(Hội nặc-danh với số vốn 400.000.000 quan)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện-thoại : 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín: Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hèm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG - VIỆC NGÂN - HÀNG



**Đại - diện các Ngân - Hàng
trên thế-giới**



*Ngân-Hàng thừa-nhận do Viện
Hội - Đoái Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

NHẬT GIA

TỪ-VU

Bản dịch của VI-HUYỀN-ĐẮC

TÓM TẮT NHỮNG KỶ TRƯỚC : Đại gia-đình họ Lâm ở Hàng-Châu chung sống với nhau nhưng tư-tưởng bất-đồng. Trung-Nhật chiến-tranh, họ phải tản-cư xuống Thượng-Hải, nhưng không đời nếp sống xưa là bài-bạc xa-xì. Duy có ông Hai, tức Lâm-tiên-sinh, rất lo-lắng cho tương-lai vì lương ông không đủ cho gia-đình chi-tiêu lãng-phí, mà tiền mang theo đã gần cạn.

Vì cụ Ông hiền lăm ông Hai trong việc xử-dụng số tiền còn lại, hai vợ chồng ông buồn xin ra ở riêng với các con. Từ đây, chú Ba, em ông, tha hồ đi chơi-bời và dẫn cụ Ông đi cờ-bạc. Số tiền lòn-khoản gần cạn hết. May sao bà Hai đã kiếm cho chú Ba được một chân giữ sổ-sách ở một ngân-hàng nhỏ, nhưng rồi chú biến-thù 2 vạn đồng và đào-tẩu. Ông Hai lại phải chạy thu xếp để bồi-thường.

Còn Bà Hai, đã mở được một trường tư-thục tiểu-học và nhờ khéo tổ-chức nên khá phát-tài.

CÁI cái tiêu gia-đình của Lâm-tiên-sinh đã dọn tới ở Việt-Hoa học-hiệu. Khi ông đến nói cho Cụ ông rõ, Cụ ông lấy làm ngạc-nhiên. Cụ hỏi :

— Sao lại dọn một cách đột-ngột như vậy, hả con ?

Ông Hai đáp :

— Thưa ba, vì tiền đèn, tiền nước đắt quá, hạn thuê nhà đã mãn, giá tiền thuê họ lại đòi tăng,

nên chúng con bắt-buộc phải dọn lại ở ngay đằng trường-học cho đỡ tốn, và để cho nhà con tiện bề làm việc, khỏi phải ngày bốn buổi đi về, và các cháu đi học cũng tiện hơn nhiều, chúng sẽ chỉ ở trên lầu xuống các lớp học thôi.

Ông không quên điểm thêm vào lời ông vừa nói, một cái thờ dài, như người vừa trút đi được một gánh nặng ở trên vai xuống vậy.

Gần đây, đảng nhà túng quá. Tiền nhật-dụng đã thành một vấn-đề cho Cụ, nên Cụ muốn hỏi ông Hai lấy một món tiền để tiêu, nhưng tội-nghiệp cho Cụ, khi Cụ nghe thấy ông Hai than-phiền như vậy, thật không khác gì người ta đã giội một gáo nước lạnh lên lưng Cụ; Cụ lặng thinh, không dám thốt ra một lời nào nữa!

Ông Hai cũng ngồi yên, không nói gì. Một lúc khá lâu, Cụ ông đứng lên, ngồi xuống, hai ba lần. Sau cùng, Cụ thở dài, rồi Cụ bảo:

— Quả tình, hiện thời, ba cũng chẳng còn biết lính sao cho ổn nữa! Ý ba, ba muốn đến bàn với con một hai điều về việc nhà; việc nhà như cò đến nước bí, ba không còn biết làm thế nào!

— Thưa ba, theo ý con, chỉ có một cách, là lính-giảm sự ăn-liều... Và, phải đem cái khách-đường cho thuê lại cho người ta...

— Cho đâu có đem khách-đường mà cho thuê đi, cũng không sao đủ tiền chi-dụng được, con ạ.

— Nhưng, đảng nào cũng còn hơn là không cho thuê, thêm được đồng nào, hay đồng này chứ...

— Đành vậy, nhưng con không rõ chút tiền tiêu - dùng hàng ngày, cũng thiếu thốn kia, con ạ.

— Thưa ba, thôi thì được ngày nào, hay ngày ấy... không những nhà mình mà thôi đâu, cả bàn dân thiên-hạ, đều ở trong tình-cảnh sống từng ngày một... Bây giờ đành phải đem số tiền dành-dụm ra mà tiêu đỡ vậy.

— Tiền dành-dụm? Tiền dành-dụm nào? Làm gì còn có lấy một đồng, một chữ, nào đâu!

— Chết chửa! Ba nói sao, kia!

— Hết nhân rồi, con ơi!

— Hết nhân rồi!

— Phải, nhân như chùi rồi... Còn cái ngôi nhà ở Hàng-Châu thì cũng đã đoan-mạt cho cho người ta rồi, con quên rồi sao?

Nghe cha nói tới đó, Lâm-tiên-sinh mới ngẩng ngửa người ra! Ấy thế mà ông cứ đình-ninh, để thưa với Cụ, còn ít nhiều dấn-vốn thì Cụ đưa cho ông, để ông tìm cách đặt lãi để kiếm thêm vào, giúp cho gia-đình. Bớt cùng quá, nên Cụ ông mới phải bộc-lộ chân-tình để cầu-cứu con, một điều mà chính ông, ông cũng vô-cùng áy-náy. Ông rất hối là để cho cho già phải « thị-nhược » với con-cái như vậy!

Ông Hai thấy động-tâm và cảm lòng không đậu, trước cái cảnh nguy-nan của gia-đình. Ở chung hay ở riêng, hay sao thì sao, ông không thể để như vậy được. Dẫu em ông hư, dại, song-thần ông không biết lo xa, nhưng ông không thể quên được cái câu « trẻ cậy cha già cậy con » của cái xã-hội Á-đông này. Ông phải lập tức tìm phương để cứu-vãn gia-đình. Ông lấy giấy bút ra, biên nhiều tờ yết-thị cho thuê cái khách-đường ở tầng dưới, rồi ông giao cho Cụ và ông căn-dẫn Cụ, bắt cậu Tư đem đi các nơi mà dán.

Sau đó ông ra về, rồi ông thương-lợng với bà Hai. Bà vẫn còn oán-tham nên bà cứ môt đi kêu rằng:

— Hai vợ chồng đã ra ở riêng rồi, thì

việc gì mà cứ đề tâm đến gia-đình làm gì ? Mới lại, ai bảo các Cụ cứ đi nghe cái thằng chú Ba, không tin vợ chồng mình, đề cho đến nỗi mình phải xin ra ở riêng.

Ông cứ đề cho bà nói cho "nư" cái nốt oán - hận mà bấy nay nó vẫn nằm nguyên trong lòng bà rồi ông mới sẽ-sàng bảo bà :

— Anh cũng hiểu, đó là một điều tệ mà gia-đình đã đối với mình, nhưng không thể vì thế mà bỏ gia-đình được... Biết đâu, chính mình, mình cũng có điều sơ - suất đối với gia-đình... Và lại, hai chữ gia-đình đây không chỉ tất cả nhà đâu... Anh em, chị em, thì kiến giả nhất phận, đã đành ; nhưng, đối với cha mẹ, thứ nhất cha mẹ đã già-nua, tuổi-tác, phận làm con, mình bắt-buộc phải phụng-dưỡng ; cho dầu ở đâu đi nữa, đó là một phận-sự, một trách-nhiệm thiêng-liêng ; luân-lý khiến-trách kẻ bất-hiểu, đã đành, chính ngay pháp-luật cũng không dung-tha kẻ bội-bạc bỏ liêu cha mẹ !

Bà ngắt lời ông :

— Nào có phải mình bỏ cha mẹ đâu ; đây là cha mẹ không tin mình, bỏ mình đấy chứ, cha mẹ chỉ tin-yêu những thằng chú Ba, chú Tư, nếu cần, đề chúng nó phụng-dưỡng...

Ông đáp :

— Mợ vẫn cứ ôm chặt lấy phận-mấy điều bất-bình nhỏ đó, đề trốn-chạy sự... Không, không, không, mình là người huynh-trưởng, mình phải biết tha-thứ, biết bao-dung mới được... Ở thế bây giờ anh hỏi em nhá, ngộ bây giờ, ba đẻ của em ở dằng nhà, vì một lẽ gì, bị khánh-kiệt, liệu vợ chồng mình có đành-tâm mà làm hình không... Minh no đủ mà đề cho cha

mẹ thiếu-thốn, làm sao cho đành... Không em ạ, cho dầu sao đi nữa, đối với tứ-thân phụ-mẫu, vợ chồng mình đều có trách-nhiệm, chia ngọt, sẻ bùi... Anh biết, em giận thì em nói thế thôi... Anh biết lòng em...

Bà Hai cái đầu, ngồi yên, bà đương suy-nghĩ. Ông Hai cũng suy-nghĩ. Sau, ông nói :

— Bây giờ phải tìm lấy một biện-pháp căn-bản mới xong.

Bà nói :

— Theo ý em, các Cụ phải chịu cực một chút, mà thu lại, chỉ ở trên tầng lầu thứ ba thôi, còn hai tầng dưới đem cho thuê lại cả đi...

Ông không nói gì ; nghĩ một lát, ông mới bảo :

— Em ạ, nhất-dịnh chị Cả phải kiếm lấy một công ăn việc làm gì đó, rồi chị ấy ra ở riêng với hai đứa nhỏ ; như vậy, cả ba, má và thằng chú Tư ở cái tầng lầu thứ ba mới vừa đủ.

Bà Hai nói :

— Biết tìm việc gì cho chị ấy bây giờ ?... Minh chỉ biết ba má thôi, còn chị ấy thì chị ấy phải tự lo-liệu lấy chứ...

Ông đáp :

— Không đâu, mợ ơi, nếu mình không giúp chị ấy, cũng không xong ; không những, không đời nào, ba má lại bỏ chị ấy, lại còn thế-diện của chúng mình nữa chứ, mợ cứ nghĩ kỹ mà xem, có phải vậy không ?

Ông nhìn bà, bà không đáp, ông lại nói tiếp :

— Thế này, mợ ơi, thế này là đờn này, mợ cho chị ấy một công việc gì đó, ở nhà trường ; có người tức có việc ; nhất là mợ mở ký-túc-xá, làm gì chẳng có việc cho chị ấy trông nom... Hai thằng nhỏ sẽ theo học ở các lớp ; như vậy, chị ấy sẽ rảnh tay mà làm việc... mợ xem có tiện không ?

Cái phương-sách của ông đã làm cho bà đê-tính. Phải rồi, thêm cái lũ lưu-học-sinh, hai bà hiệu-trưởng bận, mở mắt không ra, bận cho đến nỗi hàng tháng, không được đi coi chớp bóng. Chính cô Kim-Đại cũng than phiền và nhiều lần bàn-định, phải lấy thêm người giúp việc kia mà. Không những cần một người, để trông-coi học trò lưu-trú, mà lại còn phải có người đốc-xuất cái lũ dung-nhân; nào quét-tước, nào chợ-búa, nào nấu-nướng, biết bao nhiêu là những việc tạm-nhập. Sở-dĩ bà Hai còn do-dự chưa muốn người, là vì đồng lương đắt-đỏ, lại người lạ, khó tin; bây giờ dùng ngay nhà chị Cả, ờn biết chừng nào? Miễn là ba mẹ con chị ấy có cơm ăn, rồi, mỗi tháng cho thêm ít nhiều, bao nhiêu cũng được; lại khả-dĩ tin-cần được, lại giải-quyết được cái việc khó-khẩn cho gia-đình nhà chồng. Bà thấy đẹp-ý nên bà cười rồi bà nói:

— Được đấy, cậu ạ! Đê em đi nói chuyện ngay với cô Kim-Đại nhá.

Tuy bà nói tránh đi như vậy, nhưng kỳ thực, bà muốn suy-nghĩ kỹ-càng lại xem sao, chứ các việc đều do bà định-đoạt, bà muốn sao, cô Kim-Đại cũng đều nghe theo cả.

Hôm sau, các việc đã được quyết-định vì bà Hai đã ưng-chuẩn, nên ông Hai liền đi về đàng nhà thừa với Cụ ông. Cụ cũng chẳng có chi phản-đối.

Thì còn gì bằng nữa, Bà Cả có công-việc làm ăn, Tiều-Bành, Đại-Bành có chỗ học, lẽ đương-nhiên, Cụ tán-thành; duy có cái việc cho thuê hai tầng dưới và cả nhà ở rút lại trên tầng lầu thứ ba, Cụ có ý hơi trù-trừ. Ông Hai phải nói:

— Thì, thừa ba, không còn một cách nào khác nữa. Hiện tại nhà không còn tiền, nếu có cho thuê, mới có tiền nhật-dụng. Thôi thì hãy tạm như vậy, để đợi cho tháng chạp Tu nó tốt-nghiệp; hễ nó tốt-nghiệp ra, nó có việc làm, lúc ấy sẽ liệu.

Cụ nói:

— Ba thì ba hiểu lắm, nhưng còn má con; ấy, hôm qua, ba nói đầu đuôi cho má con rõ, nhất-định phải đem cái khách-đường cho thuê lại, mà còn cứ thờ ngẩn, than dài, suốt cả một nửa ngày ngày hôm qua.

Ông Hai vội-vàng đi lên trên tầng lầu ba, tìm Cụ Bà. Cụ trông thấy ông, Cụ nói ngay:

— Thiệt là vận-bạch, con ơi! Nếu phải đem cái khách-đường đi cho thuê, thì cái nhà này, nó có còn là một cái nhà nữa không, hả con?

— Thừa mẹ, quả tình không còn cách nào khác... Chung quy, chỉ tại cái thằng em chú Ba, nó chẳng ra gì, mà làm cho cả nhà khờ lây!...

— Các con ở riêng ra thế mà lại được rộng-rãi, để chịu hơn đây nhỉ? Cụ có ý nói mát-mẻ nên Cụ bảo thế. Ông Hai đáp:

— Ủi chào, rộng-rãi, để-chịu gì đâu, má. Ở ngay trong trường, suốt ngày eo-óc, nào giờ học, học trò ngồi ờn-ào; hễ giờ học, học trò lưu-trú làm rộn, không có một phút nào yên-lĩnh, má đừng tưởng lầm!... Một lát, bây giờ là thời-kỳ kháng-chiến, cả nước bị lâm-lưu, diên-đào, chứ riêng gì nhà mình... Chúng con đã thu xếp cho chị Cả một việc làm, và lấy chỗ cho hai thằng cháu học, chúng nó cũng được ăn ở trong trường như những học trò khác; như vậy, sự ăn-tiêu ở nhà sẽ giảm đi được nhiều...

Cụ bà ngồi yên-lặng. Cụ cũng hiểu, gia-đình Cụ đã lâm vào cảnh « tiền hết, gạo không » rồi, Cụ thở dài, rồi Cụ nói :

— Thế là Lâm-gia đến ngày đại-kiếp, đại-số, rồi !

— Ôi, thưa má, con đã nói, không riêng gì nhà mình đâu ; còn có biết bao nhiêu nhà cơ-khở bằng vạn nhà mình, má không đi ra ngoài, má không rõ đây thôi... chán vạn gia-đình bữa ăn, bữa nhịn, không còn biết trông cậy vào đâu... Tuy nhà ta hết tiền thực đấy, nhưng cũng chưa đến nỗi nào... chúng con làm ăn cũng còn chân - nắn, thì đương ở thời - kỳ gầy - dựng mà lại ; vì vậy, con phải thương-lượng với ba má đành hã tạm cho thuê bớt hai tồng dưới đi, để thêm cấp vào, lấy tiền mà tiêu-dùng ; con đã suy đi, tính lại mãi, thiệt không còn cách gì khác... Thôi thì, ba, má hã chịu rầu một ít lâu, để đợi cho thằng em Tư nó thi đỗ ra, nó kiếm công ăn, việc làm, để chúng con làm ăn khăm-khá hơn, rồi lại sẽ liệu... Má đừng than-phiên nữa, không những không ích gì, mà chỉ làm cho ba con buồn thêm, má nghe con !

— Thế, đồ-đạc ở khách - đường đem đi đâu ?

— Thưa, có khó gì, thức nào thực cần thì để lại và đem lên trên này, còn thì, con thiết - tưởng, hoặc để lại cho người thuê nhà hoặc bán quách nó đi.

— Chết ! Bán ráo đi, thì rồi đây, lấy gì mà dùng ?

— Thì, thưa má, sau rồi sẽ liệu mà lại, hã biết tới đâu hay đó ; cả dân mình đương ở trong một loạn-thế, đến cả cái đình-cơ mấy chục đời của nhà ta, ở trên quê, còn chẳng giữ được ; bao nhiêu gia - tư của tổ - tông còn bị sang - đoạt hết nhẫn, nữa là mấy cái

đồ-đạc này má tiếc nó làm chi ? , . . Nếu không toan - tính, cứ ngồi ôm lấy những cái đồ-đạc đó, để rồi đi tới đâu ? Rồi cũng đến cung đem nó mà cầm, mà bán, để lấy tiền ăn ; vâng, thế một khi cầm-cổ, bán-chác hết rồi, thì sao kia chứ ? Má nghĩ có phải không ạ ?... Thôi, má cứ để cho ba với con thu - xếp...

— Thiệt là trăm chiều khổ - cực... Cả ba, má, cả thằng em Tư, ở vào một gian, vừa làm chỗ ăn, chỗ ngủ, chỗ tiếp khách, chỗ tụng kinh, chỗ đọc sách, thì rồi nó ra làm sao ? Chung-quy, chỉ tại ba con, chẳng biết lo-xa mà nên cơ sự đường này... Giá ví thử, ngay từ khi bước chân tới cái đất này, mà biết đề-sẽn, đừng có ăn dãi, tiêu rộng, đừng có vung tay quá trán, thì đâu đến nỗi ! Ba con cứ ngày ấy, sang ngày khác, cặp-kè với cái thằng em Ba, vác tiền trăm, bạc ngàn đi lãng-phí, tiêu-xài, cho đã, rồi bây giờ bắt má chịu khổ !

— Thôi, thưa má, việc đã qua, má nói ra làm gì... Chẳng qua là do cái vận-hạn của thiên-hạ ! Mà nào đã hết cho đâu... Bởi vậy, con xin má chỉ nên lo ngay cái việc nhân - tiền này ; nhân-tiền, nhà ta không còn một đồng, một chữ vốn-liếng nào ; của chìm, của nổi, chẳng còn mấy - may cái gì gọi là có !

— Ủ, thôi thì con làm làm sao đây thì làm, nhưng, con ạ, con nên lưu lại thêm một cái phòng xếp cho thằng em Tư, nó cũng phải có chỗ riêng để học, để làm bài làm vở chứ.

Cho dầu có cho thuê cả cái phòng xếp đó, cũng không thêm được là bao, nên ông Hai chiều theo lòng mẹ, để cho lòng mẹ khỏi buồn-phiên quá đỗi, mà giữ cái phòng nhỏ đó lại cho cái thằng chú Tư. (Còn nữa)

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiêu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiêu năm 1853)

SỐ VỐN : 3.500.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.000.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại-lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Phiauv Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*

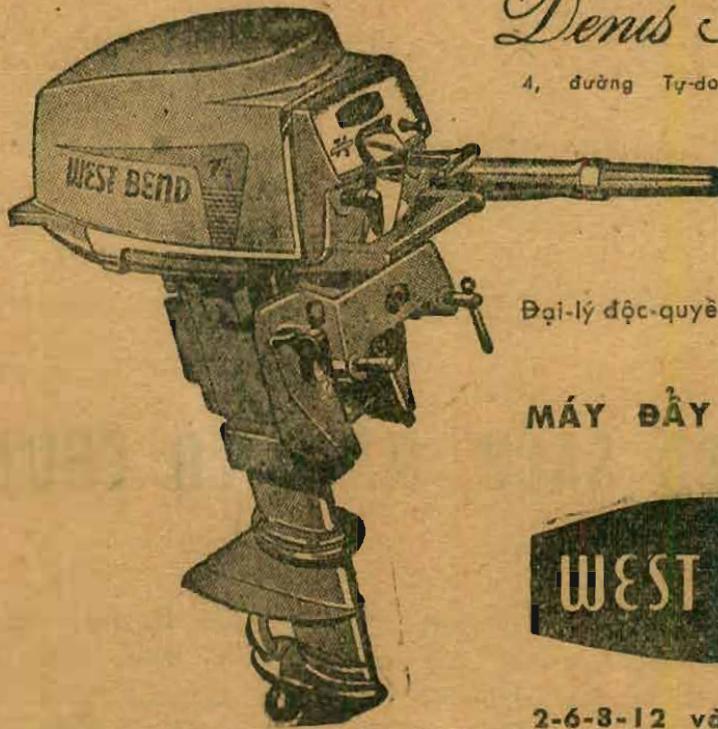


Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

Denis Freres

4, đường Tự-do - SAIGON



Đại-lý độc-quyền tại Việt-Nam

MÁY ĐẨY CA-NỐT

WEST BEND

2-6-8-12 và 30 mã-lực



S.A.V.I.C.O.

Công-ty vô-danh thương-mại V.N.

Xuất-cảng — Nhập-cảng

41, Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-tín : VICOME



ĐẠI-LÝ:

- Vô xe « BRIDGESTONE. »
- Bình điện « G. S. »
- Máy lạnh dùng vào kỹ-nghệ « SURERLY »
- Xe hơi các loại, hiệu « TOYOTA »

Vật-liệu Kim-khí — Vải, sợi — Xe gắn máy, phụ tùng xe hơi

XUẤT-CẢNG : Ngũ-cốc — Cao-su, v.v...

« NÓI CÓ SÁCH, MÁCH CÓ CHỨNG »

Có phải vì công-nghiệp cách-mạng của Jésus mà Ngài được tôn làm Chúa không? Và người ta lấy sinh-nhật của Ngài làm ngày đầu tây - lịch kỷ-nguyên cũng vì lý-do ấy không?

Ô. Nguyễn-văn-Sĩ - Nhatrang.

THEO lý-thuyết công-giáo thì Chúa Giésu sở dĩ gọi là Chúa là vì một lý-do đặc-biệt. Chúa Giésu có hai tính : thần-tính và nhân-tính, mà vẫn chỉ có một ngôi (vị), là ngôi Hai Thiên-Chúa, cho nên gọi Chúa Giésu là Chúa. Công cuộc cách-mạng của Ngài (theo nghĩa thiêng-liêng và siêu-tuyệt là xây-dựng nước Thiên-Chúa ở thế-gian) là một công-cuộc vô cùng vĩ-dại, cho nên cả thế-giới ngày nay, dù muốn dù không, đều kể năm sinh của Ngài là năm khởi đầu một kỷ-nguyên mới.

✱

Đạo Phật truyền-bá sang ta từ bao giờ?

Bà Huyền-Trân - Mỹ-Tho.

VÀO thế-kỷ II, thời nhà Hậu-Hán, đạo Phật đã được truyền-bá sang ta và được sùng-bái trong dân-chúng. Theo nhà sư Thông-Biện thì khi đạo Phật du-nhập vào Trung-Quốc, tại Liên-Lâu Thành, kinh-thành rất xưa của nước ta, người ta đã lập được 20 tịnh-xá, có tới 500 tín-đồ và 15 cuốn kinh dịch. Năm 187 là năm Sĩ-Nhiếp bắt đầu được bồ-nhậm thái-thứ Giao-chi, có nhà sư Khâu-Đà-La người Ấn-độ đến Liên-Lâu Thành. Mấy năm sau, có nhà sư tên là Mậu-Tử.

✱

Tục búi tóc của ta có từ bao giờ?

Bạn Quang-Huy - Saigon.

TRONG Tam-quốc-chí, quyển 51 có chép Tiết-Tôn khi làm quan ở Giao-châu, có dâng sớ về triều nói người Giao-châu búi tóc và đi chân không. Trên những đồ đồng tìm thấy ở Đông-Sơn, thấy có một người búi tóc ở sau gáy có một cái khăn ngang

hai mỗi thắt vào nhau xòa xuống lưng.



3^o/ *Nhi-nữ tình-trường, anh-hùng khí-đoàn là gì ?*

Cô Kim-Thanh - Ba-Tri.

1^o/ *Chủ-nghĩa quốc-gia là gì ?*

2^o/ *Chủ-nghĩa quân-quốc là gì ?*

3^o/ *Thế nào là chế-độ quân-quyền ?*

4^o/ *Sắc-lệnh khác với Dụ thế nào ?*

Cô Thu-Hương - Nam-Vang.

1^o/ **CHỦ-NGHĨA** quốc-gia là chủ-nghĩa lấy quốc-gia làm bản-vị tối-cao, người dân phải hy-sinh hết cả cho nước để chống mọi mưu-mô xâm-lược của bất-kỳ nước nào.

2^o/ **CHỦ-NGHĨA** quân-quốc (Pháp gọi là Militarisme) là chủ-nghĩa dùng quân-đội xử-đoán mọi việc về vận-mệnh và quyền-lợi quốc-gia, đối-nội thì dùng thủ-đoạn đàn-áp, đối-ngoại thì áp-dụng chính-sách xâm-lược.

3^o/ **CHẾ-ĐỘ** quân-quyền là chế-độ chia quyền cho đều giữa Chính-phủ trung-ương và các địa-phương, không thi-hành trung-ương tập-quyền mà cũng không quá thiên về địa-phương phân-quyền.

4^o/ **SẮC-LỆNH** là mệnh-lệnh ban ra có tính-cách cá-nhân : *sắc-lệnh bổ-nhiệm một vị bộ-trưởng*. Dụ là một đạo-luật giải-quyết một vấn-đề toàn-diện, tổng-quát : *Dụ bổ-chức các Tòa-án Việt-Nam*.



1^o/ *Nam-nữ hữu-biệt là gì ?*

2^o/ *Nam-nữ thọ-thọ bất-thân là gì ?*

1^o/ **THEO** luân-lý Đông-Phương xưa, nam-nữ hữu-biệt nghĩa là đàn ông đàn bà phải khác nhau, về phận-sự, về quyền-hành.

2^o/ **THEO** quan-niệm Khổng-giáo, nam-nữ thọ-thọ bất-thân nghĩa là đàn ông đàn bà mỗi khi đưa và nhận vật gì, không được đưa thẳng cho nhau.

3^o/ **NHI-NỮ** tình-trường, anh hùng khí-đoàn có nghĩa là tình quyến-luyến vợ con càng nồng-nàn, tha-thiết bao nhiêu thì khí-phách anh hùng càng suy-nhược, kém-cỏi đi bấy nhiêu.



Hàn-lâm-viện là gì ? Nghĩa xưa và nghĩa mới.

Bạn Trần-văn-X - Saigon.

HÀN-LÂM nghĩa là rừng bút, chỉ nơi hội-họp của những bực văn-nhân, học-giả. Xưa ở Trung-Hoa, viện hàn-lâm lập nên để khởi-thảo những chiếu-sắc hoặc các văn-kiện trong triều ; ở nước ta, quan-hàm có chia ra nhiều thứ bực (thị-độc học-sĩ, thị-giảng học-sĩ, thị-độc, thị-giảng, trước-tác, tu-soạn, biên-tu, điền-tích, điền-bạ, cung-phụng, đài-chiếu). Ngày nay hàn-lâm-viện chỉ Học-viện gồm những nhà bác-học, học-giả, văn-gia, nghệ-sĩ.



Tôi muốn biết rõ về nguyên-tắc thờ

máu của Tây-y thế nào? Nên lấy máu để thử khi nào?

Một bạn kỹ tên không rõ.

MUỐN hiểu rõ nguyên-tắc thử máu, điều cần biết trước là mỗi khi một vật có hại (như vi-trùng, độc-tổ...) lọt vào cơ-thể, cơ-thể liền tiết ra một chất riêng cốt để tiêu-diệt vật ấy. Chẳng hạn đối với vi-trùng dương-mai, có chất

chống với vi-trùng này. Phương-pháp thử máu có mục-dịch chỉ cho ta thấy sự hiện-diện của chất đề kháng-cự ấy. Hiện giờ y-học có nhiều cách thử máu, nhưng chung-qui cũng do nguyên-tắc ấy mà ra.

— Phải lấy máu trong lúc bụng đói hay ít nữa là 4 giờ sau bữa ăn, và ngày trước đó, tốt hơn đừng làm việc khiến cơ-thể quá mệt nhọc.

Xin nói thêm về bệnh dương-mai, y-học mới phát-minh một phương-pháp thử máu mới vào năm 1948. Đó là phương-pháp lấy ngay vi-trùng đề chung với máu người bệnh để coi nó cử-động mạnh - mẽ hay yếu - ớt (test d'immobilisation des tréponèmes de Nelson). Nếu có bệnh thì ít nữa 50 % vi-trùng bị chặn đứng lại, không cử-động được nữa. Nếu không bệnh thì chỉ 20 % hay ít hơn bị chặn đứng lại. Nhờ phương-pháp này, y-giới sẽ am-hiêu bệnh dương-mai một cách trông-tận hơn. (Theo Nợ Vu - Sơn của Bác - sĩ Lê-văn-Ngôn).

HỘP THƯ BÁCH-KHOA

— *Bạn Nguyễn-hữu-Đôn, Đà-lạt :* ông Vũ-ngọc-Tiến trong nhóm Bách-Khoa là một chuyên-viên của hãng Shell chứ không phải là một thương-gia như trong thư bạn hỏi. Đó chỉ là một sự trùng-danh.

— *Bạn Nguyễn-tử-Quang, Bạc-Liêu :* Đã nhận được thư và bài của bạn. Trân trọng cảm ơn.

— *Bạn Võ-Phiến :* Rất mong đợi những sáng-tác mới của anh.

Gần đây **SAIGON** đã nói nhiều đến:

TRÚC-LÂM TRÀ-THẤT

116, Ngô-tùng-Châu (Phan-thanh-Giản cũ) — Saigon

- ☆ Nơi uống trà thanh-nhã độc-nhất của Thủ-đô.
- ☆ Nơi giải-trí lành-mạnh với âm-nhạc cổ-diễn thuần-tuý dân-tộc, mỗi tối thứ Bảy và Chủ-nhật.
- ☆ Nơi có nhiều phòng ăn riêng trên lầu, lịch-sự, mát-mẻ làm TỬU-ĐÌNH, để quý-vị thưởng-thức món ăn đặc-biệt Việt-Nam: chả cá.

HÀNG LA-VE B.G.I

*Thung-sủ nên
Kinh-tế Việt-Nam
từ năm 1875*

LA-VE LARUE

LA-VE "33" EXPORT

**BRASSERIES & GLACIÈRES
DE L'INDOCHINE**

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



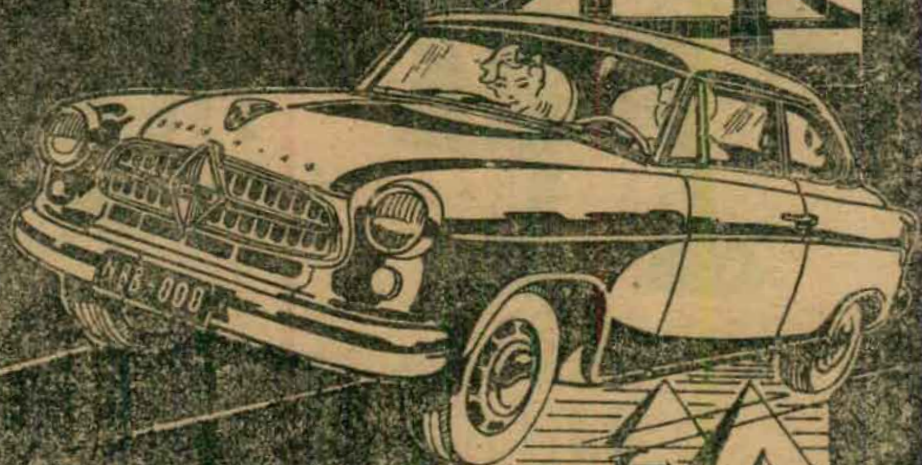
và đặc biệt nhất là dầu.

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.P.

BORGWARD



BORGWARD-SERVICE

GARAGE

SIT

*BUTAGAZ, hơi đốt dùng nấu nướng
tốt nhất*



**SẠCH - SẼ
TIỆN - LỢI
ÍT TỐN KÉM**



- B** - Đốt cháy liền
- U** - Khởi măt ngay giờ
- T** - Không khói, không bụi
- A** - Dùng nấu nướng các thứ
- G** - Không làm nhứt dầu hay cay măt
- A** - Khởi phải coi chừng ngọn lửa
- Z** - Một bình hơi dùng:

TỔNG PHÁT HÀNH:
POINSARD & VEYRET

bằng 120 kí-lô than
hoặc 2 thước củi
hoặc 135 kí-lô-vát điện

CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

TẠP-CHÍ BÁCH-KHOA

XUẤT-BẢN MỖI THÁNG HAI KỶ

DIỄN - ĐÀN CHUNG CỦA TẤT CẢ
NHỮNG NGƯỜI THA-THIỆT ĐẾN CÁC VẤN-ĐỀ
**CHÍNH-TRỊ, KINH-TẾ, VĂN-HÓA,
XÃ-HỘI.**

Chủ-nhiệm : HUỖNH - VĂN - LANG

hợp-tác cùng các bạn :

LÊ-ĐÌNH-CHÂN

TĂNG-VĂN-CHỈ

ĐỖ-TRỌNG-CHU

LÊ-THÀNH-CƯỜNG

TRẦN-LƯU-DY

LÊ-PHÁT-ĐẠT

NGUYỄN-VĂN-ĐẠT

NGUYỄN-LÊ-GIANG

PHẠM-NGỌC-THUẦN-GIAO

NGUYỄN-HỮU-HẠNH

LÊ-VĂN-HOÀNG

NGUYỄN-VĂN-KHẢI

PHẠM-DUY-LÂN

NGUYỄN-QUANG-LỆ

TRẦN-LONG

BÙI-BÁ-LƯ

DƯƠNG-CHÍ-SANH

NGUYỄN-HUY-THANH

BÙI-KIẾN-THÀNH

HOÀNG-KHẮC-THÀNH

PHẠM-NGỌC-THẢO

BÙI-VĂN-THỊNH

NGUYỄN-TẤN-THỊNH

VŨ-NGỌC-TIẾN

VÕ-THU-TỊNH

NGUYỄN-TẤN-TRUNG

PHẠM-KIM-TƯƠNG

HOÀNG-MINH-TUỖNH

BÙI-CÔNG-VĂN